SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

LPBank Securities

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309312029 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 12/02/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 08/07/2026)

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 104/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh sửa đổi số 79/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 06 năm 2026)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Công văn số 4102/SGDHCM ngày 20 tháng 07 năm 2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

Bản Cáo Bạch này và các phụ lục của Bản Cáo Bạch sẽ được cung cấp từ ngày 27 tháng 7 năm 2026 tại:

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (LPBS)

Trụ sở chính: Tầng 4, Cao ốc văn phòng 257 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84 28) 7309 8198 Fax: (84 28) 3514 6799

Website: www.lpbs.com.vn

Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK
Ký ngày: 27/07/2026 17:19:41

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Duy Khoa

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số điện thoại: (84 28) 7309 8198

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309312029 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 12/02/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 08/07/2026)

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 104/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 79/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 06 năm 2026)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	LPS
Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết:	1.266.800.000 (*Một tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm nghìn*) cổ phiếu.
Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá:	12.668.000.000.000 đồng (*Mười hai nghìn sáu trăm sáu mươi tám tỷ đồng*).

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính: Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 24) 7105 0000 Fax: (84 24) 6288 5678

Website: www.deloitte.com/vn

Tổ chức kiểm toán Báo cáo vốn điều lệ đã góp: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa B2, Roman Plaza, Đường Tố Hữu, Phường Đại Mỗ, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 24) 5678 3999 Fax: (84 24) 5678 3999

Website: https://uhyvietnam.com.vn/

TỔ CHỨC TƯ VẤN: Không có

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 5

1. Tổ chức đăng ký niêm yết 5
2. Tổ chức tư vấn 5

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 5

1. Rủi ro về kinh tế 5
2. Rủi ro về luật pháp 9
3. Rủi ro đặc thù 10
4. Rủi ro quản trị công ty 13
5. Rủi ro khác 14

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT 15

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 17

1. Thông tin chung về Tổ chức đăng ký niêm yết 17
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 18
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức đăng ký niêm yết 19
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty 20
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà Tổ chức đăng ký niêm yết nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 33
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết 33
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết tại các doanh nghiệp khác 37
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 37
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 39
10. Hoạt động kinh doanh 39
11. Chính sách đối với người lao động 70
12. Chính sách cổ tức 72
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký niêm yết 73
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết và việc niêm yết cổ phiếu 74

15. Thông tin về cam kết của Tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 77

16. Thông tin về việc tổ chức đăng ký niêm yết, người đại diện theo pháp luật của Tổ chức đăng ký niêm yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán 78

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 79

1. Kết quả hoạt động kinh doanh 79

2. Tình hình tài chính 82

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với báo cáo tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết 97

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 98

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 102

1. Thông tin về cổ đông sáng lập 102

2. Thông tin về cổ đông lớn 102

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng 105

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG 124

1. Loại cổ phiếu 124

2. Mệnh giá cổ phiếu 124

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán 124

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá 124

5. Giá chào bán dự kiến 124

6. Phương pháp tính giá 124

7. Phương thức phân phối 127

8. Đăng ký mua cổ phiếu 129

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu 131

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu 132

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu 132

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết 132

13. Hủy bỏ đợt chào bán 132
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài 133
15. Các loại thuế có liên quan 134
16. Thông tin về các cam kết 135
17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt 135
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG 137
1. Mục đích chào bán 137
2. Phương án khả thi 137
3. Thông tin về tình hình triển khai dự án 137
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG 137
X. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 140
1. Loại cổ phiếu 140
2. Mệnh giá cổ phiếu 140
3. Mã cổ phiếu 140
4. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết 140
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết 141
6. Phương pháp tính giá 143
7. Các loại thuế có liên quan 145
XI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 147
XII. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG TỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 147

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết

Ông Nguyễn Duy Khoa	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Hoàng Việt Anh	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngân	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Bùi Lê Quang	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản Cáo Bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Không có.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Bên cạnh các thông tin đã được trình bày tại những phần khác của Bản Cáo Bạch, nhà đầu tư khi cân nhắc việc mua Cổ phiếu cần thận trọng đánh giá các yếu tố rủi ro nêu dưới đây. Việc một hoặc nhiều rủi ro này phát sinh có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ chức đăng ký niêm yết, đồng thời tác động tiêu cực đến đợt chào bán, mức giá chào bán Cổ phiếu cũng như kế hoạch sử dụng vốn thu được. Ngoài những yếu tố đã được đề cập, vẫn có khả năng tồn tại các rủi ro khác hiện chưa được Tổ chức đăng ký niêm yết nhận diện hoặc chưa được đánh giá là trọng yếu, nhưng có thể ảnh hưởng tiêu cực đến quyết định đầu tư vào Cổ phiếu.

1. Rủi ro về kinh tế

Những biến động của nền kinh tế có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của hầu hết các ngành nghề, đặc biệt là thị trường chứng khoán. Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng và được hỗ trợ bởi các chính sách điều tiết của Nhà nước, thị trường vẫn mở ra nhiều cơ hội tăng trưởng cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, tùy từng thời điểm, việc Chính phủ triển khai các biện pháp tài khóa, tiền tệ hoặc cơ chế quản lý hành chính trong từng giai đoạn cũng có thể tạo ra tác động nhất định đến các hoạt động của doanh nghiệp, đòi hỏi doanh nghiệp phải chủ động theo dõi và thích ứng kịp thời.

Với đặc thù hoạt động hoàn toàn tại thị trường Việt Nam, Tổ chức đăng ký niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các biến động của nền kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán, qua đó có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực đến kết quả hoạt động kinh doanh.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những yếu tố vĩ mô quan trọng, tác động trực tiếp đến sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế và đặc biệt ảnh hưởng sâu rộng đến thị trường tài chính và chứng khoán. Tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ thường đi kèm với sự gia tăng nhu cầu tiêu dùng, mở rộng hoạt động sản xuất - kinh doanh và củng cố niềm tin của nhà đầu tư. Điều này thúc đẩy nhu cầu huy động vốn của doanh nghiệp và làm gia tăng các hoạt động đầu tư, giao dịch chứng khoán, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các công ty chứng khoán như LPBS. Ngược lại, khi nền kinh tế suy giảm hoặc tăng trưởng chậm lại, niềm tin thị trường bị ảnh hưởng, các nhà đầu tư có xu hướng thận trọng hơn, giảm thiểu giao dịch và thu hẹp danh mục, kéo theo nhu cầu huy động vốn của doanh nghiệp suy giảm, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của các công ty chứng khoán.

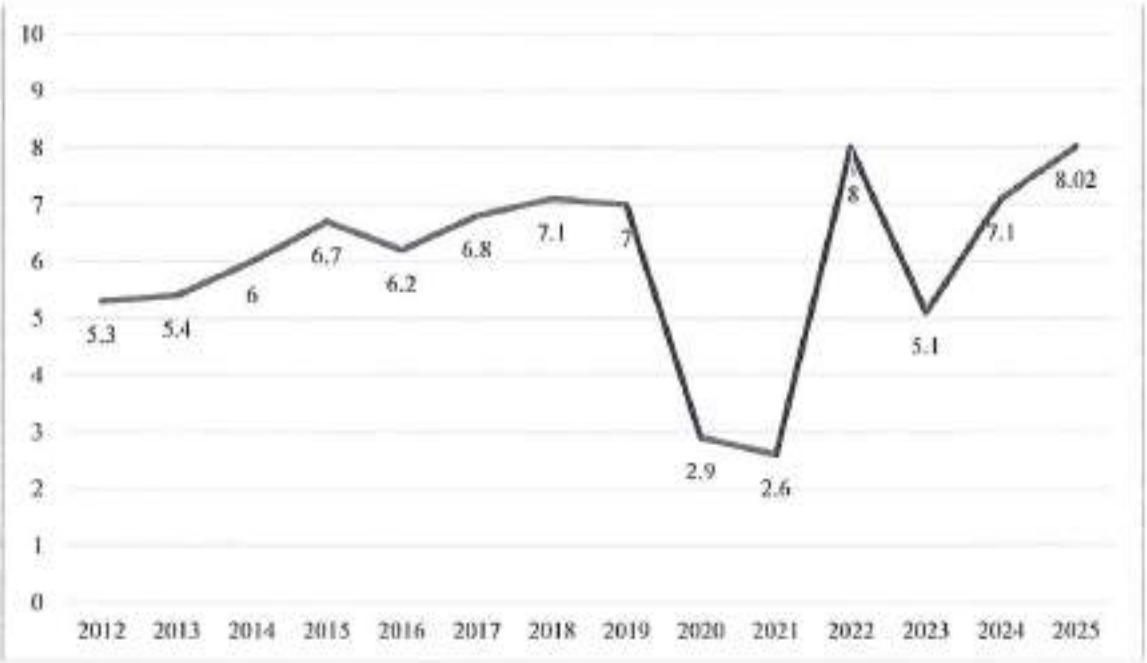
Từ sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu. Việt Nam đã tham gia hàng loạt Hiệp định thương mại tự do (FTA) đa phương và song phương, tiêu biểu như Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) và nhiều FTA thế hệ mới. Những hiệp định này mở ra cơ hội lớn để kinh tế Việt Nam tăng trưởng, tạo nền tảng cho sự mở rộng của thị trường vốn và sự phát triển của ngành chứng khoán.

Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế cũng từng chịu ảnh hưởng đáng kể từ dịch COVID-19 trong các năm 2020 - 2021. Việc giãn cách xã hội kéo dài tại nhiều trung tâm kinh tế trọng điểm đã gây ra tắc nghẽn chuỗi cung ứng và tác động tiêu cực đến mọi lĩnh vực, trong đó có thị trường chứng khoán. GDP Việt Nam chỉ tăng 2,9% năm 2020 và 2,6% năm 2021 (Cục Thống kê).

Sau giai đoạn khó khăn này, Việt Nam đã phục hồi nhanh nhờ chính sách thích ứng an toàn, linh hoạt và đẩy mạnh tiêm vaccine. Nền kinh tế ghi nhận sự phục hồi rõ rệt với tăng trưởng GDP 8% năm 2022. Đến năm 2023, tăng trưởng giảm tốc còn 5,1%, phản ánh tác động của biến động kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, năm 2024, GDP tăng 7,1%, cho thấy tín hiệu hồi phục tích cực.

Đặc biệt, theo số liệu của Cục Thống kê, GDP năm 2025 tăng trưởng tốt với mức tăng đạt 8,02% so với năm 2024. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%. Đây là cơ sở quan trọng để kỳ vọng sự phát triển mạnh mẽ hơn của thị trường tài chính và nhu cầu đầu tư, giao dịch chứng khoán trong thời gian tới.

Hình 1: Tăng trưởng GDP hàng năm của Việt Nam qua các năm



Nguồn: Cục Thống kê

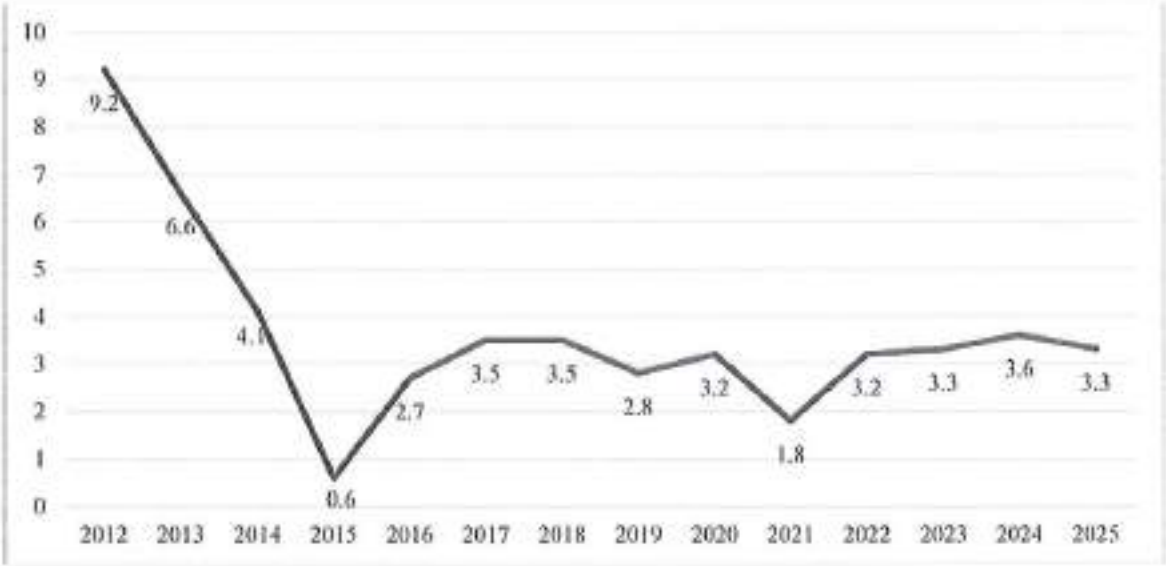
1.2. Rủi ro về lạm phát

Lạm phát là yếu tố kinh tế vĩ mô có thể ảnh hưởng đến diễn biến của thị trường chứng khoán và hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán. Trong giai đoạn 2023 - 2025, lạm phát tại Việt Nam nhìn chung được kiểm soát ở mức hợp lý, với CPI bình quân hàng năm dao động quanh mức 3 - 4%; tuy nhiên, các biến động về giá cả, lãi suất và chính sách điều hành vĩ mô trong từng thời kỳ vẫn tác động đến chi phí vốn, chi phí hoạt động, tâm lý nhà đầu tư và thanh khoản thị trường.

Bên cạnh đó, diễn biến giá xăng dầu trên thị trường quốc tế và trong nước tạo áp lực lên mặt bằng giá chung. Giá xăng dầu ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí vận tải, logistics và sản xuất, đồng thời lan tỏa sang nhiều nhóm hàng hóa, dịch vụ khác, qua đó tác động đến CPI. Trong bối cảnh thị trường năng lượng toàn cầu còn tiềm ẩn biến động, giá xăng dầu chịu ảnh hưởng từ các yếu tố như địa chính trị, điều chỉnh sản lượng của các quốc gia xuất khẩu và biến động cung - cầu, làm gia tăng tính bất định của lạm phát.

Ngoài ra, áp lực lạm phát còn phát sinh từ việc điều chỉnh giá các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quản lý (như điện, y tế, giáo dục), biến động tỷ giá và thay đổi trong chính sách tiền tệ. Các yếu tố này làm gia tăng chi phí đầu vào của nền kinh tế, qua đó ảnh hưởng đến chi phí hoạt động và chi phí vốn của các công ty chứng khoán.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát hàng năm của Việt Nam qua các năm



Nguồn: Cục Thống kê

1.3. Rủi ro về lãi suất

Bên cạnh rủi ro lạm phát, lãi suất là một trong những yếu tố vĩ mô có ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí vốn, hành vi đầu tư và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán. Trong môi trường lãi suất thấp, chi phí huy động vốn giảm, nhà đầu tư có xu hướng tìm kiếm các kênh sinh lời cao hơn như thị trường chứng khoán, qua đó hỗ trợ thanh khoản thị trường và thúc đẩy hoạt động môi giới, tự doanh và ngân hàng đầu tư. Ngược lại, khi lãi suất tăng, chi phí vốn gia tăng, dòng tiền có xu hướng dịch chuyển sang các kênh đầu tư an toàn như tiền gửi ngân hàng, từ đó có thể làm thu hẹp quy mô giao dịch và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của các công ty chứng khoán.

Trong giai đoạn 2023 - 2024, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") đã thực hiện chính sách nới lỏng tiền tệ nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, thông qua việc giảm lãi suất điều hành và định hướng giảm mặt bằng lãi suất cho vay. Nhờ đó, lãi suất huy động và cho vay bằng VND đã giảm so với giai đoạn trước, góp phần cải thiện khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp và hỗ trợ thị trường tài chính.

Giai đoạn năm 2025 - 2026, trong bối cảnh nhu cầu tín dụng phục hồi và áp lực từ các yếu tố bên ngoài như lạm phát và tỷ giá, mặt bằng lãi suất trong nước có xu hướng tăng trở lại. Tuy nhiên, mặt bằng lãi suất nhìn chung vẫn đang được NHNN kiểm soát và điều hành linh hoạt, hướng tới ổn định vĩ mô.

Lãi suất là giá của dòng vốn trong nền kinh tế, phản ánh chi phí sử dụng tiền và là công cụ điều tiết quan trọng của chính sách tiền tệ. Diễn biến lãi suất có tác động trực tiếp đến quyết định đầu tư, tiêu dùng và phân bổ dòng vốn giữa các kênh tài sản, bao gồm thị trường chứng khoán. Mặt bằng lãi suất chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như (i) cung - cầu vốn trong nền kinh tế; (ii) diễn biến và kỳ vọng lạm phát; (iii) chính sách điều hành của NHNN (bao gồm lãi suất điều

hành, tăng trưởng tín dụng, nghiệp vụ thị trường mở); (iv) biến động tỷ giá và dòng vốn quốc tế; và (v) điều kiện thanh khoản của hệ thống ngân hàng.

Biến động lãi suất có thể ảnh hưởng tiêu cực đến chi phí tài chính, khả năng huy động vốn, nhu cầu sử dụng đòn bẩy tài chính của nhà đầu tư cũng như quy mô giao dịch trên thị trường chứng khoán, từ đó tác động đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, trong trường hợp lãi suất tăng mạnh hoặc kéo dài, chi phí vay giao dịch ký quỹ có thể gia tăng, làm giảm sức hấp dẫn của kênh chứng khoán và ảnh hưởng đến thanh khoản thị trường.

1.4. Rủi ro về tỷ giá

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu có nhiều biến động, tỷ giá USD/VND trong năm 2025 có xu hướng tăng. Tuy nhiên, đối với các công ty chứng khoán hoạt động chủ yếu tại thị trường trong nước như LPBS, biến động tỷ giá không tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh cốt lõi.

Ảnh hưởng của tỷ giá, nếu có, chủ yếu mang tính gián tiếp, thông qua diễn biến dòng vốn đầu tư nước ngoài và tâm lý thị trường. LPBS không có hoạt động kinh doanh ngoại tệ đáng kể và các nghiệp vụ chính của Công ty được thực hiện bằng đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro tỷ giá đối với hoạt động của Công ty được đánh giá ở mức hạn chế.

Tuy nhiên, trong trường hợp tỷ giá biến động mạnh, đặc biệt khi đồng VND mất giá so với USD, dòng vốn ngoại có thể có xu hướng dịch chuyển, qua đó ảnh hưởng đến thanh khoản và định giá trên thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó, biến động tỷ giá cũng có thể tác động gián tiếp đến chính sách tiền tệ và mặt bằng lãi suất trong nước, từ đó ảnh hưởng đến chi phí vốn và hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Trong năm 2026, tỷ giá USD/VND được dự báo tiếp tục chịu áp lực từ các yếu tố bên ngoài như chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED), diễn biến lạm phát toàn cầu và xu hướng dịch chuyển dòng vốn quốc tế, cũng như các yếu tố trong nước như cán cân thương mại, giải ngân vốn đầu tư nước ngoài và định hướng điều hành của Ngân hàng Nhà nước. Trong trường hợp các yếu tố này diễn biến kém thuận lợi, tỷ giá có thể biến động mạnh hơn kỳ vọng, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư, dòng vốn trên thị trường chứng khoán và hiệu quả hoạt động của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Tổ chức đăng ký niêm yết là công ty chứng khoán, hoạt động trong lĩnh vực có mức độ điều tiết cao và chịu sự giám sát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước. Ngoài việc tuân thủ các quy định chung của Luật Doanh nghiệp, Tổ chức đăng ký niêm yết còn chịu sự điều chỉnh trực tiếp của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan đến thị trường vốn, kế toán, thuế và quản trị doanh nghiệp.

Trong bối cảnh khung pháp lý đối với thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục được hoàn thiện theo hướng tiệm cận thông lệ quốc tế, các yêu cầu về công bố thông tin, quản trị rủi ro và tuân thủ ngày càng được chuẩn hóa và nâng cao, góp phần tăng cường tính minh bạch, an toàn

và bền vững của thị trường. Đồng thời, các yêu cầu này đặt ra tiêu chuẩn cao hơn đối với hệ thống quản trị, kiểm soát nội bộ và năng lực triển khai sản phẩm, dịch vụ của các công ty chứng khoán, bao gồm cả Tổ chức đăng ký niêm yết.

Theo quy định pháp luật hiện hành, công ty chứng khoán phải duy trì đầy đủ các điều kiện hoạt động, bao gồm các chỉ tiêu an toàn tài chính, vốn khả dụng, hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, công nghệ thông tin và các yêu cầu về tổ chức, nhân sự.

Tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch, Tổ chức đăng ký niêm yết đang tuân thủ các quy định pháp luật về điều kiện hoạt động và các chỉ tiêu an toàn tài chính. Tuy nhiên, Công ty không loại trừ khả năng phát sinh rủi ro trong trường hợp điều kiện thị trường biến động mạnh, quy mô hoạt động mở rộng nhanh hoặc các quy định pháp luật có sự thay đổi nhưng Công ty chưa thích ứng được ngay mà cần có thời gian để hoàn thiện hệ thống, quy trình nội bộ nhằm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu mới.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh từ các biến động bất lợi của các yếu tố thị trường như giá chứng khoán, lãi suất, tỷ giá và các chỉ số kinh tế vĩ mô, có thể ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị tài sản, hiệu quả hoạt động và kết quả kinh doanh của các công ty chứng khoán. Trong những giai đoạn thị trường biến động mạnh, đặc biệt khi xảy ra suy giảm kinh tế hoặc khủng hoảng tài chính, rủi ro thị trường có thể gia tăng, tác động tiêu cực đến lợi nhuận, khả năng thanh toán và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Hoạt động kinh doanh của LPBS chịu ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường trên nhiều phương diện. Cụ thể: (i) trong hoạt động tư vấn phát hành chứng khoán, điều kiện thị trường không thuận lợi có thể làm giảm nhu cầu huy động vốn của khách hàng, ảnh hưởng đến doanh thu phí dịch vụ; (ii) đối với mảng phân phối sản phẩm đầu tư, biến động lãi suất và diễn biến thị trường có thể làm thay đổi khẩu vị rủi ro và tiến độ giải ngân của nhà đầu tư; (iii) trong hoạt động cho vay ký quỹ, biến động giá chứng khoán có thể làm suy giảm giá trị tài sản bảo đảm, đồng thời lãi suất gia tăng có thể làm giảm nhu cầu vay ký quỹ của khách hàng; và (iv) danh mục đầu tư tự doanh của Công ty, bao gồm cổ phiếu, trái phiếu và các công cụ tài chính khác, có thể chịu tác động bất lợi từ sự biến động của giá thị trường và các yếu tố không chắc chắn của môi trường kinh tế vĩ mô.

3.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh khi khách hàng hoặc đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Tổ chức đăng ký niêm yết. Đối với công ty chứng khoán, rủi ro này chủ yếu phát sinh trong các nghiệp vụ như cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và đầu tư vào các công cụ nợ, bao gồm trái phiếu doanh nghiệp.

Trong hoạt động cho vay ký quỹ, rủi ro tín dụng có thể xảy ra khi thị trường biến động giảm mạnh làm suy giảm giá trị tài sản bảo đảm và khách hàng không kịp thời bổ sung ký quỹ. Đối với danh mục đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, rủi ro tín dụng có thể phát sinh từ khả năng thanh toán của Tổ chức đăng ký niêm yết, diễn biến dòng tiền và điều kiện thị trường.

3.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh khi LPBS không có đủ nguồn vốn khả dụng để thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn, hoặc chỉ có thể đáp ứng các nghĩa vụ này với chi phí cao. Rủi ro này có thể xuất phát từ các yếu tố như biến động dòng tiền của khách hàng, nhu cầu thanh toán các nghĩa vụ ký quỹ, hoặc gián đoạn trong quá trình thanh toán, bù trừ với các đối tác và tổ chức lưu ký. Trong trường hợp không được kiểm soát hiệu quả, rủi ro thanh khoản có thể gây áp lực ngắn hạn lên dòng tiền, ảnh hưởng đến khả năng vận hành liên tục và uy tín của Công ty.

3.4. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro phát sinh từ các yếu tố nội tại trong quá trình vận hành của Tổ chức đăng ký niêm yết, bao gồm sai sót quy trình, lỗi con người, sự cố hệ thống công nghệ thông tin hoặc các yếu tố khách quan khác. Đối với công ty chứng khoán, rủi ro hoạt động có thể dẫn đến gián đoạn giao dịch, sai lệch dữ liệu, ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng, gây tổn thất tài chính và tác động bất lợi đến uy tín của Công ty.

3.5. Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin

Hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán phụ thuộc lớn vào hệ thống công nghệ thông tin, đặc biệt trong bối cảnh phần lớn giao dịch được thực hiện thông qua các nền tảng điện tử. Mặc dù Tổ chức đăng ký niêm yết đã đầu tư đáng kể vào việc xây dựng, nâng cấp và mở rộng hạ tầng công nghệ nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh, hệ thống công nghệ thông tin vẫn tiềm ẩn các rủi ro nhất định.

Rủi ro hệ thống có thể phát sinh từ sự cố kỹ thuật, lỗi phần mềm, phần cứng hoặc hạ tầng mạng, dẫn đến gián đoạn dịch vụ và ảnh hưởng đến khả năng thực hiện giao dịch của khách hàng. Trong trường hợp sự cố kéo dài, hoạt động giao dịch có thể bị gián đoạn, gây ảnh hưởng đến trải nghiệm khách hàng và uy tín của Công ty.

Bên cạnh đó, rủi ro về an ninh mạng ngày càng gia tăng trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ. Các hành vi tấn công mạng, truy cập trái phép hoặc rò rỉ dữ liệu có thể ảnh hưởng đến tính bảo mật, toàn vẹn và sẵn sàng của thông tin, phát sinh rủi ro về tài chính, uy tín và trách nhiệm pháp lý đối với Tổ chức đăng ký niêm yết.

3.6. Rủi ro đối với hoạt động tự doanh và cho vay ký quỹ

Để giảm bớt rủi ro trong cho vay giao dịch ký quỹ Công ty luôn tuân thủ các quy định về hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ được quy định tại Thông tư 120/2020/TT-BTC, Quyết định 87/QĐ-UBCK, bên cạnh đó, Công ty đã ban hành và liên tục cập nhật các quy trình nội bộ nhằm hạn chế

các rủi ro phát sinh từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ. Ngoài ra, Công ty áp dụng thêm các biện pháp sau để giảm thiểu rủi ro trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ tại Công ty:

- Ban hành các hạn mức tỷ lệ nợ xấu hàng năm cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.
- Ban hành các hạn mức rủi ro theo các đối tượng khách hàng, tài sản bảo đảm, sản phẩm, và các hạn mức khác đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.
- Xây dựng mô hình để lượng hóa được rủi ro thanh toán từ đó xác định được chi phí rủi ro và ban hành các chính sách giá phù hợp để đảm bảo lợi nhuận từ các trạng thái rủi ro phải đủ bù đắp chi phí rủi ro.
- Xây dựng phương pháp xếp hạng và xây dựng danh mục ký quỹ để có cơ chế đánh giá mức độ tốt xấu của từng cổ phiếu và có chính sách phù hợp đối với từng loại cổ phiếu.
- Xây dựng đầy đủ quy chế, quy định, quy trình cho hoạt động đầu tư và cho vay ký quỹ.
- Tự động hóa các chốt kiểm soát để giảm thiểu rủi ro.
- Hướng tới việc tự động hóa việc xử lý tài sản bảo đảm khi tài khoản không đáp ứng tỷ lệ ký quỹ duy trì, tỷ lệ ký quỹ xử lý.
- Sử dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro khác như: Nhận tài sản bảo đảm, bảo lãnh, đa dạng hóa danh mục đầu tư, bảo hiểm rủi ro danh mục, bảo hiểm khác...
- Hướng tới việc duy trì mức dự phòng rủi ro tính theo tiêu chuẩn quốc tế (phương pháp do LPBS quy định từng thời kỳ) không nhỏ hơn tổn thất ước tính của danh mục cho vay ký quỹ tại các thời điểm cuối quý.

3.7. Rủi ro đầu tư các tài sản tài chính

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản ngắn hạn của Công ty, bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết như (i) cổ phiếu, (ii) trái phiếu, (iii) chứng chỉ tiền gửi và chứng chỉ quỹ.

Định kỳ vào ngày lập báo cáo, Công ty sẽ thực hiện đánh giá lại tài sản tài chính theo giá trị thị trường hợp lý. Công ty thực hiện hạch toán và tuân thủ theo quy định pháp luật về ghi nhận và đánh giá lại tài sản tài chính. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước ảnh hưởng trực tiếp đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty cũng cập nhật định kỳ về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp và đánh giá các phương án đầu tư theo đúng chính sách quản trị rủi ro.

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025
Giá trị hợp lý tài sản tài chính FVTPL	**612.447.533.159**	**11.384.716.738.119**
Trong đó:		
Cổ phiếu niêm yết	119.000	2.419.601.427.949

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025
Trái phiếu chính phủ	612.447.414.159	3.004.269.780.000
Trái phiếu niêm yết	-	2.662.321.548.862
Trái phiếu chưa niêm yết	-	748.077.243.287
Chứng chỉ tiền gửi	-	2.499.735.926.205
Chứng chỉ quỹ	-	50.710.811.816
Chỉ tiêu	**2024**	**2025**
Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL	**3.674.164.159**	**902.768.584.062**
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	2.059.200.000	561.944.010.066
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	1.614.964.159	337.881.566.296
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	-	2.943.007.700
Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL	**679.589**	**314.136.877.788**
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	654.819	127.585.093.111
Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	15.050	177.474.697.025
Trong đó:		
Lợi nhuận từ các tài sản tài chính FVTPL	**3.673.484.570**	**588.631.706.274**
Chênh lệch về đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	**1.614.949.109**	**160.406.869.271**

Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán của LPBS

Từ dữ liệu bảng trên, có thể thấy danh mục tài sản tài chính FVTPL đem lại hiệu quả kinh doanh tích cực trong năm 2025, trong đó tài sản được phân bổ đều vào cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và chứng chỉ quỹ. Việc đa dạng hóa danh mục như vậy giúp cho nguồn lợi nhuận hoạt động đến từ mảng này ít bị ảnh hưởng bởi biến động của thị trường.

4. Rủi ro quản trị công ty

Quản trị công ty là yếu tố nền tảng quyết định hiệu quả quản lý, tính minh bạch và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Rủi ro quản trị công ty có thể phát sinh từ việc quản trị công ty không tốt bao gồm việc thực hiện các nguyên tắc quản trị công ty; mối quan hệ giữa ban điều hành, HĐQT và cổ đông; cơ chế giám sát, xây dựng các quy chế quản trị công ty, quy chế nội bộ cũng như việc thực hiện các quy chế đó, sự hạn chế trong năng lực điều hành, sai sót trong quá trình ra quyết định, hoặc sự thiếu đồng bộ trong hệ thống kiểm soát nội bộ; đồng thời cũng chịu tác động từ các yếu tố bên ngoài như thay đổi của môi trường pháp lý và yêu cầu quản trị ngày càng cao đối với công ty đại chúng. Nếu không được quản trị hiệu quả, các rủi ro này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động, quản lý tài chính và quyền lợi của cổ đông.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro đã được đề cập, hoạt động của Công ty trong dài hạn có thể chịu tác động từ một số yếu tố khách quan nằm ngoài phạm vi kiểm soát trực tiếp, như biến động địa chính trị, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh hoặc những thay đổi bất lợi của môi trường kinh tế - tài chính toàn cầu, bao gồm khả năng điều chỉnh đánh giá xếp hạng tín dụng quốc gia. Các yếu tố này thường mang tính không thường xuyên và khó dự báo, song có thể ảnh hưởng đến điều kiện thị trường và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong những giai đoạn nhất định.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Bản Cáo Bạch	:	Là bản cáo bạch này và cũng là bản cung cấp thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư
BCTC	:	Báo cáo tài chính
BKS	:	Ban kiểm soát
CBNV	:	Cán bộ nhân viên
Cổ phiếu đăng ký niêm yết	:	Là 1.266.800.000 cổ phiếu phổ thông được đăng ký niêm yết của Công ty
CPI	:	Chỉ số giá tiêu dùng (Consumer Price Index)
Công ty/LPBS/Tổ chức đăng ký niêm yết	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank
CTCK	:	Công ty chứng khoán
CTCP	:	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
Điều lệ	:	Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 03/02/2026 và các sửa đổi, bổ sung (nếu có) tại từng thời điểm
GDP	:	Tổng sản phẩm quốc nội (Gross Domestic Product)
Giấy phép điều chỉnh	:	Là Giấy phép điều chỉnh của Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán (tùy từng trường hợp) của Công ty tại từng thời điểm
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
HNX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HSX/HOSE	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
LPBank/LPB	:	Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam
Luật Chứng khoán	:	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Việt Nam thông qua vào ngày 26/11/2019 và các văn bản thay thế, sửa đổi và bổ sung áp dụng tại từng thời điểm

Luật Doanh nghiệp	:	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Việt Nam thông qua vào ngày 17/06/2020 và các văn bản thay thế, sửa đổi và bổ sung áp dụng tại từng thời điểm
Luật Đầu tư	:	Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 được Quốc hội Việt Nam thông qua vào ngày 11/12/2025 và các văn bản thay thế, sửa đổi và bổ sung áp dụng tại từng thời điểm
Nghị định 155	:	Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, và các văn bản thay thế, sửa đổi và bổ sung áp dụng tại từng thời điểm
NHNN	:	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Sở GDCK	:	Sở Giao dịch Chứng khoán
Sở KHĐT	:	Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính)
TCPH	:	Tổ chức phát hành
TMCP	:	Thương mại cổ phần
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UPCoM	:	Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết
USD	:	Đô la Mỹ
VND/Đồng	:	Đồng Việt Nam (VND), là đơn vị tiền tệ hợp pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
VSDC	:	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành có liên quan.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

Bất kỳ khác biệt nào trong các bảng nêu tại Bản Cáo Bạch về các khoản tiền được liệt kê và tổng số tiền hoặc số tỷ lệ phần trăm được liệt kê và tổng phần trăm là do việc làm tròn số. Vì thế các con số về tổng cộng các hạng mục trong một số bảng có thể không bằng tổng số tương ứng của những con số đứng trước nó.

1. Thông tin chung về Tổ chức đăng ký niêm yết

Tên Công ty bằng tiếng Việt	:	**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK**
Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài	:	LPBank Securities Joint Stock Company
Tên giao dịch	:	Công ty Chứng khoán LPBank
Tên viết tắt:	:	LPBS
Logo	:	LPBank Securities
Trụ sở chính:	:	Tầng 4, Cao ốc văn phòng 257 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	:	(84 28) 7309 8198
Số fax	:	(84 28) 3514 6799
Vốn điều lệ	:	12.668.000.000.000 VND
Website	:	https://www.lpbs.com.vn
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần	:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0309312029 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 12/02/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 08/07/2026
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán	:	Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 104/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 02 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số: 79/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 06 năm 2026
Ngành nghề kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động	:	- Tự doanh chứng khoán; - Tư vấn đầu tư chứng khoán; - Bảo lãnh phát hành chứng khoán; - Môi giới chứng khoán.

Ngành nghề đăng ký kinh doanh

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề
1	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán.*	6619 (chính)
2	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán *Chi tiết: Môi giới chứng khoán*	6612

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy Khoa - Chủ tịch Hội đồng quản trị

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trải qua hơn 16 năm thành lập và hoạt động đến nay, Công ty có các mốc sự kiện quan trọng như sau:

Năm	Sự kiện
2009	12/02/2009: Thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Viettranimex theo Giấy phép số 104/UBCK-GP, với 2 nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán và tự doanh chứng khoán; vốn điều lệ 125 tỷ đồng.
	11/09/2009: Được cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 112/GCNTVLK.
2010	20/04/2010: Đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt theo Giấy phép số 316/UBCK-GP.
2013	06/08/2013: Chuyển trụ sở chính từ Hà Nội vào Hồ Chí Minh theo Giấy phép điều chỉnh số 33/GPĐC-UBCK và chuyển Chi nhánh Hồ Chí Minh ra Hà Nội
2015	23/06/2015: Thay đổi trụ sở chính từ Tầng 11 Tòa nhà LienVietPostBank số 2A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh về địa chỉ Lầu 2, tòa nhà Him Lam, số 234 Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2016	25/07/2016: Tăng vốn điều lệ từ 125 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
	24/10/2016: Bổ sung nghiệp vụ Tư vấn đầu tư chứng khoán theo Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2021	29/04/2021: Bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành chứng khoán theo Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK.
2023	15/09/2023: Đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank theo Giấy phép điều chỉnh số 72/GPĐC-UBCK.
2024	08/04/2024: Trở thành thành viên giao dịch chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch của Sở GDCK Việt Nam (Quyết định số 13/QĐ-SGDVN).
	08/04/2024: Được kết nối giao dịch trực tuyến với Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 181/QĐ-SGDHCM).
	09/04/2024: Được kết nối giao dịch trực tuyến và giao dịch từ xa với Sở GDCK Hà Nội (Quyết định số 381/QĐ-SGDHN).

	26/04/2024: Tăng vốn điều lệ từ 250 tỷ đồng lên 3.888 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 27/GPĐC-UBCK.
	03/05/2024: Được cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến cho nhà đầu tư của công ty chứng khoán theo Quyết định số 492/QĐ-UBCK.
	06/06/2024: Được cung cấp dịch vụ cho vay ký quỹ theo Quyết định số 630/QĐ-UBCK.
	06/06/2024: Được cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán theo Quyết định số 631/QĐ-UBCK.
	09/07/2024: Thành lập Chi nhánh Đà Nẵng theo Quyết định số 738/QĐ-UBCK.
	15/08/2024: Thay đổi địa chỉ Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK.
2025	18/06/2025: Thành lập Chi nhánh Cát Linh theo Quyết định số 304/QĐ-UBCK.
	29/10/2025: Tăng vốn điều lệ từ 3.888 tỷ đồng lên 12.668 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 118/GPĐC-UBCK.
	02/12/2025: Được phép phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng theo các Giấy chứng nhận số 457/GCN-UBCK.
	26/12/2025: Lần đầu được đăng ký chào bán chứng quyền có đảm bảo theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có đảm bảo.
2026	22/04/2026: Thay đổi địa chỉ Trụ sở chính từ Tầng 3, Cao ốc Văn phòng số 43-45-47 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh về Tầng 4, Cao ốc văn phòng 257 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức đăng ký niêm yết

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank thuộc loại hình công ty cổ phần, hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán, các luật khác có liên quan và Điều lệ.

Tại ngày 15/04/2026, LPBS không có công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết. Công ty có 01 trụ sở chính và 03 chi nhánh với các thông tin như sau:

- **Trụ sở chính:**

- Địa điểm: Tầng 4, Cao ốc văn phòng 257 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: (84 28) 7309 8198

- **Chi nhánh Hà Nội**

- Địa điểm: Tầng 2, LPB Tower, Số 210 Trần Quang Khải và Số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Giấy phép thành lập: Quyết định số 621/QĐ-UBCK ngày 03 tháng 08 năm 2010 về việc chấp thuận thành lập chi nhánh công ty chứng khoán và Quyết định số 462/QĐ-UBCK ngày 06 tháng 08 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định thành lập chi nhánh công ty chứng khoán.
- Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được ủy quyền thực hiện: Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán cho các tổ chức cá nhân trong nước, nước ngoài và được tham gia vào các hoạt

động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam).

- Điện thoại: (84 28) 7309 8198

- **Chi nhánh Cát Linh**

- Địa điểm: Tầng 3, Số 11A, Phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.
- Giấy phép thành lập: Quyết định số 304/QĐ-UBCK ngày 18 tháng 06 năm 2025 về việc chấp thuận thành lập chi nhánh công ty chứng khoán.
- Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được ủy quyền thực hiện: Môi giới chứng khoán.
- Điện thoại: (84 28) 7309 8198

- **Chi nhánh Đà Nẵng**

- Địa điểm: Tầng 1, Số 140 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
- Giấy phép thành lập: Quyết định số 738/QĐ-UBCK ngày 09 tháng 07 năm 2024 về việc chấp thuận thành lập chi nhánh công ty chứng khoán.
- Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được ủy quyền thực hiện: Môi giới chứng khoán.
- Điện thoại: (84 28) 7309 8198

Hình 3: Cơ cấu tổ chức của LPBS



Nguồn: LPBS

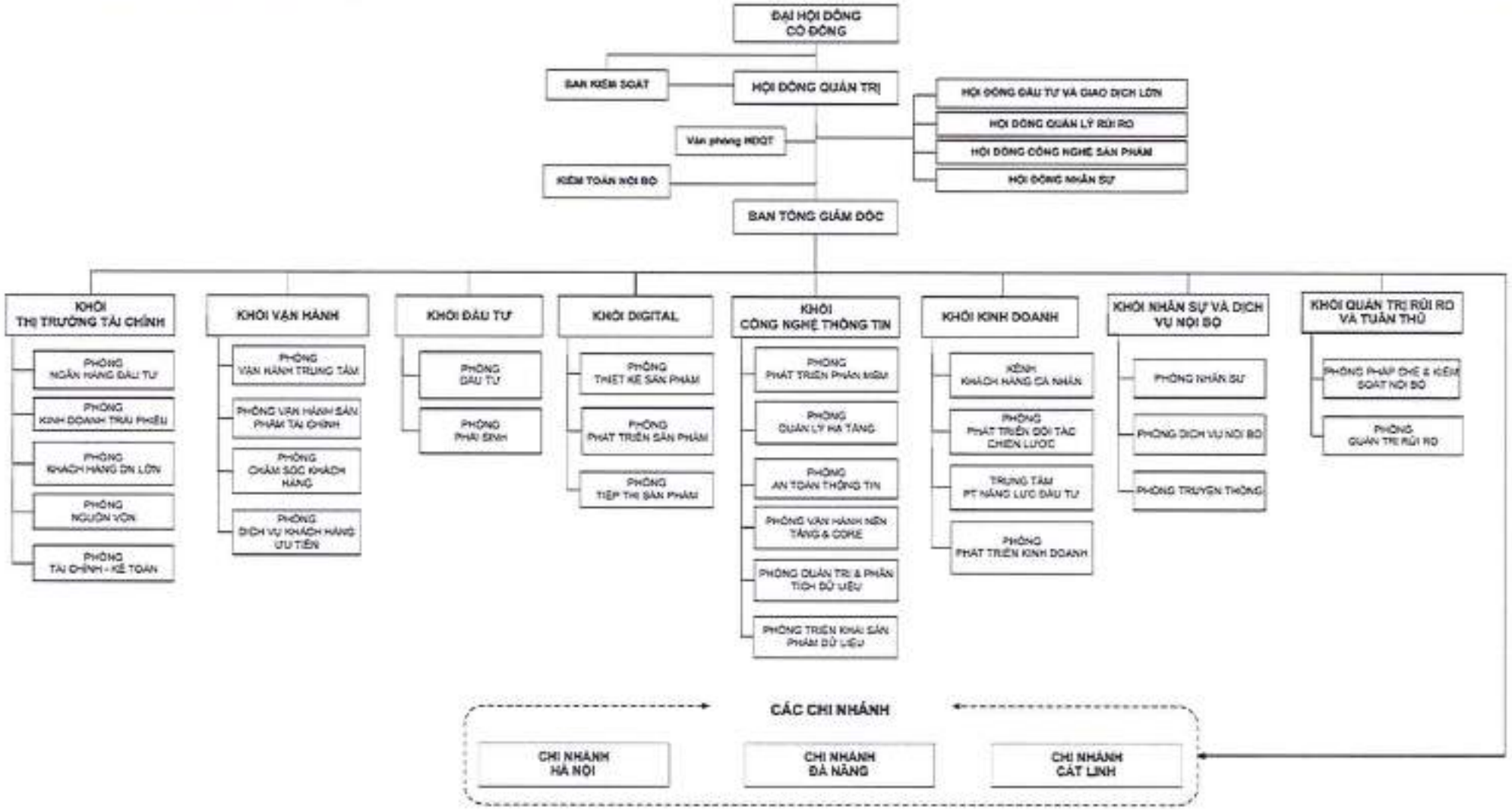
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank thuộc loại hình công ty cổ phần, hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.

Căn cứ Điều lệ Công ty, Nghị quyết số 56/2025/NQ-HĐQT ngày 03/06/2025 về việc ban hành sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank và Nghị quyết HĐQT số 157/2025/NQ-HĐQT ngày 10/12/2025 về việc điều chỉnh và bổ sung sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank, cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty như sau:

Hình 3: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của LPBS

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]


ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BAN KIỂM SOÁT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
HỘI ĐỒNG ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH LỚN
HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ RỦI RO
HỘI ĐỒNG CÔNG NGHỆ SẢN PHẨM
HỘI ĐỒNG NHÂN SỰ
Văn phòng HĐQT
KIỂM TOÁN NỘI BỘ
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
KHỐI THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH
PHÒNG NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ
PHÒNG KINH DOANH TRÁI PHIẾU
PHÒNG KHÁCH HÀNG DN LỚN
PHÒNG NGUỒN VỐN
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN
KHỐI VẬN HÀNH
PHÒNG VẬN HÀNH TRUNG TÂM
PHÒNG VẬN HÀNH SẢN PHẨM TÀI CHÍNH
PHÒNG CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG ƯU TIÊN
KHỐI ĐẦU TƯ
PHÒNG ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÁI SINH
KHỐI DIGITAL
PHÒNG THIẾT KẾ SẢN PHẨM
PHÒNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM
PHÒNG TIẾP THỊ SẢN PHẨM
KHỐI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
PHÒNG PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM
PHÒNG QUẢN LÝ HẠ TẦNG
PHÒNG AN TOÀN THÔNG TIN
PHÒNG VẬN HÀNH NỀN TẢNG & CORE
PHÒNG QUẢN TRỊ & PHÂN TÍCH DỮ LIỆU
PHÒNG TRIỂN KHAI SẢN PHẨM DỮ LIỆU
KHỐI KINH DOANH
KÊNH KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN
PHÒNG PHÁT TRIỂN ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC
TRUNG TÂM PT NĂNG LỰC ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÁT TRIỂN KINH DOANH
KHỐI NHÂN SỰ VÀ DỊCH VỤ NỘI BỘ
PHÒNG NHÂN SỰ
PHÒNG DỊCH VỤ NỘI BỘ
PHÒNG TRUYỀN THÔNG
KHỐI QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ TUÂN THỦ
PHÒNG PHÁP CHẾ & KIỂM SOÁT NỘI BỘ
PHÒNG QUẢN TRỊ RỦI RO
CÁC CHI NHÁNH
CHI NHÁNH HÀ NỘI
CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG
CHI NHÁNH CÁT LINH

Nguồn: LPBS

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ, bao gồm:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần, số lượng cổ phần được chào bán và mức cổ tức hằng năm;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên theo báo cáo tài chính gần nhất;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ và thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Quyết định ngân sách, thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt các quy chế quản trị nội bộ; lựa chọn, bãi miễn công ty kiểm toán được chấp thuận;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.

4.2. Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý công ty với các thành viên được bầu, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm bởi ĐHĐCĐ, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Tại thời điểm ký Bản Cáo Bạch, HĐQT có 08 (tám) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4.3. Các Hội đồng thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT quyết định và thành lập các Hội đồng trực thuộc HĐQT để phụ trách, phê duyệt và/hoặc quyết định về các công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

Các Hội đồng hoạt động theo Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và các Quyết định/Quy định/Quy trình/Văn bản nội bộ do Chủ tịch HĐQT ban hành. Việc thực thi Quyết định của Hội đồng trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Hội đồng thuộc Hội đồng quản trị của LPBS được thành lập theo Quyết định của HĐQT, là đơn vị trực thuộc HĐQT, có thẩm quyền quyết định đầu tư theo mức ủy quyền của HĐQT trong từng thời kỳ. Các Hội đồng hiện tại gồm:

- **Hội đồng Đầu tư và Giao dịch lớn**

Hội đồng Đầu tư và Giao dịch lớn là Hội đồng chuyên trách trực thuộc HĐQT, thực hiện đánh giá, phê duyệt các khoản đầu tư, cho vay ký quỹ thuộc thẩm quyền. Hội đồng đầu tư và Giao dịch lớn chịu trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị, cá nhân trong Công ty xây dựng, hoàn thiện và tuân thủ các quy định pháp luật, quy trình thủ tục nội bộ về đầu tư, cho vay ký quỹ, nhằm đảm bảo minh bạch, hiệu quả và phù hợp quy định pháp luật.

- **Hội đồng Quản lý rủi ro**

Hội đồng Quản lý rủi ro là Hội đồng chuyên trách trực thuộc HĐQT, thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc và các công việc khác theo sự phân công của HĐQT trong việc giám sát, quản lý rủi ro của LPBS, bao gồm: Chiến lược, chính sách, quy trình, khung quản lý rủi ro và hệ thống được LPBS thiết lập để nhận dạng, đánh giá, đo lường, theo dõi và kiểm soát các rủi ro trọng yếu. Trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng Quản lý rủi ro:

- Tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro của LPBS.
- Nghiên cứu và tham mưu các quy định nội bộ về quản lý rủi ro, theo phân cấp của HĐQT trong từng thời kỳ.
- Phân tích và cung cấp cảnh báo về các rủi ro tiềm ẩn và các biện pháp ngăn chặn rủi ro.
- Kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả và hiệu lực của Phòng Quản trị rủi ro và của cả hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong LPBS.
- Kiểm soát việc triển khai thực hiện các chính sách, hạn mức rủi ro, quy định, nguyên tắc, bộ tiêu chí, phân quyền quản lý và phê duyệt rủi ro, các tham số và mô hình quản trị rủi ro.
- Các công việc khác do HĐQT phân công, giao thẩm quyền từng thời kỳ và các công việc thuộc trách nhiệm quyền hạn của Hội đồng Quản lý rủi ro được quy định theo các văn bản nội bộ liên quan của LPBS.

- **Hội đồng Công nghệ sản phẩm**

Hội đồng Công nghệ sản phẩm là Hội đồng chuyên trách trực thuộc HĐQT nhằm đề xuất, tham mưu cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định liên quan đến công nghệ và sản phẩm tại LPBS.

- **Hội đồng Nhân sự**

Hội đồng Nhân sự là Hội đồng chuyên trách trực thuộc HĐQT nhằm đề xuất, tham mưu cho HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chức năng về quản trị nhân sự, nhằm xây dựng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, phục vụ hiệu quả cho nhu cầu phát triển của LPBS.

4.4. Ban kiểm soát

BKS của Tổ chức đăng ký niêm yết có 03 (ba) thành viên trở lên do ĐHĐCĐ bầu, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. BKS có quyền và nghĩa vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.

4.5. Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Tổng Giám đốc quản lý, điều hành các khối nghiệp vụ và phòng ban của Công ty; có kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán và quản trị doanh nghiệp. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau:

- Quyết định các vấn đề thuộc hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo thẩm quyền;
- Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- Tổ chức triển khai kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền;
- Quyết định tiền lương, lợi ích khác và tuyển dụng người lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ và quyết định của Hội đồng quản trị.

4.6. Văn phòng Hội đồng quản trị

- Hỗ trợ các thành viên HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo các thể chế quản trị khác nhau trong Công ty, phù hợp với các văn bản, quy định nội bộ;
- Tham mưu, giúp việc, hỗ trợ thông báo, đôn đốc, theo dõi, giám sát việc thực hiện và báo cáo công tác triển khai theo Nghị quyết của HĐQT/Hội đồng trực thuộc (nếu có) (bao gồm tiến độ, thời hạn và chất lượng);
- Đảm bảo vai trò độc lập để thực hiện công tác thư ký các cuộc họp ĐHĐCĐ/HĐQT/các Hội đồng trực thuộc theo đúng ý chí/định hướng/chỉ đạo của HĐQT; không bị ảnh hưởng bởi khả năng thực thi của các đơn vị liên quan.

4.7. Phòng Kiểm toán nội bộ

Phòng Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT, thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Phòng Kiểm toán nội bộ có chức năng và nhiệm vụ sau:

- Đánh giá sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với chính sách và quy trình nội bộ;
- Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ... góp phần bảo đảm cho Công ty hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

4.8. Hệ thống khối phòng ban

Cơ cấu tổ chức của LPBS bao gồm 08 khối và 29 phòng, cụ thể:

- Khối Thị trường Tài chính
- Khối Vận hành
- Khối Đầu tư
- Khối DIGITAL
- Khối Kinh doanh
- Khối Nhân sự và Dịch vụ nội bộ
- Khối Quản trị rủi ro và Tuân thủ
- Khối Công nghệ Thông tin

Các khối thuộc sự điều hành của Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Điều hành khối. Mỗi khối được chia làm nhiều phòng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn riêng phù hợp với mục tiêu chung của Công ty, nhằm đảm bảo phát huy tối đa những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của đội ngũ CBNV trong việc thực thi các mục tiêu kinh doanh và phục vụ khách hàng. Giữa các khối có sự trao đổi thông tin thường xuyên thông qua các cuộc họp và họp giao ban toàn hệ thống.

4.8.1 Khối Quản trị rủi ro và Tuân thủ

Cơ cấu Khối Quản trị rủi ro và Tuân thủ gồm có 2 phòng:

- **Phòng Quản trị rủi ro**

Phòng Quản trị rủi ro thực hiện chức năng quản trị rủi ro độc lập trong toàn Công ty, có chức năng và nhiệm vụ chính:

- **Thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro tổng thể:** Tham mưu và tổ chức triển khai hệ thống quản trị rủi ro trên toàn Công ty, bao gồm cơ chế nhận diện, đo lường, kiểm soát và giám sát rủi ro đối với các hoạt động kinh doanh và vận hành; góp phần bảo đảm an toàn tài chính, khả năng chống chịu trước biến động thị trường và rủi ro nội bộ.
- **Xây dựng chính sách và khung quản trị rủi ro:** Tham mưu Ban Tổng Giám đốc trong việc xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt chiến lược, khung quản trị rủi ro, khẩu vị rủi ro, các chính sách và quy trình quản trị rủi ro áp dụng cho toàn Công ty và từng mảng nghiệp vụ.
- **Giám sát và đánh giá rủi ro độc lập:** Thực hiện giám sát việc tuân thủ các chính sách, hạn mức rủi ro đã được phê duyệt; đánh giá độc lập mức độ rủi ro đối với các hoạt động, sản phẩm và quyết định kinh doanh trọng yếu; theo dõi, cảnh báo kịp thời các rủi ro có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính, hoạt động và uy tín của Công ty.
- **Báo cáo và đề xuất biện pháp xử lý rủi ro:** Tổng hợp, phân tích và báo cáo Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị về tình hình rủi ro; đề xuất các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu và xử lý rủi ro, bao gồm các phương án ứng phó trong các tình huống bất thường nhằm bảo đảm hoạt động kinh doanh liên tục.
- **Rà soát, cải tiến hệ thống quản trị rủi ro:** Định kỳ đánh giá mức độ đầy đủ và hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro; đề xuất cập nhật, hoàn thiện chính sách, quy trình quản trị rủi ro phù hợp với sự phát triển của hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý và quy định pháp luật.
- **Thực hiện các nhiệm vụ khác:** Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác quản trị rủi ro theo phân công của Ban Tổng Giám đốc.

- **Phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ**

Phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ gồm hai bộ phận: Pháp chế và Kiểm soát nội bộ, thực hiện chức năng tư vấn pháp lý, kiểm soát tuân thủ và bảo đảm tính minh bạch trong toàn bộ hoạt động của Công ty.

Bộ phận Pháp chế có chức năng và nhiệm vụ chính:

- **Tư vấn pháp lý và bảo đảm tuân thủ:** Thực hiện tư vấn pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị trong toàn Công ty; bảo đảm các hoạt động quản lý, kinh doanh và đầu tư của Công ty tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và các quy định nội bộ; góp phần phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro pháp lý.
- **Thẩm định pháp lý đối với hoạt động và giao dịch:** Tham gia thẩm định pháp lý đối với các sản phẩm, dịch vụ, hợp đồng, giao dịch và cấu trúc pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty; rà soát các văn bản nội bộ và các thỏa thuận với đối tác nhằm bảo đảm tính hợp pháp và phù hợp với chiến lược hoạt động.
- **Quản lý tranh chấp và tố tụng:** Phối hợp với các đơn vị liên quan và đối tác bên ngoài trong việc xử lý tranh chấp, khiếu nại và các vấn đề pháp lý phát sinh, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.
- **Cập nhật và phổ biến pháp luật:** Theo dõi, cập nhật các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty; đánh giá tác động của các quy định mới và phổ biến kịp thời đến các đơn vị liên quan.
- **Làm việc với cơ quan quản lý và công bố thông tin:** Chuẩn bị, rà soát và thực hiện việc nộp hồ sơ, báo cáo pháp lý theo quy định tới các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; phối hợp thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- **Thực hiện các nhiệm vụ khác:** Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Ban Tổng Giám đốc.

Bộ phận Kiểm soát nội bộ có chức năng và nhiệm vụ:

- Là đầu mối giám sát việc tuân thủ pháp luật, quy định của ngành chứng khoán và các quy chế nội bộ; phát hiện, cảnh báo rủi ro nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty minh bạch và đúng định hướng quản trị.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, quy chế, quy trình nghiệp vụ và việc hành nghề chứng khoán trong Công ty.
- Giám sát việc thực thi quy định nội bộ, phòng ngừa xung đột lợi ích; giám sát trách nhiệm của cán bộ, nhân viên và đối tác được ủy quyền.
- Kiểm tra việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp, các quy định về an toàn tài chính, tách biệt và bảo quản tài sản khách hàng, phòng chống rửa tiền.
- Thực hiện kiểm soát sau, kiến nghị và theo dõi việc khắc phục các rủi ro phát sinh theo phân công của Ban Tổng Giám đốc.

4.8.2 Khối Thị trường Tài chính

Cơ cấu Khối Thị trường Tài chính gồm có 5 phòng:

- **Phòng Ngân hàng Đầu tư**

Phòng Ngân hàng Đầu tư có chức năng và nhiệm vụ:

- Cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính, quản trị doanh nghiệp cho khách hàng và tư vấn tài chính doanh nghiệp cho nội bộ Công ty;

- Tìm kiếm, phát triển quan hệ khách hàng; đàm phán và triển khai các hợp đồng/dự án tư vấn tài chính doanh nghiệp theo quy định, bao gồm tư vấn thị trường vốn, thị trường nợ, mua bán - sáp nhập và các dịch vụ tư vấn tài chính khác;
- Là đầu mối tổ chức thực hiện các nghiệp vụ tư vấn tài chính cho nội bộ Công ty như: ĐHĐCĐ, trả cổ tức, tăng vốn, phát hành trái phiếu, công bố thông tin;
- Nghiên cứu, xây dựng, cải tiến các quy chế, quy trình và tài liệu giới thiệu dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp;
- Thực hiện báo cáo hoạt động và các nhiệm vụ khác theo phân công của Ban Tổng Giám đốc.

- **Phòng Kinh doanh trái phiếu**

Phòng Kinh doanh trái phiếu có chức năng và nhiệm vụ:

- Triển khai hoạt động đầu tư, kinh doanh trái phiếu phù hợp chiến lược và quy định của Công ty;
- Tìm kiếm, đánh giá, đề xuất và thực hiện các cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu của các định chế tài chính trên thị trường sơ cấp và thứ cấp, bao gồm hoạt động tự doanh và phân phối cho khách hàng;
- Quản lý danh mục đầu tư trái phiếu; theo dõi hiệu quả, rủi ro, hạn mức đầu tư và số dư trái phiếu trong toàn hệ thống;
- Nghiên cứu, xây dựng và triển khai các sản phẩm phân phối trái phiếu; phối hợp với các đơn vị liên quan để vận hành sản phẩm và hệ thống công nghệ phục vụ hoạt động đầu tư, quản lý và phân phối trái phiếu;
- Phân tích thị trường trái phiếu, xu hướng lãi suất và các yếu tố vĩ mô để định hướng hoạt động kinh doanh;
- Thực hiện báo cáo nghiệp vụ và các nhiệm vụ khác theo phân công của Ban Tổng Giám đốc.

- **Phòng Khách hàng Doanh nghiệp lớn**

Phòng Khách hàng Doanh nghiệp lớn có chức năng và nhiệm vụ:

- Tìm kiếm, phát triển quan hệ với khách hàng doanh nghiệp lớn; đàm phán và triển khai các sản phẩm tài chính theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ Công ty;
- Phát triển kinh doanh đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp lớn có cơ chế, điều kiện và quy mô giao dịch đặc thù;
- Gia tăng bán chéo các sản phẩm tài chính của Công ty như: Tiền tệ, trái phiếu, cổ phiếu, chứng quyền, phái sinh;
- Xây dựng các sản phẩm, chính sách giá, lãi suất và cơ chế giao dịch phù hợp nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh với khách hàng doanh nghiệp lớn;
- Quản lý danh mục, hồ sơ khách hàng doanh nghiệp lớn và thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Ban Tổng Giám đốc.

- **Phòng Nguồn vốn**

Phòng Nguồn vốn có chức năng và nhiệm vụ:

- Huy động vốn, quản lý thanh khoản và triển khai hoạt động kinh doanh tiền tệ phù hợp quy định;

- Quản lý cơ cấu tài sản nợ - có, nguồn vốn nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng vốn, kiểm soát rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất và tuân thủ các quy định an toàn vốn;
- Xây dựng và triển khai kế hoạch huy động vốn ngắn, trung, dài hạn thông qua vay vốn, phát hành trái phiếu, tăng vốn và các sản phẩm gia tăng nguồn tiền;
- Thực hiện hoạt động kinh doanh tiền tệ và các giao dịch liên quan đến lãi suất, tỷ giá theo hạn mức được phê duyệt;
- Xây dựng hạn mức, quy trình và nguyên tắc quản trị rủi ro đối với hoạt động nguồn vốn, bao gồm giao dịch tiền gửi và giấy tờ có giá.

- **Phòng Tài chính Kế toán**

Phòng Tài chính Kế toán có chức năng và nhiệm vụ:

- Tổ chức thực hiện công tác kế toán tập trung toàn Công ty, bảo đảm phản ánh trung thực, chính xác tình hình tài chính và tuân thủ chuẩn mực, chế độ kế toán, quy định pháp luật;
- Lập và quản lý kế hoạch tài chính, kế hoạch kinh doanh; theo dõi, phân tích hiệu quả tài chính và kiểm soát chi phí hoạt động;
- Thực hiện hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính, nghĩa vụ thuế theo quy định; quản lý các tài khoản của Công ty và tài khoản chuyên dụng của khách hàng; theo dõi công nợ, đối chiếu tiền và đề xuất trích lập dự phòng;
- Phân tích hiệu quả tài chính theo từng bộ phận, sản phẩm; tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản trị tài chính và quyết định quản lý.

4.8.3 Khối Vận hành

Cơ cấu Khối Vận hành gồm có 4 phòng:

- **Phòng Vận hành trung tâm**

Phòng Vận hành trung tâm có chức năng và nhiệm vụ:

- Quản lý và thực hiện các nghiệp vụ giao dịch chứng khoán của khách hàng, bao gồm quản lý tài khoản, lưu ký, thanh toán bù trừ và chuyển quyền sở hữu chứng khoán;
- Kiểm soát nghiệp vụ vận hành, tuân thủ và cải tiến quy trình;
- Quản lý chất lượng dịch vụ, hỗ trợ kinh doanh và đào tạo nội bộ;
- Quản trị dữ liệu vận hành, phối hợp nội bộ, làm việc với các cơ quan quản lý và tham gia phát triển, cải tiến sản phẩm.

- **Phòng Chăm sóc khách hàng**

- Cung cấp và quản lý dịch vụ chăm sóc khách hàng. Đầu mối hỗ trợ khách hàng qua tổng đài, email, quầy giao dịch; quản lý thông tin và tài khoản giao dịch khách hàng; phát triển, cải tiến quy trình nghiệp vụ;
- Kiểm soát nghiệp vụ nội bộ - tuân thủ vận hành; quản lý chất lượng dịch vụ; quản trị dữ liệu vận hành;
- Hỗ trợ kinh doanh và phối hợp liên đơn vị; phối hợp phát triển và cải tiến sản phẩm.

- **Phòng Dịch vụ Khách hàng ưu tiên**

- Là đầu mối tiếp nhận, xử lý các yêu cầu về giao dịch, tài khoản và sản phẩm dịch vụ chuyên sâu của khách hàng ưu tiên theo chính sách từng thời kỳ;
- Tiếp nhận, xác thực lệnh giao dịch qua kênh chuyên dụng; kiểm soát nghiệp vụ, tuân thủ vận hành và cải tiến quy trình;
- Quản lý chất lượng dịch vụ, quản trị dữ liệu vận hành; hỗ trợ kinh doanh, phối hợp liên đơn vị và tham gia phát triển, cải tiến sản phẩm.

- **Phòng Vận hành Sản phẩm tài chính**

- Vận hành các sản phẩm tài chính: Chứng quyền, phái sinh, chứng chỉ quỹ, hợp tác đầu tư, cấu trúc tài sản và các sản phẩm khác;
- Phát triển, cải tiến quy trình nghiệp vụ; phối hợp phát triển và cải tiến sản phẩm;
- Quản trị dữ liệu vận hành; hỗ trợ kinh doanh và phối hợp liên đơn vị.

4.8.4 Khối Nhân sự và Dịch vụ nội bộ

Cơ cấu Khối Nhân sự và Dịch vụ nội bộ gồm có 3 phòng:

- **Phòng Nhân sự**

- Phòng Nhân sự là đầu mối quản lý công tác nhân sự của Công ty; xây dựng và vận hành chính sách, quy trình quản trị nhân sự phù hợp với định hướng chiến lược.
- Phòng thực hiện hoạch định cơ cấu tổ chức, tuyển dụng, quản lý hồ sơ và dữ liệu nhân sự; tổ chức đánh giá hiệu quả công việc, xây dựng chính sách tiền lương, thưởng và đãi ngộ.
- Đồng thời, Phòng Nhân sự triển khai đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, quản lý quan hệ lao động và phối hợp xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

- **Phòng Dịch vụ nội bộ**

- Phòng Dịch vụ nội bộ chịu trách nhiệm quản lý và vận hành các hoạt động hành chính, cơ sở vật chất, hậu cần và môi trường làm việc của Công ty.
- Phòng thực hiện quản lý chi phí hành chính; mua sắm, quản lý tài sản; tổ chức công tác lễ tân, văn thư và các thủ tục hành chính.
- Bên cạnh đó, Phòng Dịch vụ nội bộ triển khai phúc lợi, tổ chức sự kiện nội bộ; quản lý công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy và giám sát nhà cung cấp dịch vụ.

- **Phòng Truyền thông**

- Phòng Truyền thông chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai chiến lược truyền thông tổng thể, quản lý thương hiệu và hình ảnh của Công ty.
- Phòng lập và thực hiện kế hoạch truyền thông; quản lý hệ thống nhận diện thương hiệu; sản xuất và phân phối nội dung truyền thông.
- Đồng thời, Phòng Truyền thông triển khai truyền thông nội bộ, tổ chức sự kiện, duy trì quan hệ báo chí và quản lý danh tiếng thương hiệu.

4.8.5 Khối Đầu tư

Cơ cấu Khối Đầu tư gồm có 2 phòng:

- **Phòng Đầu tư**

Phòng Đầu tư có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng Đầu tư thực hiện quản lý danh mục đầu tư tự doanh của Công ty, bao gồm đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền và phái sinh theo chiến lược, khẩu vị rủi ro đã được phê duyệt.
- Phòng nghiên cứu thị trường, ngành và doanh nghiệp để đề xuất cơ hội đầu tư; xây dựng và triển khai chiến lược đầu tư trung, dài hạn; theo dõi, đánh giá hiệu quả danh mục và quản trị rủi ro đầu tư theo quy định.
- Bên cạnh đó, Phòng Đầu tư tham gia tư vấn, thẩm định và thực hiện các khoản đầu tư chiến lược, góp vốn, mua bán - sáp nhập; chuẩn hóa quy trình quản trị đầu tư, phát triển nguồn nhân lực và ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

- **Phòng Phái sinh**

Phòng Phái sinh có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng Phái sinh triển khai hoạt động kinh doanh và giao dịch các sản phẩm phái sinh theo quy định của pháp luật, bao gồm hợp đồng tương lai chỉ số và trái phiếu chính phủ.
- Phòng nghiên cứu, xây dựng chiến lược giao dịch, phát triển sản phẩm; quản lý, giám sát rủi ro giao dịch phái sinh, bảo đảm tuân thủ quy định về ký quỹ, giới hạn vị thế và xử lý vi phạm.
- Đồng thời, Phòng Phái sinh thực hiện tư vấn, đào tạo khách hàng; phối hợp với các đơn vị liên quan trong vận hành, công nghệ và kiểm soát rủi ro; ứng dụng công nghệ và phát triển đội ngũ chuyên môn nhằm mở rộng thị phần và nâng cao chất lượng dịch vụ.

4.8.6 Khối Digital

Cơ cấu Khối Digital gồm có 3 phòng:

- **Phòng Thiết kế Sản phẩm**

Phòng Thiết kế Sản phẩm số có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng Thiết kế Sản phẩm chịu trách nhiệm thiết kế sản phẩm tài chính số từ góc nhìn người dùng, bao gồm trải nghiệm (UX), giao diện (UI) và hành trình số trên các nền tảng Web/Mobile.
- Phòng thu thập, phân tích yêu cầu nghiệp vụ; đóng gói sản phẩm số; xây dựng và duy trì hệ thống thiết kế chuẩn hóa; phối hợp với các đơn vị liên quan để bảo đảm sản phẩm được triển khai đồng bộ, hiệu quả và phù hợp định hướng thương hiệu.

- **Phòng Phát triển Sản phẩm**

Phòng Phát triển Sản phẩm số có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng Phát triển Sản phẩm thực hiện hiện thực hóa thiết kế thành các sản phẩm số (Web/App) ổn định, an toàn và có khả năng mở rộng.
- Phòng phát triển, vận hành và tích hợp hệ thống với core giao dịch; ứng dụng phương pháp phát triển linh hoạt, tăng cường bảo mật, giám sát hệ thống và nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới nhằm hỗ trợ chiến lược số hóa và mục tiêu kinh doanh của Công ty.

- **Phòng Tiếp thị Sản phẩm**

Phòng Tiếp thị Sản phẩm có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng Tiếp thị Sản phẩm chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai các chiến lược tiếp thị sản phẩm số nhằm gia tăng nhận diện, mở rộng tệp khách hàng và thúc đẩy tăng trưởng người dùng.
- Phòng lập kế hoạch truyền thông, triển khai marketing đa kênh, đo lường hiệu quả dựa trên dữ liệu; nghiên cứu thị trường, hành vi người dùng và phối hợp các đơn vị liên quan để tối ưu hiệu quả kinh doanh và định vị thương hiệu sản phẩm số.

4.8.7 Khối Công nghệ Thông tin (CNTT)

Cơ cấu Khối Công nghệ Thông tin gồm có 6 phòng:

- **Phòng Phát triển Phần mềm**

Phòng Phát triển Phần mềm có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng Phát triển Phần mềm chịu trách nhiệm phát triển, nâng cấp và vận hành các hệ thống phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh chứng khoán và vận hành nội bộ.
- Phòng phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ để thu thập yêu cầu, thiết kế giải pháp, bảo đảm chất lượng phần mềm, trải nghiệm người dùng và tính ổn định của hệ thống; xây dựng kiến trúc phần mềm mở rộng, ứng dụng công nghệ mới và chuẩn hóa quy trình phát triển theo định hướng số hóa của Công ty.

- **Phòng Quản lý Hạ tầng**

Phòng Quản lý Hạ tầng có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng Quản lý Hạ tầng chịu trách nhiệm triển khai, vận hành và giám sát hạ tầng CNTT và cơ sở dữ liệu tại Data Center, Cloud và toàn hệ thống.
- Phòng bảo đảm an toàn, hiệu năng và tính liên tục của hạ tầng; quản lý sao lưu, khôi phục dữ liệu, an ninh hệ thống; quản lý tài sản CNTT, ngân sách, đối tác công nghệ và tuân thủ yêu cầu của các cơ quan quản lý.

- **Phòng An toàn thông tin**

Phòng An toàn thông tin có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng An toàn Thông tin chịu trách nhiệm quản trị, giám sát và bảo đảm an toàn, bảo mật cho hệ thống CNTT, dữ liệu và dịch vụ của Công ty.
- Phòng xây dựng và triển khai chính sách, giải pháp an toàn thông tin; thực hiện kiểm thử, giám sát, ứng phó sự cố; bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và nâng cao nhận thức an toàn thông tin trong toàn Công ty.

- **Phòng Vận hành nền tảng và Core**

Phòng Vận hành nền tảng Core có chức năng và nhiệm vụ:

- Chịu trách nhiệm quản lý kiến trúc công nghệ, vận hành các hệ thống Core chứng khoán và ứng dụng liên quan.

- Triển khai tự động hóa DevSecOps, quản lý thay đổi, giám sát vận hành hệ thống, phối hợp xử lý sự cố và bảo đảm các hệ thống hoạt động ổn định, an toàn theo cam kết chất lượng dịch vụ (SLA).

- **Phòng Quản trị và Phân tích dữ liệu**

Phòng Quản trị và Phân tích dữ liệu có chức năng và nhiệm vụ:

- Chịu trách nhiệm xây dựng, vận hành hệ sinh thái dữ liệu tập trung của Công ty.
- Quản trị dữ liệu, phát triển nền tảng Data Lake/Data Warehouse, hệ thống BI; khai thác dữ liệu, AI và các công nghệ phân tích nhằm hỗ trợ ra quyết định, tối ưu vận hành và nâng cao năng lực cạnh tranh công nghệ.

- **Phòng Triển khai Sản phẩm dữ liệu**

Phòng có chức năng và nhiệm vụ:

- Tư vấn và thiết kế các sản phẩm dữ liệu từ hệ sinh thái dữ liệu phù hợp với yêu cầu quản trị kết quả hoạt động kinh doanh, chiến lược phát triển của Công ty.
- Phối hợp xây dựng các sản phẩm dữ liệu; đảm bảo triển khai đến người dùng sử dụng hiệu quả, chính xác.
- Quản lý các sản phẩm dữ liệu nhằm đảm bảo phân quyền truy cập phù hợp với vai trò người dùng, mức độ bảo mật dữ liệu.

4.8.8 Khối Kinh doanh

Cơ cấu Khối Kinh doanh gồm có 1 kênh bán, 2 phòng và 1 trung tâm:

- **Kênh Khách hàng Cá nhân**

Kênh Khách hàng Cá nhân có chức năng và nhiệm vụ:

- Kênh Khách hàng Cá nhân thực hiện tư vấn, cung cấp dịch vụ giao dịch và sản phẩm tài chính cho nhà đầu tư cá nhân theo nhu cầu và phân khúc khách hàng.
- Kênh chịu trách nhiệm phát triển khách hàng, quản lý chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng; phối hợp triển khai sản phẩm, chính sách kinh doanh và bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ.

- **Phòng Phát triển Đối tác chiến lược**

Phòng Phát triển Đối tác chiến lược có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng Phát triển Đối tác Chiến lược chịu trách nhiệm phát triển, quản lý quan hệ hợp tác với khách hàng tổ chức và hệ thống đối tác kinh doanh.
- Phòng thiết kế và triển khai các chương trình hợp tác, quản lý hiệu quả đối tác; cung cấp giải pháp tài chính, sản phẩm chứng khoán cho khách hàng tổ chức; phối hợp các đơn vị liên quan để phát triển khách hàng, kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- **Phòng Phát triển Kinh doanh**

Phòng Phát triển Kinh doanh có chức năng và nhiệm vụ:

- Phòng Phát triển Kinh doanh là đơn vị xây dựng chính sách, chương trình thúc đẩy kinh doanh và hỗ trợ vận hành toàn Khối Kinh doanh.
- Phòng tham gia xây dựng và theo dõi kế hoạch kinh doanh; tổng hợp, phân tích dữ liệu, báo cáo MIS; xây dựng chính sách KPIs, hoa hồng; quản lý công cụ bán hàng, quy trình kinh doanh và phối hợp đào tạo, triển khai sản phẩm trong đội ngũ kinh doanh.

- **Trung tâm Phát triển Năng lực Đầu tư**

Trung tâm Phát triển Năng lực Đầu tư có chức năng và nhiệm vụ:

- Trung tâm Phát triển Năng lực Đầu tư thực hiện đào tạo, nâng cao kiến thức và kỹ năng đầu tư cho khách hàng và lực lượng bán theo từng cấp độ.
- Trung tâm xây dựng khung năng lực, triển khai đào tạo, nghiên cứu thị trường và phối hợp phát triển các nội dung, công cụ hỗ trợ tư vấn đầu tư và phân bổ tài sản.

4.8.9 Chi nhánh

Các Chi nhánh thực hiện hoạt động kinh doanh trực tiếp, cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng trong phạm vi Giấy phép được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và được Công ty ủy quyền thực hiện.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà Tổ chức đăng ký niêm yết nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Trong năm 2024 đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch, LPBS không có công ty mẹ, công ty con, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với LPBS hoặc công ty mà LPBS nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.

5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

5.2. Thông tin về công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

5.3. Thông tin về những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

5.4. Thông tin về những công ty mà Tổ chức đăng ký niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối: Không có

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết

LPBS được thành lập năm 2009 với vốn điều lệ là 125.000.000.000 VND. Trải qua các lần tăng vốn, Công ty đã nâng số vốn điều lệ thực góp lên 12.668.000.000.000 VND.

Chi tiết quá trình tăng vốn được trình bày dưới đây:

Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ kể từ khi thành lập

Đơn vị: Tỷ đồng

Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp
Năm 2009	125	125	Góp vốn thành lập công ty	Giấy phép thành lập và hoạt động CTCK số 104/UBCK-GP do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 12/02/2009.	UBCKNN
25/07/2016	125	250	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2016 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.	ĐHĐCĐ
				Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động CTCK số 24/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 25/07/2016.	UBCKNN
15/05/2024	3.638	3.888	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/12/2023 của ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2023.	ĐHĐCĐ
				Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động CTCK số 27/ GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/04/2024.	UBCKNN
				Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309312029 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12/02/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 15/05/2024.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
14/11/2025	8.780	12.668	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết số 04/2025/NQ-ĐHĐCD ngày 24/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	ĐHĐCĐ
				Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 118/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 29/10/2025.	UBCKNN
				Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309312029 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12/02/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 14/11/2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh

Nguồn: Báo cáo vốn điều lệ đã góp của LPBS cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2025

- Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty không có đợt giảm vốn điều lệ nào.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với các đợt tăng vốn trên:

- Tại Báo cáo vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán, đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY có ý kiến như sau:
- *"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo vốn điều lệ đã góp của Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2025 đã được lập và trình bày trên các khía cạnh trọng yếu, đã phản ánh trung thực hợp lý tình hình vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2025, tuân thủ và phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo về vốn điều lệ đã góp."*
- Theo báo cáo nêu trên, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank tại ngày 31/12/2025 là 12.668.000.000.000 đồng.
- **Chi tiết quá trình tăng vốn điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm hoạt động theo hình thức công ty cổ phần đến nay:**

6.1. Tăng vốn lần 1: Tăng vốn từ 125.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 24/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 25/07/2016.

Vốn điều lệ trước phát hành	:	**125.000.000.000 đồng**
Vốn điều lệ sau phát hành	:	**250.000.000.000 đồng**
Hình thức phát hành	:	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ
Hình thức góp vốn	:	Góp vốn bằng tiền
Tổng số lượng cổ phiếu phát hành	:	12.500.000 cổ phiếu
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá phát hành	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ tăng thêm	:	**125.000.000.000 đồng**
Tổng số tiền thu được	:	**125.000.000.000 đồng**
Số lượng cổ đông trước phát hành	:	3 cổ đông
Số lượng cổ đông sau phát hành	:	3 cổ đông
Cơ sở pháp lý	:	- Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2016 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2016. - Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động CTCK số 24/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 25/07/2016.

6.2. Tăng vốn lần 2: Tăng vốn từ 250.000.000.000 đồng lên 3.888.000.000.000 đồng theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 27/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/04/2024.

Vốn điều lệ trước phát hành	:	**250.000.000.000 đồng**
Vốn điều lệ sau phát hành	:	**3.888.000.000.000 đồng**
Hình thức phát hành	:	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ
Hình thức góp vốn	:	Góp vốn bằng tiền
Tổng số lượng cổ phiếu phát hành	:	363.800.000 cổ phiếu
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá phát hành	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ tăng thêm	:	**3.638.000.000.000 đồng**
Tổng số tiền thu được	:	**3.638.000.000.000 đồng**
Số lượng cổ đông trước phát hành	:	5 cổ đông
Số lượng cổ đông sau phát hành	:	15 cổ đông
Cơ sở pháp lý	:	- Nghị quyết số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/12/2023 của ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2023. - Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động CTCK số 27/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/04/2024. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309312029 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12/02/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 15/05/2024.

6.3. Tăng vốn lần 3: Tăng vốn từ 3.888.000.000.000 đồng lên 12.668.000.000.000 đồng theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 118/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 29/10/2025.

Vốn điều lệ trước phát hành	:	**3.888.000.000.000 đồng**
Vốn điều lệ sau phát hành	:	**12.668.000.000.000 đồng**
Hình thức phát hành	:	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ
Hình thức góp vốn	:	Góp vốn bằng tiền
Tổng số lượng cổ phiếu phát hành	:	878.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá phát hành	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ tăng thêm	:	**8.780.000.000.000 đồng**
Tổng số tiền thu được	:	**8.780.000.000.000 đồng**
Số lượng cổ đông trước phát hành	:	14 cổ đông
Số lượng cổ đông sau phát hành	:	81 cổ đông

Cơ sở pháp lý	:	- Nghị quyết số 04/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. - Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 118/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 29/10/2025. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309312029 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12/02/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 14/11/2025.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết tại các doanh nghiệp khác

Trong 02 năm liên tục trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch, Công ty không có các khoản góp vốn, thoái vốn lớn (có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm thực hiện) tại các doanh nghiệp khác.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu sở hữu cổ phiếu phổ thông của LPBS tại ngày ký Bản Cáo Bạch

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	**Trong nước**	**99**	**1.266.800.000**	**100%**
a	Cá nhân	99	1.266.800.000	100%
b	Tổ chức	-	-	-
2	**Nước ngoài**	-	-	-
a	Cá nhân nước ngoài	-	-	-
b	Tổ chức nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	-	-	-
	Tổng cộng	**99**	**1.266.800.000**	**100%**

Nguồn: Danh sách cổ đông của LPBS chốt tại ngày ký Bản Cáo Bạch

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Tính đến thời điểm ngày 31/03/2026, Tổ chức đăng ký niêm yết có các chứng quyền có bảo đảm đã phát hành nhưng chưa đáo hạn với các đặc điểm như sau:

Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Thời hạn	Loại chứng quyền	Kiểu chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng quyền đã phát hành
ACB/LPBS/Call/EU/Cash/12M/02	CACB2604	ACB	12 tháng	Mua	Châu Âu	2:1	26.000 đồng	27/12/2025	28/12/2026	2.800.000
MBB/LPBS/Call/EU/Cash/12M/04	CMBB2605	MBB	12 tháng	Mua	Châu Âu	2:1	27.000 đồng	27/12/2025	28/12/2026	3.200.000
STB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/05	CSTB2605	STB	06 tháng	Mua	Châu Âu	3:1	60.000 đồng	27/12/2025	29/06/2026	4.800.000
TCB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/07	CTCB2602	TCB	06 tháng	Mua	Châu Âu	3:1	36.000 đồng	27/12/2025	29/06/2026	9.600.000
VIB/LPBS/Call/EU/Cash/12M/10	CVIB2601	VIB	12 tháng	Mua	Châu Âu	2:1	18.000 đồng	27/12/2025	28/12/2026	3.200.000
VPB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/11	CVPB2604	VPB	06 tháng	Mua	Châu Âu	3:1	30.000 đồng	27/12/2025	29/06/2026	4.800.000
FPT/LPBS/Call/EU/Cash/12M/14	CFPT2604	FPT	12 tháng	Mua	Châu Âu	10:1	96.000 đồng	27/12/2025	28/12/2026	3.200.000
HPG/LPBS/Call/EU/Cash/12M/16	CHPG2605	HPG	12 tháng	Mua	Châu Âu	2:1	27.000 đồng	27/12/2025	28/12/2026	3.200.000
MSN/LPBS/Call/EU/Cash/12M/18	CMSN2601	MSN	12 tháng	Mua	Châu Âu	5:1	80.000 đồng	27/12/2025	28/12/2026	3.200.000
MWG/LPBS/Call/EU/Cash/6M/19	CMWG2605	MWG	06 tháng	Mua	Châu Âu	5:1	88.000 đồng	27/12/2025	29/06/2026	8.000.000
VHM/LPBS/Call/EU/Cash/12M/22	CVHM2604	VHM	12 tháng	Mua	Châu Âu	10:1	106.000 đồng	27/12/2025	28/12/2026	2.800.000
VNM/LPBS/Call/EU/Cash/12M/24	CVNM2601	VNM	12 tháng	Mua	Châu Âu	5:1	64.000 đồng	27/12/2025	28/12/2026	3.200.000
SHB/LPBS/Call/EU/Cash/6M/25	CSHB2601	SHB	06 tháng	Mua	Châu Âu	2:1	18.000 đồng	27/12/2025	29/06/2026	4.800.000

Nguồn: LPBS

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức đăng ký niêm yết theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/02/2026: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty hiện tại: là 0% (theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/04/2026).

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Loại sản phẩm, dịch vụ

LPBS tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Viettranimex được thành lập năm 2009 và hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ chứng khoán và đầu tư tài chính. Trong những năm gần đây, Công ty tập trung củng cố nền tảng tài chính, hoàn thiện hệ thống quản trị và nâng cao năng lực nghiệp vụ, đồng thời, phát triển các sản phẩm và dịch vụ đầu tư phù hợp với nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, gắn với các công cụ quản lý và phòng ngừa rủi ro. Với định hướng phát triển dài hạn, LPBS chú trọng đầu tư đồng bộ vào sản phẩm - dịch vụ, hạ tầng hệ thống và nguồn nhân lực, nhằm nâng cao chất lượng tư vấn, hiệu quả cung cấp dịch vụ và trải nghiệm khách hàng. Trên cơ sở đó, Công ty hướng tới việc xây dựng vị thế cạnh tranh bền vững trên thị trường, từng bước mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao năng lực phục vụ khách hàng cá nhân và tổ chức.

Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Cho vay ký quỹ;
- Tự doanh chứng khoán; và
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, đại lý phát hành chứng khoán.

Chi tiết các hoạt động như sau:

a. Môi giới chứng khoán

Trong những năm qua, LPBS đã ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể trong mảng môi giới chứng khoán cơ sở.

Năm 2025, LPBS mở mới hơn 17.304 tài khoản, nâng tổng số tài khoản lên 25.581, gấp 1,4 lần so với cuối 2024. Tổng giá trị giao dịch đạt 111.570 tỷ đồng, gấp 3,4 lần so với năm 2024; giá trị tài sản ròng quản lý đạt trên 57.337 tỷ đồng, gấp 3,4 lần năm 2024. Tính tới Quý IV/2025, thị phần môi giới cơ sở của LPBS tại HSX đạt 1,22%.

Số tài khoản quản lý và giá trị tài sản quản lý bởi Công ty giai đoạn 2024 - 2025

Chỉ tiêu	2024	2025
Số lượng tài khoản quản lý	18.259	25.581
AUM - Tổng tài sản quản lý (tỷ đồng)	16.929	57.337

Nguồn: LPBS

Với việc mở rộng liên tục về quy mô, doanh thu từ hoạt động môi giới của Công ty cũng tăng trưởng nhanh chóng. Doanh thu từ phí giao dịch chứng khoán cơ sở năm 2025 là 130 tỷ đồng, gấp gần 4 lần lần so với năm 2024.

Song song với hoạt động môi giới cơ sở, LPBS cũng mở rộng sang các hoạt động cung cấp dịch vụ chứng khoán phái sinh nhằm đa dạng hóa sản phẩm và gia tăng sự lựa chọn cho nhà đầu tư. Trong Quý IV năm 2025, Công ty đã thực hiện chào bán 13 mã chứng quyền, qua đó bước đầu ghi nhận mức độ quan tâm tích cực từ phía khách hàng và thị trường. Trong năm 2026, LPBS dự kiến triển khai chứng khoán phái sinh, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao tốc độ xử lý và hiệu quả thực hiện lệnh giao dịch, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhà đầu tư. Việc mở rộng danh mục sản phẩm và nâng cấp nền tảng công nghệ không chỉ góp phần đa dạng hóa lựa chọn đầu tư cho khách hàng mà còn phù hợp với định hướng phát triển sản phẩm tài chính hiện đại, an toàn và bền vững của Công ty.

Các công cụ hỗ trợ nhà đầu tư

Bên cạnh việc phát triển sản phẩm, LPBS tập trung đầu tư vào các công cụ hỗ trợ nhằm nâng cao trải nghiệm và hiệu quả đầu tư cho khách hàng. Các giải pháp nổi bật bao gồm:

(i) Nền tảng dữ liệu và phân tích chuyên sâu, hỗ trợ nhà đầu tư tiếp cận thông tin kịp thời và toàn diện.

(ii) Công cụ cá nhân hóa, ứng dụng công nghệ để đưa ra khuyến nghị phù hợp với mục tiêu đầu tư.

(iii) Hệ thống đào tạo và tư vấn chuyên nghiệp, đồng hành cùng nhà đầu tư trong suốt quá trình ra quyết định.

b. Cho vay ký quỹ

Tại LPBS, hoạt động cho vay ký quỹ là một trong những mảng kinh doanh trọng yếu, đóng góp tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu.

Năm 2024, quy mô cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán đạt gần 2.665 tỷ đồng.

Sang năm 2025, hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ tiếp tục mở rộng, giúp Công ty nâng cao khả năng phục vụ khách hàng, từ đó đóng góp quan trọng vào tăng trưởng hoạt động môi giới chứng khoán cơ sở. Tính đến cuối năm 2025, dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán đạt hơn 10.548 tỷ đồng, gấp xấp xỉ 4 lần so với năm 2024, qua đó xác lập vị thế trong nhóm công ty chứng khoán có quy mô dư nợ cho vay ký quỹ lớn trên thị trường.

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, LPBS đã triển khai nhiều chương trình ưu đãi lãi suất và sản phẩm tín dụng linh hoạt nhằm tối ưu hóa chi phí vốn cho khách hàng, đồng thời quản trị chặt chẽ rủi ro tín dụng. Nhờ đó, hoạt động cho vay ký quỹ không chỉ gia tăng về quy mô mà còn đảm bảo được mức độ an toàn, bền vững trong tăng trưởng.

Cả năm 2025, doanh thu cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán mang về hơn 350 tỷ đồng, gấp 2,9 lần năm 2024. Sự tăng trưởng mạnh mẽ đến từ việc mở rộng nguồn vốn chủ sở hữu, xây dựng hệ thống sản phẩm tài chính hiệu quả, hấp dẫn và áp dụng công nghệ trong việc tối ưu hóa trải nghiệp của khách hàng giao dịch tại LPBS. Tăng trưởng cho vay giao dịch ký quỹ luôn là một trong những mục tiêu phát triển của LPBS xuyên suốt các thời kỳ.

Thông tin dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ tại 31/12/2024, 31/12/2025 và 31/03/2026 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	31/12/2024			31/12/2025			31/03/2026		
		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
1	Cho vay hoạt động ký Quỹ	2.613.683	-	2.613.683	9.664.422	-	9.664.422	11.393.576	-	11.393.576
2	Ứng trước tiền bán chứng khoán	50.605	-	50.605	883.579	-	883.579	139.492	-	139.492
	Tổng	**2.664.287**	-	**2.664.287**	**10.548.001**	-	**10.548.001**	**11.533.068**	-	**11.533.068**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán, BCTC Quý I năm 2026 của LPBS

+ **Quy mô dư nợ**

Dư nợ cho vay ký quỹ của Công ty tăng qua các kỳ, từ 2.613 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2024 lên 9.664 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2025 và đạt 11.393 tỷ đồng tại thời điểm 31/03/2026.

+ **Chất lượng khoản vay:** Chất lượng danh mục cho vay ký quỹ được duy trì ổn định:
  - Tỷ lệ nợ xấu ở mức 0% qua các kỳ
  - Tỷ lệ xử lý/giải chấp ở mức thấp
  - Công ty không phát sinh nợ quá hạn.
+ **Chính sách dự phòng các khoản cho vay ký quỹ:** Các khoản cho vay sẽ được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".
+ **Cơ cấu nguồn vốn tài trợ cho vay ký quỹ:** Hoạt động cho vay ký quỹ chủ yếu được tài trợ chủ yếu bằng nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ sử dụng vốn vay thấp
+ **Nguồn trả nợ:** Nguồn trả nợ các khoản vay tài trợ cho hoạt động cho vay ký quỹ từ dòng tiền thu hồi gốc và lãi phát sinh từ hoạt động cho vay ký quỹ của Công ty.
+ **Rủi ro lãi suất, rủi ro hạn mức tín dụng:** Rủi ro lãi suất và rủi ro hạn mức tín dụng đối với các khoản vay tài trợ cho hoạt động cho vay ký quỹ ở mức hạn chế, do tỷ trọng vốn vay thấp, và công ty có quy mô hạn mức tín dụng lớn tại các tổ chức tín dụng.
+ **Các biện pháp quản lý rủi ro**
  - **Cơ chế cảnh báo rủi ro khi thị trường biến động đối với hoạt động cho vay ký quỹ**: Công ty thiết lập hệ thống giám sát và cảnh báo rủi ro đối với danh mục cho vay ký quỹ

theo thời gian thực (RTT real - time). Khi thị trường có biến động mạnh hoặc đảo chiều nhanh, hệ thống tự động cập nhật giá trị tài sản bảo đảm, tỷ lệ ký quỹ của từng tài khoản. Trên cơ sở đó, các cảnh báo về việc giảm tỷ lệ ký quỹ, nguy cơ vi phạm ngưỡng an toàn được phát sinh kịp thời và gửi tới các bộ phận liên quan và khách hàng để chủ động thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro.

- **Các phương pháp đo lường rủi ro áp dụng cho hoạt động cho vay ký quỹ:** Công ty áp dụng các phương pháp đo lường rủi ro phù hợp với đặc thù cho vay ký quỹ, bao gồm:
  - ✓ Theo dõi tỷ lệ ký quỹ (Margin Ratio) theo từng tài khoản và toàn danh mục
  - ✓ Phân tích mức độ suy giảm giá trị tài sản bảo đảm (Haircut/Collateral Valuation)
  - ✓ Phân tích tập trung danh mục theo mã chứng khoán và khách hàng.
- **Tần suất và cơ chế cảnh báo rủi ro:** Việc giám sát rủi ro đối với hoạt động cho vay ký quỹ được thực hiện liên tục trong thời gian giao dịch. Hệ thống cảnh báo tự động được kích hoạt theo các ngưỡng thiết lập sẵn, bao gồm:
  - ✓ Ngưỡng gọi ký quỹ (Call Margin Level)
  - ✓ Ngưỡng xử lý (Forcesell Level)

  Thông tin cảnh báo được truyền tải theo thời gian thực tới bộ phận quản lý rủi ro, môi giới và/hoặc khách hàng thông qua các kênh như hệ thống nội bộ, email hoặc tin nhắn.
- **Cơ chế xử lý khi vượt ngưỡng cảnh báo:** Khi tài khoản ký quỹ vi phạm các ngưỡng an toàn, Công ty thực hiện các biện pháp xử lý tài sản đảm theo quy định, bao gồm:
  - ✓ **Tại ngưỡng cảnh báo:** Thông báo tới khách hàng và môi giới liên quan để theo dõi và chủ động bổ sung tài sản bảo đảm
  - ✓ **Tại ngưỡng Margin Call:** Yêu cầu khách hàng bổ sung tài sản bảo đảm (bằng tiền hoặc chứng khoán) hoặc giảm dư nợ trong thời hạn quy định
  - ✓ **Tại ngưỡng Force Sell:** Thực hiện bán giải chấp một phần hoặc toàn bộ tài sản bảo đảm để đưa tỷ lệ ký quỹ về mức an toàn

Đồng thời, các trường hợp biến động bất thường sẽ được báo cáo kịp thời tới cấp có thẩm quyền để xem xét các biện pháp bổ sung như điều chỉnh danh mục cho vay, thay đổi tỷ lệ cho vay hoặc tạm ngừng cấp hạn mức giao dịch ký quỹ đối với các mã chứng khoán có rủi ro cao.

c. Tự doanh chứng khoán

Hoạt động tự doanh được LPBS triển khai trên cơ sở tận dụng lợi thế về khả năng huy động vốn, kết hợp với việc lựa chọn tài sản đầu tư vào các tài sản sinh lời an toàn như cổ phiếu VN30, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu tổ chức tín dụng. Năm 2025, hoạt động tự doanh của LPBS đạt được nhiều kết quả vượt trội, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng chung của toàn Công ty.

Hoạt động tự doanh trái phiếu

Dù mới tham gia thị trường trái phiếu, đến 31/12/2025, quy mô danh mục trái phiếu của LPBS đạt 6.415 tỷ đồng, chiếm 21% tổng tài sản của Công ty với đa dạng các trái phiếu từ trái phiếu chính phủ, trái phiếu các tổ chức tín dụng và trái phiếu doanh nghiệp.

Bên cạnh hoạt động đầu tư trái phiếu trên thị trường sơ cấp, từ đầu năm 2025, Công ty đã bắt đầu thực hiện các giao dịch đầu tư trái phiếu trên thị trường thứ cấp. Trong năm 2025, giá trị giao dịch trái phiếu của LPBS đạt hơn 17.963 tỷ đồng, phản ánh khả năng tiếp cận thị trường và duy trì hoạt động ổn định. Công ty tiếp tục nâng cấp hệ thống, phát triển sản phẩm và mở rộng mạng lưới khách hàng, qua đó củng cố vị thế trong lĩnh vực phân phối trái phiếu doanh nghiệp.

Hoạt động tự doanh cổ phiếu và chứng chỉ quỹ

Song song với trái phiếu, Công ty đã tích cực triển khai các hoạt động đầu tư cổ phiếu và chứng chỉ quỹ. Tính đến cuối năm 2025, giá trị danh mục đầu tư cổ phiếu và chứng chỉ quỹ đạt gần 3.133 tỷ đồng, chiếm 10,47% Tổng tài sản. Danh mục cổ phiếu của Công ty tập trung chính là các mã trong nhóm VN30. Đây là khoản đầu tư có tỷ suất sinh lời cao, kỳ vọng mang lại lợi nhuận tốt cho Công ty.

d. Đầu tư sản phẩm tài chính khác

Tại LPBS, hoạt động đầu tư giấy tờ có giá đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc quản trị, phân bổ và tối ưu dòng vốn của Công ty trong từng thời kỳ. Tại thời điểm cuối năm 2025, Công ty quản lý danh mục Hợp đồng tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có quy mô 8.794 tỷ đồng, chiếm khoảng 29% Tổng tài sản của Công ty. Đây là nguồn thu an toàn giúp Công ty có khả năng ứng phó trong điều kiện thị trường có nhiều biến động.

e. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, đại lý phát hành chứng khoán

Trong giai đoạn 2024 - 2025, mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp của LPBS được mở rộng quy mô hoạt động và từng bước khẳng định vai trò là một trong những mảng dịch vụ trọng yếu của Công ty.

Năm 2024, LPBS đã tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thành công với tổng giá trị 5.610 tỷ đồng chiếm khoảng 1,28% tổng khối lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành trên toàn thị trường.

Bước sang năm 2025, trong bối cảnh thị trường trái phiếu doanh nghiệp ghi nhận các tín hiệu phục hồi tích cực, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của LPBS tiếp tục duy trì tăng trưởng, chứng minh năng lực triển khai hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty. Cụ thể, LPBS đã cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành và đại lý phát hành trái phiếu riêng lẻ thành công với khối lượng 15.450 tỷ đồng, đạt gần 2,7% tổng khối lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong năm 2025 trên toàn thị trường. Bên cạnh đó, LPBS đã thực hiện thành công dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu ra công chúng với khối lượng 3.847 tỷ đồng, chiếm gần 7% tổng khối lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành ra công chúng năm 2025 trên toàn thị trường.

10.1.2. Công nghệ áp dụng

a. Nền tảng giao dịch

Công ty triển khai LPTrade+ - nền tảng giao dịch đa kênh trên ứng dụng di động và website, tích hợp đầy đủ các tính năng giao dịch cổ phiếu, trái phiếu, quản lý tài sản và nạp rút tiền 24/7. Nền tảng được xây dựng trên công nghệ lập trình hiện đại, bảo đảm hiệu năng cao và trải nghiệm người dùng tối ưu.

b. Hạ tầng công nghệ

Công ty áp dụng mô hình hạ tầng kết hợp giữa máy chủ tại trụ sở và điện toán đám mây, sử dụng Amazon Web Services (AWS) - nền tảng hàng đầu thế giới. Hệ thống được thiết kế phân lớp, tách biệt các vùng mạng, bảo đảm an toàn cho hệ thống nghiệp vụ. Công ty triển khai đầy đủ các biện pháp dự phòng và sao lưu dữ liệu, tuân thủ các tiêu chuẩn của cơ quan quản lý.

c. An toàn bảo mật

Hệ thống an toàn thông tin được xây dựng theo mô hình phòng thủ nhiều lớp, bao gồm giải pháp bảo vệ thiết bị, tường lửa, phòng chống rò rỉ dữ liệu, phát hiện và ngăn chặn xâm nhập. Công ty duy trì trung tâm giám sát an ninh mạng hoạt động 24/7 và đạt cấp độ an toàn thông tin cấp 3 theo quy định.

d. Tích hợp và kết nối

Công ty đã triển khai kết nối hệ thống thu - chi hộ với các ngân hàng thương mại uy tín như LPBank, Vietcombank, BIDV, VPBank và VIB, qua đó đảm bảo khả năng xử lý giao dịch nộp, rút tiền của khách hàng một cách nhanh chóng, an toàn và liên tục.

Bên cạnh đó, Công ty chủ động tích hợp với các đối tác công nghệ trong các lĩnh vực xác thực điện tử (eKYC), ký kết hợp đồng điện tử và cung cấp dữ liệu thị trường, nhằm nâng cao mức độ tự động hóa, tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng và tăng cường hiệu quả vận hành.

10.1.3. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

LPBS kinh doanh các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực tư vấn tài chính và chứng khoán nên hoạt động kinh doanh diễn ra thường xuyên, liên tục quanh năm và không chịu ảnh hưởng của tính chất thời vụ.

10.1.4. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

a. Cơ cấu doanh thu hoạt động Công ty giai đoạn 2024 - 2025 và Quý I năm 2026

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Tăng trưởng (%)	Quý I/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	3.674	1,91%	902,769	53,52%	24.471,83%	616.957	58,56%
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	30.133	15,63%	274.531	16,28%	811,06%	89.409	8,49%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	119.531	62,02%	350.365	20,77%	193,12%	300.410	28,52%
Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	445	0,23%	403	0,02%	-9,44%	-	-

Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	32.663	16,95%	130.142	7,72%	298,44%	38.145	3,62%
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	3.891	2,02%	6.879	0,41%	76,77%	1.507	0,14%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	1.550	0,80%	10.967	0,65%	607,55%	-	-
Thu nhập hoạt động khác	852	0,44%	10.670	0,63%	1.150,88%	7.046	0,67%
Tổng	**192.739**	**100%**	**1.686.726**	**100%**	**775,13%**	**1.053.474**	**100%**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán, BCTC Quý I năm 2026 của LPBS

Trong năm 2025, tổng doanh thu LPBS đạt gần 1.687 tỷ đồng, tăng trưởng 7,75 lần so với cùng kỳ.

Doanh thu từ các tài sản tài chính được ghi nhận thông qua lãi, lỗ (FVTPL) đến từ hoạt động đầu tư cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi, với mức doanh thu đạt gần 4 tỷ đồng năm 2024 và hơn 902 tỷ đồng trong năm 2025.

Đối với các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM), LPBS chủ yếu đầu tư vào tiền gửi kỳ hạn dưới 01 năm tại các ngân hàng uy tín trên thị trường. Hoạt động này năm 2025 đạt doanh thu là 275 tỷ đồng, tăng 8,11 lần so với năm 2024.

Đối với hoạt động môi giới, trong năm 2025, Công ty triển khai hiệu quả sản phẩm Zero fee và các gói cho vay ký quỹ phù hợp với điều kiện thị trường, từ đó giúp LPBS cạnh tranh hơn trong việc thu hút khách hàng và mở rộng thị phần giao dịch chứng khoán.

Năm 2025, doanh thu từ nghiệp vụ môi giới đạt 130 tỷ đồng, gấp gần 4 lần năm 2024 và doanh thu từ các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán đạt hơn 350 tỷ đồng, gấp 2,9 lần năm 2024.

Trong Quý I năm 2026, LPBS đạt tổng doanh thu 1.053 tỷ đồng.

b. Cơ cấu lợi nhuận hoạt động Công ty giai đoạn 2024 - 2025 (*) và Quý I năm 2026

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Tăng trưởng (%)	Quý I/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận từ hoạt động tự doanh (**)	33.257	24,01%	853.987	71,18%	2.467,86%	105.485	26,53%
Lợi nhuận từ nghiệp vụ cho vay và phải thu	118.207	85,34%	344.276	28,70%	191,25%	298.021	74,94%
Lợi nhuận nghiệp vụ môi giới chứng khoán	-12.027	-8,68%	-10.929	-0,91%	9,14%	-8.101	-2,04%
Lợi nhuận nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	-536	-0,39%	-4.207	-0,35%	-685,43%	-3.956	-0,99%
Lợi nhuận hoạt động tư vấn tài chính	-1.248	-0,90%	5.877	0,49%	570,91%	-819	-0,21%
Lợi nhuận hoạt động khác	853	0,62%	10.670	0,89%	1.151,56%	7.046	1,77%
Tổng	**138.505**	**100%**	**1.199.675**	**100%**	**766,16%**	**397.676**	**100%**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán, BCTC Quý I năm 2026 của LPBS

Ghi chú:

(*) Lợi nhuận hoạt động là lợi nhuận chỉ phân bổ chi phí hoạt động, chưa phân bổ chi phí tài chính, chi phí quản lý công ty.

(**) Hoạt động tự doanh chứng khoán bao gồm các khoản mục sau tại Báo cáo kết quả hoạt động của Tổ chức đăng ký niêm yết: Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ; lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Trong năm 2025, tổng lợi nhuận hoạt động của Công ty đạt gần 1.200 tỷ đồng, tăng 766,16% so với năm 2024. Trong đó:

- Lợi nhuận từ hoạt động tự doanh đạt 854 tỷ đồng, tăng 2.468% so với năm 2024, chiếm hơn 70% tổng lợi nhuận hoạt động.
- Lợi nhuận từ hoạt động cho vay và phải thu (bao gồm giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán) đạt hơn 344 tỷ đồng, tăng hơn 191% và chiếm tỷ trọng 28,7% trong cơ cấu lợi nhuận hoạt động.
- Các lợi nhuận hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Trong Quý I năm 2026, tổng lợi nhuận hoạt động của Công ty đạt 398 tỷ đồng. Trong đó:

- Lợi nhuận từ hoạt động FVTPL chủ yếu đến từ chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính cuối kỳ, trong khi hoạt động mua bán trong kỳ ghi nhận lỗ thuần 7.754 triệu đồng.
- Trong Quý I/2026, hoạt động đầu tư FVTPL ghi nhận lợi nhuận 13.543 triệu đồng, tương đương khoảng 15% tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty.

FVTPL (Triệu đồng)	**Quý I/2026**
Lãi bán	349.779
Lỗ bán	(357.533)
Chênh lệch đánh giá lại	21.297
Tổng cộng	**13.543**
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN Quý I/2026	90.107
Tỷ trọng đóng góp của hoạt động FVTPL trong Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	15%

Nguồn: LPBS

Như vậy, qua các số liệu trên, cơ cấu lợi nhuận của Công ty hiện chủ yếu đến từ hoạt động tự doanh và các nghiệp vụ cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán. Cơ cấu nguồn thu được phân bổ tương đối đa dạng, góp phần giảm mức độ phụ thuộc vào một hoạt động kinh doanh đơn lẻ.

Đối với hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Công ty được phân bổ vào nhiều loại tài sản khác nhau, bao gồm cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi. Trong đó, các khoản đầu tư vào trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi chiếm tỷ trọng đáng kể trong danh mục, đóng vai trò là nguồn thu mang tính ổn định tương đối. Danh mục cổ phiếu được duy trì ở tỷ trọng phù hợp nhằm tận dụng các cơ hội đầu tư trên thị trường trong từng giai đoạn, đồng thời bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc quản trị rủi ro của Công ty.

Bên cạnh đó, hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán tiếp tục đóng góp tỷ trọng đáng kể trong tổng lợi nhuận của Công ty. Nghiệp vụ này được triển khai trên cơ sở kiểm soát rủi ro và tuân thủ các quy định của pháp luật, đồng thời có tiềm năng tăng trưởng cùng với sự phát triển của thị trường chứng khoán và nhu cầu sử dụng đòn bẩy của nhà đầu tư.

Nhìn chung, với định hướng phân bổ danh mục đầu tư hợp lý và áp dụng các nguyên tắc quản trị rủi ro thận trọng, Công ty từng bước xây dựng cơ cấu nguồn thu có tính ổn định tương đối, góp phần duy trì hiệu quả hoạt động trong các điều kiện thị trường khác nhau.

Trong thời gian tới, Công ty định hướng mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn và tiếp tục phát triển các dịch vụ chứng khoán phù hợp với nhu cầu của nhà đầu tư. Trước hết, Công ty dự kiến từng bước mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh trên cơ sở tăng cường năng lực tài chính và tận dụng các cơ hội phát triển của thị trường chứng khoán, đồng thời bảo đảm tuân thủ các quy định về an toàn tài chính và quản trị rủi ro. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục tập trung phát triển các mảng kinh doanh cốt lõi như môi giới chứng khoán, cho vay giao dịch ký quỹ và hoạt động tự doanh, đồng thời nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ nhằm mở rộng nguồn thu. Song song với việc phát triển hoạt động kinh doanh, Công ty định hướng tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, cải thiện chất lượng dịch vụ và hoàn thiện hệ thống quản trị, kiểm soát rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả vận hành. Thông qua các định hướng trên, Công ty kỳ vọng tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện hiệu quả hoạt động trong trung và dài hạn, phù hợp với sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

c. Thông tin cơ cấu danh mục tự doanh, mức độ tập trung rủi ro và các biện pháp quản trị rủi ro đối với hoạt động tự doanh trong năm 2025 và Quý I năm 2026 như sau:

c1) Cơ cấu danh mục tự doanh:

- Danh mục tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu (Triệu đồng)	01/01/2025			31/12/2025			31/03/2026		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ trọng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ trọng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ trọng
Cổ phiếu niêm yết	-	-		2.375.412	2.419.601	21%	3.247.713	3.249.994	32%
Trái phiếu Chính phủ	610.832	612.447	100%	3.004.270	3.004.270	27%	-	-	-

Trái phiếu niêm yết	-	-		2.610.231	2.662.322	23%	3.129.637	3.221.589	31%
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	-	-		741.802	748.077	7%	813.625	831.103	8%
Chứng chỉ tiền gửi	-	-		2.440.981	2.499.736	22%	2.837.965	2.908.067	28%
Chứng chỉ quỹ	-	-		50.000	50.711	0%	50.000	51.504	1%
Tổng	**610.832**	**612.447**	**100%**	**11.222.696**	**11.384.717**	**100%**	**10.078.940**	**10.262.257**	**100%**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2026 của LPBS

Cơ cấu danh mục FVTPL tại thời điểm cuối Quý I/2026 được phân bổ đồng đều hơn so với cuối năm 2025. Cụ thể, tại ngày 31/12/2025, tỷ trọng đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu (bao gồm trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp) và chứng chỉ tiền gửi lần lượt là 21%, 57% và 22%.

Đến ngày 31/03/2026, các tỷ trọng cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi lần lượt là 32%, 39% và 28%.

Trong đó, cơ cấu danh mục trái phiếu doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2025			31/03/2026		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ trọng (%)	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ trọng (%)
Trái phiếu niêm yết	2.610.231	2.662.322	77,87%	3.129.637	3.221.589	79,37%
Trái phiếu chưa niêm yết	741.802	748.077	22,13%	813.625	831.103	20,63%
Tổng cộng	**3.352.033**	**3.410.399**	**100%**	**3.943.262**	**4.052.692**	**100%**

Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2026 của LPBS

Tại thời điểm hiện tại, không có tổ chức phát hành nào trong danh mục trái phiếu doanh nghiệp nêu trên phát sinh tình trạng chậm thanh toán gốc và lãi trái phiếu.

(*) Trái phiếu chưa niêm yết tại 31/12/2025 có thông tin như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tổ chức phát hành	Mã trái phiếu	Số lượng nắm giữ	Giá trị hợp lý
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	BCM12501	418	43.534
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	BCM12504	7.000	704.543
Tổng cộng			**748.077**

Nguồn: LPBS

- Danh mục tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2025		Tỷ trọng giá trị đầu tư cuối năm 2025 (%)	31/03/2026		Tỷ trọng giá trị đầu tư cuối Quý I/2026 (%)
	Giá gốc	Giá trị hợp lý		Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Cổ phiếu niêm yết	745.604	659.641	99,6%	810.221	648.087	99,6%
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.880	2.880	0,4%	2.880	2.880	0,4%
Tổng cộng	**748.484**	**662.521**	**100%**	**813.101**	**650.967**	**100%**

Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2026 của LPBS

Danh mục AFS tại thời điểm cuối Quý I/2026 ghi nhận tăng so với cuối năm 2025. Cụ thể, giá trị đầu tư tăng từ 748,4 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025 lên 813,1 tỷ đồng tại ngày 31/03/2026, tương ứng mức tăng 64,6 tỷ đồng. Cơ cấu danh mục không có biến động lớn, trong đó cổ phiếu niêm yết tiếp tục chiếm tỷ trọng 99,6%, cổ phiếu chưa niêm yết chiếm tỷ trọng 0,4%, phù hợp với định hướng đầu tư của Công ty trong từng thời kỳ.

- Danh mục tự doanh cổ phiếu:

+ Cơ cấu danh mục tự doanh tại 31/12/2024 có giá trị: 536.540 triệu đồng (Thuyết minh 6.5 và Thuyết minh 10 BCTC năm 2024 đã được kiểm toán).
+ Cơ cấu danh mục tự doanh tại 31/12/2025 và 31/03/2026:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên chỉ tiêu	Khoản mục	31/12/2025			31/03/2026		
			Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ trọng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ trọng
1	Cổ phiếu	FVTPL	2.375.412	2.419.601	77,23%	3.247.713	3.249.994	82,23%
2	Chứng chỉ quỹ	FVTPL	50.000	50.711	1,62%	50.000	51.504	1,30%
3	Cổ phiếu	AFS	748.484	662.521	21,15%	813.101	650.967	16,47%
	Tổng		**3.173.896**	**3.132.833**	**100,00%**	**4.110.814**	**3.952.465**	**100,00%**

Nguồn: Thuyết minh 7.5, BCTC năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2026 của LPBS

c2) Mức độ tập trung danh mục:

- Đối với danh mục trái phiếu:

Trong Quý I năm 2026, Công ty đã giảm tỷ trọng đầu tư trái phiếu từ 57% xuống 39% tỷ trọng của danh mục tự doanh. Do mặt bằng lãi suất thị trường có xu hướng tăng, bởi vậy, Công ty thực hiện bán toàn bộ danh mục trái phiếu Chính phủ để phù hợp với chiến lược quản trị danh mục. Cụ thể, trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn dài, do đó nhạy cảm hơn với biến động lãi suất; khi lãi suất tăng, giá trị thị trường của các tài sản này có xu hướng giảm mạnh hơn so với các tài sản ngắn hạn, qua đó có thể ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư. Do vậy, Công ty giảm tỷ trọng danh mục trái phiếu Chính phủ và chuyển dịch sang các tài sản có kỳ hạn ngắn hơn và linh hoạt hơn để kiểm soát rủi ro lãi suất, thích ứng với diễn biến của thị trường.

Đối với danh mục trái phiếu doanh nghiệp, Công ty lựa chọn đầu tư trái phiếu của các Tổ chức phát hành uy tín và có xếp hạng tín nhiệm tốt, từ các tổ chức xếp hạng tín nhiệm trong và ngoài nước. Danh mục trái phiếu doanh nghiệp có tỷ trọng lớn tập trung vào trái phiếu các tổ chức tín dụng, phù hợp với khẩu vị rủi ro.

- **Đối với danh mục cổ phiếu:**

+ Tại 31/12/2024, danh mục đầu tư cổ phiếu có giá trị 536.540 triệu đồng với mức độ tập trung cao vào một cổ phiếu, chiếm 93,2% tổng giá trị danh mục đầu tư cổ phiếu, Công ty tuân thủ các quy định về giới hạn đầu tư theo quy định pháp luật chuyên ngành. Trong năm 2025, Công ty đã hoàn tất thực hiện thoái vốn khoản đầu tư này.
+ Đến thời điểm 31/12/2025, danh mục đầu tư được cơ cấu theo hướng giảm mức độ tập trung và phân bổ đa dạng hơn với 25 mã cổ phiếu.
+ Tại thời điểm 31/03/2026, danh mục tiếp tục duy trì cơ cấu phân bổ đa dạng, với 28 mã cổ phiếu.

- **Đối với danh mục Chứng chỉ tiền gửi:**

+ Danh mục Chứng chỉ tiền gửi tại 31/12/2025, có giá trị 2.440.981 triệu đồng, với mức độ tập trung vào chứng chỉ tiền gửi do các ngân hàng thương mại cổ phần phát hành.
+ Tại thời điểm 31/03/2026, danh mục có giá trị 2.837.965 triệu đồng, với mức độ tập trung vào chứng chỉ tiền gửi do các ngân hàng thương mại cổ phần phát hành.

c3) Quản trị rủi ro danh mục

Để quản trị rủi ro đối với danh mục tự doanh, công tác quản trị rủi ro của Công ty được triển khai theo mô hình ba tuyến phòng thủ, bao gồm:

+ Tuyến 1 - Cấp thực thi: Khối Đầu tư trực tiếp triển khai hoạt động đầu tư và tuân thủ các quy định nội bộ, quy định của cơ quan quản lý liên quan;
+ Tuyến 2 - Cấp kiểm soát độc lập: Các đơn vị quản lý rủi ro, pháp chế và kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát, đánh giá, cảnh báo và đề xuất các biện pháp kiểm soát rủi ro;
+ Tuyến 3 - Cấp quản trị: Hội đồng quản trị và các ủy ban/hội đồng liên quan thực hiện định hướng chiến lược đầu tư và khẩu vị rủi ro, bao gồm phê duyệt các hạn mức đầu tư và hạn mức rủi ro.

Mô hình quản trị này nhằm bảo đảm danh mục tự doanh được kiểm soát trong phạm vi rủi ro cho phép và phù hợp với định hướng hoạt động của Công ty. Cụ thể như sau:

+ Cơ chế cảnh báo rủi ro khi thị trường biến động:
    - Công ty thực hiện theo dõi và đưa ra các cảnh báo khi xuất hiện các biến động lớn về kinh tế vĩ mô, căng thẳng địa chính trị, cũng như các yếu tố như lãi suất, tỷ giá, lạm phát và thanh khoản thị trường.
    - Trong các trường hợp thị trường biến động nhanh và bất ngờ, bộ phận đầu tư thực hiện tuân thủ nghiêm các quy tắc về quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro theo quy định của Công ty, bộ phận quản trị rủi ro thực hiện giám sát độc lập, bảo đảm tính tuân thủ.
    - Hoạt động đầu tư được giám sát thường xuyên thông qua hệ thống báo cáo, bảo đảm tuân thủ các quy định về hạn mức đầu tư và hạn mức rủi ro.
+ Các hạn mức đầu tư cụ thể và cơ chế giám sát tuân thủ.
    - Tổng hạn mức đầu tư: Quy định mức đầu tư tối đa tại mọi thời điểm.
    - Hạn mức đầu tư mỗi mã cổ phiếu: Quy định mức đầu tư tối đa đối với 01 tổ chức phát hành, giúp giảm rủi ro tập trung trong danh mục đầu tư.
    - Hạn mức rủi ro tổng thể: Quy định mức lỗ tiềm năng tối đa mà Công ty có thể hấp thụ.
+ Tần suất và ngưỡng cảnh báo rủi ro:

- Rủi ro danh mục đầu tư được hệ thống giám sát liên tục, bảo đảm tuân thủ.
- Rủi ro vận hành và rủi ro tuân thủ được cảnh báo ngay khi phát hiện.

+ Cơ chế xử lý khi vượt ngưỡng cảnh báo:
  - Khi hạn mức đầu tư hoặc hạn mức rủi ro chạm ngưỡng cảnh báo, Phòng Quản trị Rủi ro (Phòng QTRR) sẽ cảnh báo đến các cấp lãnh đạo
  - Khối Đầu tư sẽ kết hợp với Phòng QTRR trình bày phương án giải quyết dựa trên tình hình thực tế và định giá lại tài sản theo phương pháp giá trị. Trên cơ sở đó, các cấp có thẩm quyền sẽ ra quyết định xử lý hoặc tái cơ cấu, để bảo đảm tuân thủ quản trị rủi ro.
+ Khẩu vị rủi ro trong bối cảnh thị trường biến động:
  - Khẩu vị rủi ro của Công ty là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp đầu ngành, có quy mô vốn hoá lớn, thanh khoản cao. Qua đó giúp danh mục tự doanh duy trì mức độ ổn định về thanh khoản và khả năng thoái vốn trong các điều kiện thị trường bất lợi.

10.2. Tài sản

Chi tiết tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025			31/03/2026		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Máy móc, thiết bị	18.643	2.073	16.570	26.110	7.380	18.730	26.110	8.140	17.970
Phương tiện vận tải	4.356	1.520	2.835	5.387	1.765	3.621	5.387	2.367	3.019
Thiết bị dụng cụ quản lý	1.621	1.388	234	1.998	1.444	554	2.085	1.590	495
Tổng cộng	**24.620**	**4.981**	**19.639**	**33.495**	**10.589**	**22.906**	**33.582**	**12.097**	**21.484**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2026 của LPBS

Chi tiết tài sản cố định vô hình

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025			31/03/2026		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Phần mềm máy tính	18.015	2.320	15.695	24.402	6.554	17.848	24.402	7.785	16.617
Tổng cộng	**18.015**	**2.320**	**15.695**	**24.402**	**6.554**	**17.848**	**24.402**	**7.785**	**16.617**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2026 của LPBS

Giá trị tài sản lớn tại ngày 31/12/2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên tài sản	Thời gian đưa vào sử dụng	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025
1	Phần mềm FLEX Quản lý và giao dịch chứng khoán cơ sở	21/06/2024	12.455	3.424	9.031
2	Thiết bị cân bằng tải	16/08/2025	5.849	973	4.875
3	Thiết bị lưu trữ	21/06/2024	3.234	988	2.246
4	Xe ô tô	19/02/2020	1.370	1.004	366
5	Xe ô tô	21/04/2022	1.948	907	1.040

Nguồn: LPBS

10.3. Thị trường hoạt động

Hoạt động kinh doanh và các sản phẩm dịch vụ tài chính của Công ty chỉ cung cấp tại thị trường Việt Nam cho các khách hàng trong nước và nước ngoài. Vì vậy, rủi ro hay tỷ suất sinh lời của Công ty không chịu tác động bởi những khác biệt về địa lý.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ các lĩnh vực hoạt động chính

Trong năm 2025, tổng doanh thu từ các hoạt động kinh doanh của LPBS đạt 1.687 tỷ đồng, gấp 8,75 lần so với năm 2024. Các mảng hoạt động kinh doanh chính của Công ty đều tăng trưởng so với 2024. Trong đó, tăng trưởng chủ yếu đến từ hoạt động tự doanh, môi giới và cho vay giao dịch ký quỹ. Hoạt động tự doanh ghi nhận doanh thu tăng từ 34 tỷ đồng năm 2024 lên gần 1.178 tỷ đồng năm 2025, trở thành mảng đóng góp tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Trong Quý I năm 2026, tổng doanh thu hoạt động của Công ty đạt 1.053 tỷ đồng, tăng 919,32% so với Quý I năm 2025.

Kết quả này có được nhờ năng lực huy động vốn của Công ty được cải thiện, đồng thời chiến lược phân bổ tài sản đầu tư được triển khai linh hoạt giữa các nhóm cổ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá. Qua đó, Công ty vừa bảo đảm tính đa dạng của danh mục đầu tư, vừa nâng cao hiệu quả và kiểm soát rủi ro trong từng giai đoạn thị trường.

Tại thời điểm 31/12/2025, danh mục đầu tư của LPBS được phân bổ chủ yếu vào các nhóm tài sản gồm cổ phiếu và chứng chỉ quỹ, trái phiếu và các giấy tờ có giá, với tỷ trọng lần lượt là 10%, 21% và 29%; phần còn lại được phân bổ vào các tài sản tài chính khác phù hợp với định hướng đầu tư của Công ty. Cơ cấu này góp phần tạo nguồn thu tương đối ổn định từ các công cụ thu nhập cố định, đồng thời, cho phép Công ty linh hoạt tận dụng các cơ hội đầu tư trên thị trường cổ phiếu.

Bên cạnh đó, hoạt động môi giới và cho vay giao dịch ký quỹ cũng ghi nhận sự tăng trưởng. Năm 2025, doanh thu từ nghiệp vụ môi giới tăng gần 4 lần và doanh thu từ hoạt động cho vay ký quỹ tăng gần 3 lần so với năm 2024, đóng góp khoảng 28% tổng doanh thu. Kết quả này có

được nhờ việc cải thiện hệ thống giao dịch, nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ dành cho khách hàng.

Ngoài ra, hoạt động tư vấn tài chính tiếp tục được duy trì, mang lại nguồn thu tương đối ổn định từ nhóm khách hàng tổ chức có nhu cầu huy động vốn thông qua thị trường trái phiếu.

Thành quả hoạt động của LPBS được thể hiện qua các chỉ tiêu tăng trưởng trong giai đoạn 2024 - 2025. Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2024 và năm 2025 lần lượt đạt 80,39 tỷ đồng và 522,21 tỷ đồng, tương ứng tăng 470,19% và 549,58% so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, trong giai đoạn từ năm 2024 đến hết năm 2025, LPBS ghi nhận sự tăng trưởng tích cực về cả quy mô doanh thu và hiệu quả hoạt động. Cơ cấu doanh thu tiếp tục được duy trì theo hướng cân bằng giữa các mảng hoạt động, góp phần giảm thiểu sự phụ thuộc vào một nguồn thu duy nhất. Lợi nhuận gộp từ các hoạt động kinh doanh của Công ty trong Quý I năm 2026 đạt gần 398 tỷ đồng.

10.5. Các hợp đồng lớn

Các hợp đồng lớn đã được thực hiện trong 02 năm 2024 -2025 và đến thời điểm hiện tại

STT	Tên hợp đồng	Giá trị (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào/ đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng khác	Doanh thu đã thực hiện (tỷ đồng)	Doanh thu dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện
1	Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu	900	11/ 2025	2025	Đại lý phát hành	Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP	Không có mối quan hệ liên quan	Không có	1,8	-	Đã hoàn thành
2	Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu	900	11/ 2025	2025	Đại diện người sở hữu trái phiếu	Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP	Không có mối quan hệ liên quan	Không có	0,9	-	Đang thực hiện
3	Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu	3.847	09/ 2024	2025	Đại lý phát hành	LPBank	Là cổ đông lớn của Công ty	Không có	8,26	-	Đã hoàn thành
4	Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn về hồ sơ chào bán	12.000	08/ 2025	2025	Dịch vụ tư vấn về hồ sơ chào bán	LPBank	Là cổ đông lớn của Công ty	Không có	0,4	-	Đã hoàn thành
5	Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn về hồ sơ chào bán	Tối đa 5.000	09/ 2025	2025	Dịch vụ tư vấn về hồ sơ chào bán	LPBank	Là cổ đông lớn của Công ty	Không có	0,5	-	Đã hoàn thành

STT	Tên hợp đồng	Giá trị (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào/ đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng khác	Doanh thu đã thực hiện (tỷ đồng)	Doanh thu dự kiến (tỷ đồng)	Tiến độ thực hiện
6	Hợp đồng đại lý đăng ký, lưu ký trái phiếu	Tối đa 5.000	11/ 2025	2026	Đại lý đăng ký, lưu ký trái phiếu	LPBank	Là cổ đông lớn của Công ty	Không có	-	Theo khối lượng phát hành thực tế	Đang thực hiện
7	Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu	Tối đa 5.000	11/ 2025	2026	Đại lý phát hành	LPBank	Là cổ đông lớn của Công ty	Không có	-	Theo khối lượng phát hành thực tế	Đang thực hiện
8	Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu	Tối đa 5.000	11/ 2025	2026	Dịch vụ tư vấn về hồ sơ chào bán	LPBank	Là cổ đông lớn của Công ty	Không có	-	1,3	Đang thực hiện
9	Hợp đồng tín dụng	1.305	06/ 2024	2024	Vay nợ	LPBank	Là cổ đông lớn của Công ty	Không có	Không phát sinh	Không phát sinh	Đã hoàn thành
10	Hợp đồng tín dụng	2.008	03/ 2025	2025	Vay nợ	LPBank	Là cổ đông lớn của Công ty	Không có	Không phát sinh	Không phát sinh	Đã hoàn thành

Nguồn: LPBS

(*) Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch, LPBank không còn là cổ đông của LPBS.

Ghi chú: LPBS không có hợp đồng nào đã ký kết trong thời gian từ năm 2024 đến thời điểm ký Bản Cáo Bạch mà chưa triển khai thực hiện.

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Các khách hàng lớn của LPBS trong năm 2024 - 2025 và đến thời điểm ký Bản Cáo Bạch

TT	Khách hàng	Giá trị giao dịch/Doanh thu	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ (*)
1	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	0,5% doanh thu năm 2025	Trong năm 2025	Dịch vụ tư vấn; đại lý đăng ký, lưu ký; đại lý phát hành	Là cổ đông lớn của Công ty
2	Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP	0,1% doanh thu năm 2025	Quý IV/năm 2025	Đại lý phát hành, đại diện người sở hữu trái phiếu	Không có mối quan hệ liên quan

Nguồn: LPBS

(*) Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch, LPBank không còn là cổ đông của LPBS.

Nhà cung cấp lớn của LPBS trong năm 2024 - 2025 và đến thời điểm hiện tại

STT	Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch/Doanh thu	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ (*)
1	CTCP Đầu tư Bất động sản Ngọc Viễn Đông	0,6% doanh thu năm 2025	2024	Cho thuê văn phòng	Không có mối quan hệ liên quan
2	CTCP Tôn Đán Hà Nội	0,3% doanh thu năm 2025	2024	Cho thuê văn phòng	Tổ chức liên quan của người nội bộ
3	CTCP Công nghệ Bằng Hữu	1,2% doanh thu năm 2025	2024	Hạ tầng lưu trữ; thiết bị mạng, an ninh thông tin; dịch vụ triển khai	Không có mối quan hệ liên quan
4	CTCP Giải pháp Phần mềm Tài chính	0,5% doanh thu năm 2025	2024	Cung cấp và triển khai phần mềm FLEX	Không có mối quan hệ liên quan
5	Công ty TNHH Xây dựng Vinakanto	0,5% doanh thu năm 2025	2025	Thiết kế - cung cấp, lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng công trình	Không có mối quan hệ liên quan
6	CTCP Viễn thông FPT	0,5% doanh thu năm 2025	2025	Quảng cáo	Không có mối quan hệ liên quan

Nguồn: LPBS

(*) Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch, LPBank không còn là cổ đông của LPBS.

10.7. Vị thế của Tổ chức đăng ký niêm yết trong ngành

10.7.1. Vị thế của Tổ chức đăng ký niêm yết so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

a. Ngành hoạt động

LPBS có 04 mảng hoạt động chính gồm: Môi giới chứng khoán, cho vay ký quỹ, tư vấn tài chính doanh nghiệp và tự doanh chứng khoán. Trong quá trình phát triển cùng thị trường chứng khoán Việt Nam, LPBS từng bước mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao năng lực tài chính và khẳng định vai trò là tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính - đầu tư cho khách hàng cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp.

Trong giai đoạn 2024 - 2025, các mảng hoạt động cốt lõi của LPBS ghi nhận tăng trưởng mạnh. Hoạt động môi giới chứng khoán gia tăng về số lượng tài khoản, giá trị giao dịch và doanh thu phí, góp phần mở rộng thị phần và quy mô tài sản quản lý. Dư nợ cho vay ký quỹ tăng gần 4 lần, từ 2.613 tỷ đồng năm 2024 lên 9.664 tỷ đồng năm 2025, phản ánh nhu cầu thị trường gia tăng và khả năng mở rộng hoạt động hiệu quả của Công ty. Ở mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp, LPBS triển khai nhiều thương vụ tư vấn phát hành trái phiếu quy mô lớn, với tổng giá trị phát hành đạt 19.550 tỷ đồng trong năm 2025, chủ yếu là phát hành cho tổ chức tín dụng.

Năm 2024 đánh dấu bước chuyển quan trọng khi LPBS hoàn tất tăng vốn điều lệ từ 250 tỷ đồng lên 3.888 tỷ đồng, đồng thời, tái kết nối với Sở Giao dịch Chứng khoán và mở rộng hoạt động kinh doanh. Kết quả kinh doanh năm 2024 ghi nhận gần 193 tỷ đồng doanh thu và hơn 80 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế.

Năm 2025, LPBS tiếp tục hoàn tất tăng vốn điều lệ từ 3.888 tỷ đồng lên 12.668 tỷ đồng, đưa Công ty lọt vào nhóm các công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn nhất thị trường. Doanh thu hoạt động năm 2025 đạt gần 1.687 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt hơn 522 tỷ đồng, lần lượt gấp 8,8 lần và 6,5 lần so với năm 2024. Tổng tài sản năm 2025 tăng 491% so với năm 2024, từ 5.066 tỷ đồng lên 29.932 tỷ đồng, phản ánh tốc độ mở rộng quy mô nhanh và bền vững.

Song song với tăng trưởng quy mô, LPBS tập trung phát triển sản phẩm và nền tảng công nghệ nhằm đa dạng hóa giải pháp đầu tư và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Công ty đã triển khai ứng dụng giao dịch LPTrade+, cho phép mở tài khoản trực tuyến, ký hợp đồng điện tử thông qua quy trình định danh khách hàng trực tuyến (eKYC) và tích hợp giải pháp tài khoản định danh chứng khoán (Virtual Account), phù hợp với xu hướng chứng khoán số và nhu cầu của nhà đầu tư thế hệ mới.

b. Các bên tham gia ngành và mức độ cạnh tranh

Thị trường chứng khoán Việt Nam hiện có sự tham gia của nhiều công ty chứng khoán với quy mô và mô hình hoạt động khác nhau, bao gồm các công ty chứng khoán độc lập quy mô lớn, các công ty chứng khoán có mối quan hệ hợp tác với ngân hàng, và các công ty chứng khoán quy mô vừa và nhỏ. Trong những năm gần đây, mức độ cạnh tranh trong ngành có xu hướng gia tăng, cùng với xu hướng các doanh nghiệp nâng vốn điều lệ lên mức cao nhằm đáp ứng yêu cầu mở rộng hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh dài hạn.

Trong bối cảnh đó, các công ty chứng khoán có quy mô vốn lớn và phạm vi hoạt động đa dạng có điều kiện thuận lợi hơn trong việc phát triển đồng thời các mảng môi giới, cho vay ký quỹ, tư vấn tài chính doanh nghiệp và tự doanh chứng khoán. Bên cạnh yếu tố quy mô vốn, năng lực quản trị rủi ro, hiệu quả vận hành và mức độ đầu tư vào công nghệ ngày càng trở thành các yếu tố quan trọng trong việc hình thành vị thế cạnh tranh trên thị trường.

Trên thị trường hiện nay, có thể ghi nhận sự hiện diện của một số công ty chứng khoán có quy mô lớn và thị phần đáng kể, đóng vai trò tham chiếu về quy mô và mô hình hoạt động, như SSI, VNDirect, Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HCM) và Vietcap (VCI). Bên cạnh đó, thị trường cũng có các công ty chứng khoán có mối quan hệ hợp tác với ngân hàng thương mại, được xem là các ví dụ tham chiếu về mô hình phát triển dựa trên mở rộng quy mô vốn, đa dạng hóa sản phẩm và đầu tư vào hạ tầng công nghệ, như Techcom Securities, MB Securities.

Trong nhóm các công ty chứng khoán có quy mô vốn lớn, LPBS được ghi nhận là doanh nghiệp có tốc độ mở rộng quy mô nhanh trong giai đoạn gần đây. Việc tăng vốn điều lệ lên 12.668 tỷ đồng, cùng với quy mô tổng tài sản gần 30.000 tỷ đồng, tạo nền tảng để Công ty triển khai các mảng hoạt động tương đồng với các doanh nghiệp cùng nhóm trên thị trường, bao gồm môi

giới, cho vay ký quỹ, tư vấn tài chính doanh nghiệp và tự doanh chứng khoán. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 cho thấy sự cải thiện rõ rệt về quy mô và hiệu quả với lợi nhuận trước thuế đạt 653 tỷ đồng năm 2025. Chỉ tiêu này phản ánh vị trí ngày càng rõ nét của LPBS trong nhóm các công ty chứng khoán có quy mô vốn lớn, đồng thời tạo cơ sở để Công ty tiếp tục tham gia cạnh tranh trên thị trường trong giai đoạn tiếp theo.

Dự báo tăng trưởng kinh tế ổn định và ở mức cao hơn trung bình khu vực ASEAN trong giai đoạn 2026 - 2027 hỗ trợ kỳ vọng vào nhu cầu đối với sản phẩm tài chính, bao gồm chứng khoán, dịch vụ tư vấn doanh nghiệp và các dịch vụ môi giới. Động lực tăng trưởng nội địa, tiêu dùng, đầu tư công và thu hút FDI, cùng với triển vọng ổn định vĩ mô, được xem là các yếu tố nền tảng giúp thị trường chứng khoán tiếp tục phát triển bền vững trong trung hạn.

c. Vị thế và thị phần của LPBS trong ngành

Vị thế của LPBS so với các công ty chứng khoán khác trên thị trường trong năm 2025.

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Tên công ty	Mã chứng khoán	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản
1	**Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank**	**-**	**13.195**	**29.932**
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	TCX	44.100	80.632
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank	VPX	33.831	73.017
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	SSI	32.066	94.050
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS	VCK	28.835	48.402
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	VND	20.903	51.629
7	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIETCAP	VCI	18.010	36.006
8	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	HCM	14.543	46.499
9	Công ty TNHH Chứng khoán ACB	-	14.270	38.584
10	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	MBS	7.995	30.776

Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán tại website của các Công ty Chứng khoán trên

ĐVT: VND

STT	Tên công ty	Mã chứng khoán	Vốn điều lệ tại 31/12/2025
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	TCX	23.113.080.210.000
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	SSI	20.779.062.620.000
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank	VPX	18.750.000.000.000
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	VIX	15.314.298.580.000
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	VND	15.222.999.080.000
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS	VCK	15.218.257.000.000
7	**Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank**	-	**12.668.000.000.000**
8	Công ty TNHH Chứng khoán ACB	-	11.000.000.000.000
9	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	HCM	10.807.970.890.000
10	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	SHS	8.994.622.200.000

Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán tại website của các Công ty Chứng khoán trên

Bảng so sánh tỷ suất lợi nhuận, hiệu quả sinh lời giữa LPBS và các Công ty Chứng khoán có cùng quy mô Vốn chủ sở hữu đang niêm yết trên Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	LPBS	VND	VCI	HCM
1	TTS tại 31/12/2025	29.932.219	51.628.903	36.005.865	46.499.006
2	TTS bình quân năm 2025	17.499.266	47.961.840	31.298.995	38.919.322
3	VCSH tại 31/12/2025	13.195.485	20.902.909	18.009.897	14.543.144
4	VCSH bình quân năm 2025	8.589.318	20.308.989	15.477.101	12.493.543
5	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh năm 2025	1.686.726	6.640.221	4.980.202	5.136.153

TT	Chỉ tiêu	LPBS	VND	VCI	HCM
6	Lợi nhuận trước thuế 2025	653.154	2.508.129	1.629.220	1.474.303
7	Lợi nhuận sau thuế 2025	522.210	2.022.085	1.341.955	1.178.617
8	Tỉ lệ Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	38,7%	37,8%	32,7%	28,7%
9	ROE	6,1%	10,0%	8,7%	9,4%
10	ROA	3,0%	4,2%	4,3%	3,0%

BCTC năm 2025 đã được kiểm toán tại website của các Công ty Chứng khoán trên

So với các công ty chứng khoán có quy mô vốn chủ sở hữu tương đồng, các chỉ tiêu hiệu quả hoạt động của LPBS ở mức tương đương với mặt bằng chung của nhóm so sánh. Biên lợi nhuận trước thuế/Doanh thu của LPBS đạt 38,7%, tương đồng với một số công ty cùng nhóm (VND, VCI, HCM).

10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

a. Kinh tế trong nước ổn định và bền vững, hỗ trợ sự tăng trưởng của thị trường chứng khoán

Kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng vững chắc, tạo nền tảng cho sự phát triển của thị trường chứng khoán. GDP năm 2025 tăng 8,02% so với năm trước, trong khi GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.000 USD, đưa Việt Nam tiệm cận nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình cao.

Tăng trưởng kinh tế ở mức cao đi kèm kiểm soát lạm phát tương đối hiệu quả và cải thiện thu nhập người dân đã góp phần thúc đẩy dòng vốn cá nhân và tổ chức vào thị trường tài chính, bao gồm giao dịch chứng khoán và dịch vụ tư vấn tài chính.

Nhiều tổ chức quốc tế và định chế tài chính đã công bố triển vọng tăng trưởng cho Việt Nam trong các năm tiếp theo, phản ánh kỳ vọng về nền tảng vĩ mô tiếp tục ổn định và khả năng ứng phó của nền kinh tế trước biến động toàn cầu. Cụ thể, OECD dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt khoảng 6,2% năm 2026 và 5,8% năm 2027, cho thấy nền kinh tế dự kiến tiếp tục mở rộng nhưng ở mức vừa phải sau đà tăng mạnh của năm 2025. AMRO đưa ra dự báo khả quan hơn cho năm 2026, với GDP tăng khoảng 7,6%, cao hơn mức trung bình của khu vực ASEAN+3. Một số dự báo và mô hình kinh tế vĩ mô khác cho thấy GDP có thể tăng trên 7% trong năm 2026, trong đó một số kịch bản lạc quan đặt mục tiêu tăng trưởng quanh 8 - 9,5% nếu các động lực nội địa và xuất khẩu duy trì tích cực.

Về phía Việt Nam, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đặt mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2026 - 2030 từ 10%/năm trở lên, cùng với các chỉ tiêu

nâng cao năng suất lao động và phát triển bền vững đến năm 2030. Về thu nhập, dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 ước tính GDP bình quân đầu người của Việt Nam sẽ tăng lên mức 5.400 - 5.500 USD, tiếp tục duy trì đà tăng tích cực trong những năm gần đây.

b. Thị trường chứng khoán Việt Nam được chính thức nâng hạng và duy trì đà tăng trưởng

Việc nâng hạng thị trường chứng khoán từ nhóm thị trường cận biên lên nhóm thị trường mới nổi đã được hiện thực hóa, đánh dấu bước tiến quan trọng trong lộ trình phát triển thị trường vốn theo Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 do Chính phủ phê duyệt. Trong giai đoạn vừa qua, khuôn khổ pháp lý liên quan đến hoạt động đầu tư, giao dịch và tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài đã được hoàn thiện theo hướng tiệm cận thông lệ quốc tế, góp phần đáp ứng các tiêu chí nâng hạng của các tổ chức xếp hạng quốc tế như FTSE Russell.

Đáng chú ý, việc ban hành và triển khai Thông tư 68/2024/TT-BTC đã tháo gỡ một số vướng mắc kỹ thuật quan trọng, đặc biệt liên quan đến cơ chế giao dịch, công bố thông tin và khả năng tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài.

Sau khi thị trường được nâng hạng, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận sự cải thiện về mức độ quan tâm và tham gia của nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời được kỳ vọng thu hút thêm dòng vốn trung và dài hạn từ các quỹ đầu tư thụ động và chủ động theo các bộ chỉ số thị trường mới nổi. Trong bối cảnh những biến động từ môi trường kinh tế toàn cầu và thị trường tài chính quốc tế, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn duy trì xu hướng vận động tích cực và duy trì vai trò là kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng cho nền kinh tế. Kết thúc năm 2024, VN-Index đạt 1.266,78 điểm, tăng 12,11% so với cuối năm 2023. Đến cuối năm 2025, VN-Index đạt 1.784,49 điểm, tăng 40,87% so với đầu năm.

Quy mô thị trường tiếp tục được mở rộng. Vốn hóa thị trường cổ phiếu năm 2024 đạt khoảng 7,1 triệu tỷ đồng. Đến cuối năm 2025, vốn hóa thị trường đạt xấp xỉ 10 triệu tỷ đồng, tương đương khoảng 78% GDP, phản ánh mức độ phát triển ngày càng sâu rộng của thị trường vốn.

Thanh khoản thị trường cũng ghi nhận cải thiện rõ rệt. Năm 2025, giá trị giao dịch bình quân tăng khoảng 33% so với năm 2024, trong khi số lượng tài khoản nhà đầu tư mới tăng thêm gần 2,6 triệu, đưa tổng số tài khoản nhà đầu tư cá nhân lên hơn 11,8 triệu, tương đương khoảng 11% quy mô dân số. Các chỉ tiêu này cho thấy sự mở rộng cả về chiều rộng lẫn chiều sâu của thị trường.

Sau khi được nâng hạng, trên nền tảng pháp lý ngày càng hoàn thiện, quy mô thị trường mở rộng và mức độ tham gia của nhà đầu tư gia tăng, thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng sẽ duy trì đà tăng trưởng tích cực, nâng cao chất lượng vận hành và từng bước hội nhập sâu hơn vào thị trường tài chính quốc tế.

c. Đầu tư gián tiếp nước ngoài (FII) vào Việt Nam tăng mạnh

Đầu tư gián tiếp nước ngoài (FII) là dòng vốn đầu tư vào các công cụ tài chính niêm yết như cổ phiếu, trái phiếu và các sản phẩm tài chính khác trên thị trường chứng khoán. Dòng vốn này có mối liên hệ chặt chẽ với thanh khoản, mặt bằng định giá và diễn biến giao dịch trên thị trường.

Diễn biến của dòng vốn FII chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, bao gồm điều kiện kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ trong nước và quốc tế, biến động của thị trường tài chính toàn cầu, cũng như các yếu tố đặc thù của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Việc thị trường chứng khoán Việt Nam được nâng hạng lên nhóm Thị trường mới nổi (Emerging Markets) kỳ vọng sẽ tạo lực đẩy mạnh mẽ thu hút sự quan tâm của cộng đồng nhà đầu tư quốc tế. Kết hợp cùng nền tảng vĩ mô ổn định, quy mô vốn hóa mở rộng và tính minh bạch được nâng cao, thị trường chứng khoán Việt Nam hội tụ đầy đủ các điều kiện cần thiết để duy trì sức hấp dẫn đối với dòng vốn đầu tư trong và ngoài nước. Đây là tiền đề quan trọng giúp cải thiện thanh khoản và thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường trong trung và dài hạn.

d. Giai đoạn phát triển mới của nền kinh tế và vai trò của các khu vực doanh nghiệp

Theo định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, Việt Nam phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó các khu vực kinh tế cùng phát triển, hợp tác và cạnh tranh bình đẳng theo pháp luật. Khu vực doanh nghiệp Nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong các lĩnh vực then chốt, thiết yếu của nền kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Khu vực doanh nghiệp tư nhân được xác định là một động lực quan trọng của nền kinh tế, được tạo điều kiện phát triển về quy mô, nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động. Trên cơ sở đó, thị trường chứng khoán giữ vai trò là kênh huy động và phân bổ vốn trung, dài hạn, góp phần hỗ trợ cơ cấu lại doanh nghiệp Nhà nước, phát triển doanh nghiệp tư nhân và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong giai đoạn 2021 - 2030.

10.7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức đăng ký niêm yết so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Xu thế hội nhập, toàn cầu hóa đang trở nên phổ biến trên toàn thế giới. Để hội nhập với kinh tế quốc tế, Việt Nam cần chú trọng xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1726/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 phê duyệt chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 với các mục tiêu phát triển thị trường chứng khoán ổn định, an toàn, lành mạnh, hiệu quả, bền vững, hội nhập; nâng cao khả năng chống chịu rủi ro, có cơ cấu hợp lý giữa các cấu phần thị trường, trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng, chủ yếu cho nền kinh tế; duy trì tăng trưởng về quy mô, chú trọng nâng cao chất lượng; phát triển các công cụ tài chính xanh, tài chính bền vững; đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực chứng khoán; xây dựng hệ thống quản lý, giám sát thị trường gắn với ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại; tăng cường liên kết và hội nhập quốc tế, từng bước thu hẹp về khoảng cách phát triển giữa thị trường chứng khoán Việt Nam so với thị trường

chứng khoán các nước phát triển. Nắm bắt được triển vọng và xu hướng phát triển của ngành, LPBS đã có những định hướng phát triển phù hợp với đường lối phát triển, quy mô hoạt động và trình độ công nghệ theo yêu cầu của thị trường chứng khoán Việt Nam.

a. Phù hợp về định hướng phát triển

Bám sát Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam đến năm 2030, LPBS tập trung phát triển hệ sinh thái sản phẩm - dịch vụ theo hướng an toàn, minh bạch và công nghệ hóa, vừa đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhà đầu tư, vừa đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường. LPBS đã xác lập chiến lược trung - dài hạn phù hợp, bám sát định hướng này.

Với chiến lược trung - dài hạn, Công ty hướng tới việc trở thành nơi cung cấp các giải pháp đầu tư hấp dẫn, hiệu quả, đa dạng nhưng vẫn giữ được sự đơn giản, dễ tiếp cận cho mọi khách hàng. Công ty tập trung vào việc hoàn thiện tất cả các phân lớp tài sản, tiên phong sáng tạo các sản phẩm cấp tiến và phát triển hệ thống hướng đến cá nhân hóa trải nghiệm.

Đẩy mạnh dư nợ ký quỹ, tận dụng lợi thế từ việc xây dựng được thương hiệu huy động vốn với các ngân hàng thương mại lớn để tối ưu quy mô vốn, chi phí huy động và năng lực cung ứng vốn.

Công ty xây dựng đa dạng hóa các loại sản phẩm, từ đó giúp khách hàng có nhiều lựa chọn phù hợp với khẩu vị và nhu cầu riêng của từng khách hàng. Công ty tập trung phát triển năng lực tư vấn tài chính để đẩy mạnh hoạt động huy động vốn cho những đối tác tập đoàn kinh tế lớn hàng đầu Việt Nam. Công ty sẽ khai thác toàn diện chuỗi giá trị từ hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, bao phủ cả thị trường vốn và thị trường nợ, tập trung vào các nghiệp vụ giá trị cao như phát hành, mua bán và sáp nhập, bảo lãnh và phân phối.

Thông qua việc triển khai song song các chiến lược trung - dài hạn này, LPBS không chỉ đáp ứng nhu cầu vốn và cơ hội đầu tư của khách hàng mà còn thể hiện sự phù hợp với các trụ cột phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam: Tăng trưởng quy mô gắn với nâng cao chất lượng, chuyển đổi số, minh bạch thông tin, và đa dạng hóa sản phẩm tài chính.

b. Phù hợp về quy mô hoạt động

Tận dụng lợi thế sẵn có là đội ngũ chuyên gia nghiên cứu và phân tích chuyên nghiệp, LPBS tập trung nguồn lực phát triển các sản phẩm công nghệ có hàm lượng chất xám cao, có khả năng mở rộng và phục vụ đồng thời hàng trăm nghìn người dùng. Chiến lược này không chỉ giúp tối ưu hiệu quả vận hành mà còn tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn.

Hiệu quả của định hướng chiến lược trên được thể hiện rõ nét qua kết quả kinh doanh trong giai đoạn 2024 - 2025. Chỉ sau hai năm kể từ thời điểm 01/01/2024, LPBS đã ghi nhận mức tăng trưởng vượt trội cả về quy mô và hiệu quả hoạt động. Năm 2024, Công ty đạt lợi nhuận trước thuế 100 tỷ đồng, đánh dấu bước chuyển biến quan trọng trong hoạt động kinh doanh. Sang năm 2025, đà tăng trưởng được đẩy mạnh với lợi nhuận trước thuế đạt 653 tỷ đồng, gấp 6,5 lần

so với năm trước. Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của LPBS đạt xấp xỉ 30.000 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu đạt 13.195 tỷ đồng.

Song song với sự gia tăng về quy mô tài sản, hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ. Dư nợ cho vay ký quỹ tại ngày 31/12/2025 đạt 9.664 tỷ đồng, tăng gấp 3,7 lần so với mức 2.613 tỷ đồng tại thời điểm đầu năm. Đáng chú ý, với tiềm lực vốn dồi dào, LPBS hiện mới chỉ sử dụng khoảng 40% hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ tối đa theo quy định, tương ứng với dư địa còn lại hơn 16.000 tỷ đồng, trong bối cảnh nhiều công ty chứng khoán đã tiệm cận hoặc chạm ngưỡng giới hạn cho phép.

Bên cạnh đó, tỷ lệ vốn khả dụng của LPBS tại ngày 31/12/2025 đạt 834,31%, cao gấp 4,6 lần mức tối thiểu theo quy định của Bộ Tài chính (180%). Các chỉ số này phản ánh nền tảng tài chính vững chắc và năng lực kiểm soát rủi ro hiệu quả của Công ty, tạo điều kiện thuận lợi để LPBS tiếp tục mở rộng hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và tự doanh trong thời gian tới mà không gây áp lực lên an toàn vốn.

c. Phù hợp về tổ chức nhân sự

Nhân sự, đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo, là yếu tố then chốt quyết định năng lực cạnh tranh và sự phát triển bền vững của các công ty chứng khoán. LPBS được dẫn dắt bởi Ban Lãnh đạo giàu kinh nghiệm thực tiễn, có tầm nhìn chiến lược dài hạn, am hiểu sâu sắc thị trường tài chính - chứng khoán và luôn thể hiện tâm huyết trong việc xây dựng một định chế tài chính hiện đại, minh bạch, lấy khách hàng làm trung tâm.

Ban Lãnh đạo LPBS không chỉ đóng vai trò hoạch định chiến lược mà còn trực tiếp tham gia điều hành, giám sát và tối ưu hiệu quả hoạt động trên các mảng kinh doanh trọng yếu. Sự kết hợp giữa năng lực quản trị, chuyên môn sâu và tư duy đổi mới giúp Công ty chủ động thích ứng với biến động thị trường và nắm bắt hiệu quả các cơ hội tăng trưởng.

Song song với đó, LPBS chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao thông qua quy trình tuyển dụng chọn lọc, ưu tiên các ứng viên được đào tạo bài bản trong và ngoài nước. Cơ cấu tổ chức được thiết kế hợp lý, bảo đảm tính ổn định, linh hoạt và khả năng luân chuyển cán bộ kịp thời.

LPBS thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ nhằm liên tục nâng cao kiến thức nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ nhân viên - những mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị mà Công ty tạo ra cho khách hàng. Đặc biệt, LPBS đã và đang đào tạo thành công đội ngũ nhân sự có năng lực "kép" giữa công nghệ và tài chính, phù hợp với định hướng phát triển dài hạn trong kỷ nguyên số. Bên cạnh đó, Công ty khuyến khích và hỗ trợ cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo, thi lấy chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật.

d. Phù hợp về công nghệ

Công ty xác định công nghệ thông tin là nền tảng cốt lõi để nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Chiến lược công nghệ thông tin giai đoạn 2026 - 2028 tập trung vào ba mục tiêu chính:

Nâng cấp hạ tầng công nghệ

Công ty đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ hiện đại theo kiến trúc modular, ổn định và bảo mật cao, đáp ứng quy mô hoạt động ngày càng mở rộng. Hệ thống được triển khai với các giải pháp an toàn thông tin toàn diện (SOC/SIEM, XDR, Anti - DDoS), giám sát 24/7, có hệ thống dự phòng và khả năng phục hồi thảm họa. Công ty cam kết đạt 100% tuân thủ các tiêu chuẩn của Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan quản lý, bảo đảm độ sẵn sàng cao cho hệ thống.

Phát triển sản phẩm và dịch vụ số

Công ty ứng dụng công nghệ để phát triển hệ thống giao dịch hiệu năng cao, có khả năng xử lý khối lượng lớn giao dịch với độ trễ thấp và xử lý dữ liệu thời gian thực. Các sản phẩm đầu tư mới sẽ được phát triển nhằm phục vụ đa dạng phân khúc khách hàng, đặc biệt là nhóm khách hàng cá nhân và nhà đầu tư nhỏ lẻ.

Xây dựng hệ sinh thái số

Công ty xây dựng nền tảng dữ liệu thông minh với hệ thống báo cáo thời gian thực, ứng dụng AI và big data trong phân tích, dự báo thị trường và quản trị rủi ro. Hệ thống được thiết kế với khả năng tích hợp API mở, kết nối với ngân hàng và các đối tác chiến lược, tạo trải nghiệm liền mạch từ giao dịch đến quản lý tài sản cho khách hàng.

Thông qua việc triển khai chiến lược công nghệ một cách đồng bộ và bài bản, Công ty định hướng trở thành công ty chứng khoán tiên phong về công nghệ tại Việt Nam.

10.8. Hoạt động marketing

Hoạt động truyền thông - marketing là một trong các công cụ hỗ trợ phát triển cơ sở khách hàng, mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao nhận diện thương hiệu của LPBS. Các hoạt động này được triển khai nhất quán theo định hướng lấy khách hàng làm trung tâm, gắn với việc ứng dụng công nghệ và dữ liệu nhằm hỗ trợ quá trình tiếp cận, sử dụng dịch vụ và ra quyết định đầu tư của khách hàng.

Thay vì tập trung vào mô hình môi giới cổ phiếu truyền thống, LPBS triển khai các hoạt động marketing theo hướng giới thiệu hệ sinh thái sản phẩm - dịch vụ đa dạng, kết hợp giữa giao dịch, đầu tư và tư vấn, qua đó hỗ trợ khách hàng tiếp cận thông tin thị trường, dữ liệu phân tích và các công cụ hỗ trợ đầu tư một cách thuận tiện và kịp thời.

Chiến lược marketing:

LPBS triển khai chiến lược marketing dựa trên hai mục tiêu chính:

- **Lấy khách hàng làm trọng tâm:** Công ty liên tục mở rộng các giải pháp đầu tư từ sản phẩm có rủi ro thấp (chứng chỉ quỹ) đến các sản phẩm giao dịch (chứng khoán cơ sở, chứng quyền có bảo đảm, các gói vay ký quỹ đa dạng), và các sản phẩm đầu tư (trái phiếu, danh mục đầu tư mẫu).
- **Lấy công nghệ làm nền tảng, với nguồn lực tài chính vững mạnh:** LPBS đầu tư hàng trăm tỷ đồng mỗi năm vào công nghệ, cơ sở hạ tầng, công cụ phân tích dữ liệu và tự động hóa marketing. Hệ thống giao dịch và các sản phẩm, giải pháp của LPBS được số hóa một cách trọn vẹn, tạo nên những trải nghiệm đầu tư dễ dàng và thuận tiện nhất cho mỗi khách hàng.

Các công cụ hỗ trợ đầu tư như hệ thống phân tích báo cáo chuyên nghiệp, cập nhật liên tục các diễn biến thị trường; đội ngũ chuyên gia tư vấn giàu kinh nghiệm, sẵn sàng hỗ trợ nhà đầu tư hay hệ thống kênh livestream hàng tuần với nhiều thông tin hữu ích luôn sẵn sàng phục vụ và góp phần nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Chương trình marketing:

Các chiến dịch truyền thông thương hiệu, ra mắt sản phẩm mới kết hợp triển khai các chương trình khuyến mại nhằm thu hút khách hàng mới như: Miễn, giảm phí giao dịch chứng khoán, ưu đãi lãi vay giao dịch ký quỹ. Các chính sách đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng, trọng tâm là các gói hỗ trợ cho vay giao dịch ký quỹ lãi suất cạnh tranh trên thị trường với hạn mức linh hoạt, bảo đảm gia tăng sức mua nhưng vẫn kiểm soát tốt rủi ro.

Bên cạnh đó, các chương trình gắn kết khách hàng như minigame, contest đầu tư, và chương trình Loyalty - Khách hàng thân thiết thường niên cũng được đẩy mạnh. Đặc biệt, Công ty đã phối hợp xây dựng các chương trình cung cấp thông tin thị trường, kiến thức đầu tư, truyền thông giáo dục thị trường như chuỗi bản tin "Morning Digest", "Điểm hẹn Lộc Phát", "Bắt sóng Cổ phiếu".

Trong giai đoạn 2024 - 2025, LPBS liên tục nghiên cứu và đưa ra những giải pháp, sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu được bảo vệ tốt hơn của nhà đầu tư, có thể kể đến là việc ra mắt sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm (CW) và các sản phẩm trái phiếu doanh nghiệp chất lượng cao.

Hiệu quả đạt được:

Trong năm 2025, tỷ lệ chi phí marketing của LPBS trên tổng chi phí hoạt động là 1,81%, chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu tổng chi phí, tuy nhiên, LPBS đã ghi nhận những con số ấn tượng: Mở mới hơn 17.304 tài khoản, giá trị tài sản quản lý đạt hơn 57.337 tỷ đồng, dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ gấp gần 4 lần so với cùng kỳ 2024; doanh thu thuần tăng trưởng mạnh mẽ 775%. Các chỉ số trên phản ánh hiệu quả rõ rệt của hoạt động marketing - truyền thông, góp phần củng cố vị thế LPBS như một thương hiệu chứng khoán hiện đại, uy tín nhưng thân thiện trên thị trường.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Tên thương mại: Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank,

Tên tiếng Anh: LPBank Securities Joint Stock Company

Logo Công ty:	LPBank Securities

Công ty đã đăng ký tên miền: www.lpbs.com.vn

Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế: Không có.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Phát triển hạ tầng công nghệ hiện đại

Công ty đầu tư nghiên cứu và triển khai nền tảng giao dịch chứng khoán tương thích với nền tảng KRX của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, bảo đảm khả năng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và nghiệp vụ của thị trường hiện đại. Hệ thống được xây dựng với kiến trúc linh hoạt, có khả năng mở rộng và tích hợp với các công nghệ mới.

Phát triển nền tảng giao dịch tích hợp

Công ty tập trung phát triển ứng dụng đầu tư số hóa toàn diện tích hợp nhiều sản phẩm tài chính bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và danh mục đầu tư mẫu. LPTrade+ áp dụng công nghệ dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo để đưa ra gợi ý đầu tư cá nhân hóa, hỗ trợ nhà đầu tư quản lý tài sản và ra quyết định nhanh chóng, phù hợp với khẩu vị rủi ro của từng khách hàng.

Trong giai đoạn vừa qua, Công ty đã tích hợp toàn bộ các sản phẩm từ ký quỹ (eMargin), trái phiếu (eBond), chứng chỉ quỹ (eFund), phái sinh (eFuture) đến danh mục đầu tư mẫu (ePortfolio) vào nền tảng LPTrade+. Việc hợp nhất này giúp khách hàng tiếp cận đa dạng kênh đầu tư trên một nền tảng duy nhất với trải nghiệm liền mạch và tiện lợi.

Đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển

Công ty duy trì ngân sách đầu tư hợp lý cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, tập trung vào việc nâng cấp công nghệ, cải tiến sản phẩm dịch vụ và ứng dụng các công nghệ tiên tiến như AI, big data vào hoạt động kinh doanh. Đội ngũ nghiên cứu và phát triển được đào tạo chuyên sâu, thường xuyên cập nhật xu hướng công nghệ mới để bảo đảm Công ty luôn duy trì lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

10.11. Chiến lược kinh doanh

a. Tổng quan về chiến lược kinh doanh

Chiến lược phát triển của LPBS trong giai đoạn tới được xây dựng trên cơ sở đánh giá triển vọng tích cực của thị trường chứng khoán, xu hướng số hóa dịch vụ tài chính và nhu cầu ngày càng đa dạng của nhà đầu tư. Theo đó, LPBS triển khai chiến lược phát triển theo các trụ cột chiến lược nhằm bảo đảm tăng trưởng đi kèm với hiệu quả, kiểm soát rủi ro và phát triển bền vững.

- **Trụ cột 1: Nền tảng số và số hóa toàn diện hoạt động chứng khoán**

LPBS định hướng lấy công nghệ và nền tảng số làm yếu tố xuyên suốt trong chiến lược phát triển dài hạn. Công ty tập trung đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ, hệ thống giao dịch, an toàn thông tin và năng lực giám sát nhằm nâng cao khả năng xử lý giao dịch, độ ổn định và khả năng mở rộng hệ thống trong bối cảnh quy mô khách hàng và giao dịch gia tăng.

Việc ứng dụng các giải pháp công nghệ mới được triển khai theo lộ trình phù hợp nhằm hỗ trợ tư vấn, cung cấp thông tin thị trường, tự động hóa một số khâu dịch vụ và nâng cao trải nghiệm người dùng. Thông qua số hóa toàn bộ chuỗi dịch vụ từ tiếp cận khách hàng, giao dịch, quản lý tài sản đến chăm sóc sau bán hàng, LPBS hướng tới xây dựng nền tảng vận hành hiệu quả, linh hoạt và phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường chứng khoán hiện đại.

- **Trụ cột 2: Phát triển mảng môi giới gắn với quản lý tài sản và tư vấn đầu tư có chiến lược**

LPBS tiếp tục mở rộng hoạt động môi giới chứng khoán trên nhiều sản phẩm như cổ phiếu, chứng khoán phái sinh, chứng quyền và các sản phẩm tài chính khác. Tuy nhiên, thay vì tập trung vào môi giới giao dịch thuần túy, Công ty định hướng phát triển theo hướng nâng cao giá trị gia tăng cho khách hàng thông qua tư vấn đầu tư và quản lý tài sản.

Trọng tâm của định hướng này là xây dựng các giải pháp tư vấn dựa trên mục tiêu tài chính, khẩu vị rủi ro và nhu cầu đầu tư của từng khách hàng, từng bước hình thành dịch vụ tư vấn có tính chiến lược và dài hạn. Việc cá nhân hóa dịch vụ được hỗ trợ bởi nền tảng số và dữ liệu, giúp LPBS nâng cao chất lượng tư vấn, gia tăng mức độ gắn kết với khách hàng và tạo sự khác biệt so với mô hình môi giới truyền thống trên thị trường.

- **Trụ cột 3: Mở rộng mảng cho vay ký quỹ theo hướng an toàn và bền vững**

Hoạt động cho vay ký quỹ được xác định là một trong những trụ cột kinh doanh quan trọng, đóng góp đáng kể vào doanh thu và hỗ trợ hiệu quả đầu tư của khách hàng. Trong giai đoạn tới, LPBS định hướng mở rộng quy mô cho vay ký quỹ song song với việc tăng cường quản trị rủi ro và tuân thủ các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định.

Công ty chú trọng đa dạng hóa các gói sản phẩm ký quỹ, cải thiện trải nghiệm khách hàng trên nền tảng giao dịch số và ứng dụng công nghệ trong giám sát danh mục cho vay, quản lý tỷ lệ an toàn và cảnh báo rủi ro. Định hướng này nhằm bảo đảm hoạt động cho vay ký quỹ phát triển ổn định, minh bạch, phù hợp với điều kiện thị trường và đóng góp tích cực vào tăng trưởng bền vững của Công ty.

- **Trụ cột 4: Phát triển chuỗi giá trị tư vấn tài chính doanh nghiệp**

LPBS tiếp tục xác lập mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp là trụ cột chiến lược và động lực tăng trưởng dài hạn. Hoạt động tư vấn không chỉ tạo ra nguồn thu trực tiếp mà còn đóng vai trò kết nối và hỗ trợ các mảng kinh doanh khác như môi giới, phân phối trái phiếu và đầu tư.

Trong giai đoạn 2026 - 2030, LPBS tập trung khai thác đồng thời thị trường vốn cổ phần và thị trường vốn nợ. Đối với thị trường vốn cổ phần, Công ty mở rộng các nghiệp vụ có giá trị gia tăng cao như tư vấn phát hành, mua bán - sáp nhập và phân phối cổ phần. Đối với thị trường vốn nợ, LPBS hướng tới hoàn thiện chuỗi dịch vụ tư vấn, bảo lãnh và phân phối trái phiếu doanh nghiệp, qua đó đồng hành sâu hơn với khách hàng trong quá trình huy động vốn và củng cố tính bền vững của dòng doanh thu tư vấn.

- **Trụ cột 5: Phát triển hoạt động tự doanh gắn với quản trị rủi ro và hiệu quả sử dụng vốn**

Hoạt động tự doanh, bao gồm đầu tư cổ phiếu và trái phiếu được LPBS định hướng phát triển song hành với chiến lược chung nhằm mở rộng quy mô và củng cố nền tảng tài chính. Công ty chú trọng phát triển danh mục đầu tư theo hướng cân đối giữa thị trường vốn cổ phần và thị trường vốn nợ, đa dạng hóa danh mục và kiểm soát rủi ro.

LPBS tận dụng lợi thế về quy mô vốn, mạng lưới khách hàng tổ chức và quan hệ đối tác để tìm kiếm, thẩm định và triển khai các cơ hội đầu tư phù hợp, đồng thời tăng cường quản trị danh mục và theo dõi hiệu quả đầu tư nhằm đóng góp ổn định vào kết quả kinh doanh chung.

- **Trụ cột 6: Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng suất lao động**

Nhận thức rõ vai trò của nguồn nhân lực trong việc triển khai chiến lược, LPBS tiếp tục đầu tư cho công tác đào tạo, phát triển và quản lý nhân sự. Công ty chú trọng nâng cao chất lượng chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ và khả năng thích ứng công nghệ của đội ngũ cán bộ nhân viên.

Việc quản lý nhân sự được thực hiện trên cơ sở KPIs và SLA, gắn với lộ trình phát triển nghề nghiệp, chính sách đãi ngộ và cơ chế khuyến khích phù hợp nhằm thu hút và giữ chân nhân sự chất lượng cao, qua đó góp phần nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động toàn hệ thống.

Các trụ cột chiến lược nêu trên được triển khai đồng bộ trên nền tảng quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và tuân thủ pháp luật, nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa tăng trưởng, hiệu quả và an toàn, hướng tới phát triển bền vững và phù hợp với định hướng chung của thị trường chứng khoán Việt Nam.

b. Thời gian dự kiến thực hiện

Dự kiến triển khai thực hiện từ năm 2026 đến năm 2027, định hướng đến năm 2030.

c. Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến

Để triển khai chiến lược đề ra, LPBS sẽ sử dụng đồng bộ các nguồn lực về (i) vốn; (ii) nguồn nhân lực; (iii) công nghệ thông tin, số hóa và chuyển đổi số; (iv) công cụ quản trị điều hành, quản lý rủi ro và (v) phát triển mạng lưới, tăng nhận diện thương hiệu. Với việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các nguồn lực này, Công ty sẽ bảo đảm công tác vận hành ổn định, thông suốt, tăng năng suất lao động, kiểm soát chặt chẽ rủi ro và sử dụng hiệu quả nguồn lực về mạng lưới để hoàn thành các mục tiêu kế hoạch.

Nguồn vốn dự kiến cho các hoạt động này đến từ dòng tiền thu được từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời, Công ty cũng dự kiến sẽ huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện chiến lược kinh doanh như sau:

- Nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước;
- Chào bán trái phiếu riêng lẻ và/hoặc chào bán trái phiếu ra công chúng; và/hoặc
- Nguồn vốn từ cổ đông hiện hữu và các cổ đông chiến lược đối tác khác.

10.12. Việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

LPBS luôn bảo đảm đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh, duy trì và tuân thủ các điều kiện theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành trước khi thực hiện bất kỳ hoạt động kinh doanh nào. LPBS bảo đảm duy trì và tuân thủ việc đáp ứng các điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 74 và Điều 85 Luật Chứng khoán, cụ thể:

- Đáp ứng điều kiện về vốn bao gồm: Việc góp vốn điều lệ vào công ty chứng khoán bằng Đồng Việt Nam; đáp ứng vốn điều lệ tối thiểu cho từng nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán tại Việt Nam theo quy định của Chính phủ;
- Đáp ứng điều kiện về cổ đông, thành viên góp vốn bao gồm:
  a) Cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của 01 công ty chứng khoán và người có liên quan của cổ đông, thành viên góp vốn đó (nếu có) không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của 01 công ty chứng khoán khác;
  b) Cổ đông, thành viên góp vốn là nhà đầu tư nước ngoài đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 77 của Luật Chứng khoán.
- Đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất bao gồm:
  a) Có trụ sở làm việc bảo đảm cho hoạt động kinh doanh chứng khoán;
  b) Có đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang bị, thiết bị văn phòng, hệ thống công nghệ phù hợp với quy trình nghiệp vụ về hoạt động kinh doanh chứng khoán.

- Đáp ứng điều kiện về nhân sự bao gồm: Có Tổng Giám đốc, tối thiểu 03 nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp cho mỗi nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đề nghị cấp phép và tối thiểu 01 nhân viên kiểm soát tuân thủ.
  Tổng Giám đốc đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:
  a) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;
  b) Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;
  c) Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;
  d) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ.
- Có Điều lệ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 80 của Luật Chứng khoán.
- Đáp ứng điều kiện về hạn chế đầu tư theo Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

11. Chính sách đối với người lao động

Tại LPBS, con người không chỉ là nguồn lực, mà là nền tảng tạo nên năng lực cạnh tranh và giá trị bền vững của tổ chức. Công ty xác lập nguyên tắc phát triển đội ngũ dựa trên chính sách đãi ngộ minh bạch, cạnh tranh và gắn với hiệu quả thực chất.

LPBS xây dựng một môi trường làm việc kỷ luật nhưng cởi mở, đề cao tinh thần làm chủ, khuyến khích sáng tạo và trao quyền để mỗi cá nhân phát huy tối đa năng lực chuyên môn. LPBS không tìm kiếm sự hào nhoáng bề ngoài, mà tập trung đầu tư vào chất lượng con người - bởi đó là yếu tố quyết định cho tăng trưởng bền vững và chuẩn mực vận hành chuyên nghiệp.

11.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số lao động trong Công ty tính đến 31/12/2025 là 279 người với cơ cấu như sau:

Số lượng và cơ cấu người lao động

STT	Tiêu chí	31/12/2024	31/12/2025
I	**Phân loại theo trình độ người lao động**		

STT	Tiêu chí	31/12/2024	31/12/2025
1	Từ Đại học trở lên	189	265
2	Cao đẳng, Trung cấp	3	10
3	Lao động phổ thông	2	4
II	**Phân loại theo tính chất hợp đồng lao động**		
1	Lao động thường xuyên	194	279
2	Lao động thời vụ	0	0
	Tổng cộng	**194**	**279**

Nguồn: LPBS

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

11.2.1. Chính sách tuyển dụng

Xác định con người là trụ cột của năng lực cạnh tranh, LPBS xây dựng chiến lược nhân sự gắn chặt với định hướng phát triển dài hạn của Công ty. Ngay từ khâu tuyển dụng, LPBS đặt tiêu chuẩn cao về năng lực chuyên môn, tư duy nghề nghiệp và tính phù hợp văn hóa, bảo đảm đội ngũ đáp ứng yêu cầu của một tổ chức tài chính vận hành theo chuẩn mực quản trị hiện đại.

Trong bối cảnh ngành chứng khoán đòi hỏi trình độ chuyên sâu, kỷ luật cao và khả năng xử lý rủi ro, LPBS áp dụng chính sách đãi ngộ cạnh tranh, minh bạch và gắn với hiệu quả công việc nhằm thu hút và giữ chân nhân sự chất lượng cao. Trọng tâm không chỉ là kinh nghiệm, mà là năng lực thực thi và khả năng tạo giá trị bền vững cho tổ chức.

11.2.2. Chính sách đào tạo

Phát triển con người là một trong những trụ cột chiến lược của LPBS nhằm bảo đảm năng lực cạnh tranh dài hạn và khả năng thích ứng trước yêu cầu ngày càng cao của thị trường tài chính. Công ty triển khai chương trình đào tạo bài bản, liên tục và gắn trực tiếp với yêu cầu thực tiễn của từng vị trí công việc.

Nội dung đào tạo tập trung vào nâng cao chuyên môn sản phẩm, năng lực tư vấn và bán hàng, chăm sóc khách hàng, kỹ năng quản trị và cập nhật kiến thức pháp lý - nghiệp vụ định kỳ. Trọng tâm của LPBS không chỉ là đào tạo kiến thức, mà là nâng cao năng lực thực thi, chuẩn hóa tác phong nghề nghiệp và xây dựng đội ngũ có khả năng tạo giá trị bền vững cho khách hàng và tổ chức.

11.2.3. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

LPBS xây dựng chính sách lương, thưởng và phúc lợi theo nguyên tắc minh bạch, cạnh tranh và gắn chặt với hiệu quả công việc, nhằm bảo đảm quyền lợi người lao động và tạo động lực phát triển bền vững. Cơ chế khoán theo doanh số được thiết kế với mục tiêu rõ ràng, chỉ tiêu cụ thể và chính sách khen thưởng tương xứng, đồng thời góp phần chuẩn hóa và nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý và chăm sóc khách hàng.

Công ty thực hiện cơ chế ghi nhận và tưởng thưởng kịp thời đối với các cá nhân có đóng góp nổi bật trong cải tiến quy trình, tối ưu vận hành và đề xuất chiến lược phân phối sản phẩm hiệu quả. Bên cạnh yếu tố thành tích, LPBS chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hợp tác và gắn kết giữa đội ngũ quản lý và nhân viên, khuyến khích tinh thần làm chủ và trách nhiệm trong từng vị trí công việc.

Công ty bảo đảm đầy đủ các chế độ phúc lợi theo quy định và chính sách nội bộ, bao gồm bảo hiểm 24/7, khám sức khỏe định kỳ, chế độ phúc lợi cạnh tranh trên thị trường. Song song đó, các hoạt động tập thể và chương trình gắn kết nội bộ được tổ chức thường xuyên nhằm tăng cường sự kết nối, duy trì năng lượng tích cực và xây dựng văn hóa doanh nghiệp bền vững.

11.2.4. Các chế độ, chính sách khác với người lao động

- Chế độ làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày và 44 giờ/tuần.
- Chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Theo quy định của pháp luật.
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp: Tuân thủ theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước liên quan.
- Các chế độ phúc lợi khác: Bảo hiểm sức khoẻ cho CBNV, quà các ngày lễ tết, sinh nhật...
- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên, áp dụng chế độ định kỳ kiểm tra sức khoẻ cho toàn thể CBNV trong Công ty mỗi năm một lần.

11.2.5 Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Công ty không có quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động áp dụng chung cho toàn bộ quá trình hoạt động. ĐHĐCĐ và HĐQT quyết định và ban hành quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động cho từng đợt phát hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

12. Chính sách cổ tức

Công ty chỉ được chia cổ tức cho các cổ đông phổ thông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đã trích lập các quỹ và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đồng thời, vẫn đảm bảo thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia cổ tức. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

ĐHĐCĐ quyết định về tỷ lệ, hình thức phân chia lợi nhuận và chia thưởng theo quy định của pháp luật. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Tình hình chi trả cổ tức của LPBS

Năm	Tỷ lệ cổ tức /mệnh giá CP	Hình thức chi trả	Căn cứ phê duyệt của cấp có thẩm quyền
2022	0%	Không có	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023
2023	0%	Không có	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024
2024	0%	Không có	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 04/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025
2025	0%	Không có	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2026

Nguồn: Các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên của LPBS

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký niêm yết

13.1. Cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ

Công ty đã ký hợp đồng giao dịch ký quỹ với các khách hàng, theo đó Công ty sẽ cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo các quy định của pháp luật có liên quan. Việc giải ngân tiền vay ký quỹ cho khách hàng sẽ được thực hiện vào từng thời điểm, phù hợp với quy định trong các hợp đồng giao dịch ký quỹ đã ký với khách hàng và quy định của pháp luật hiện hành.

Các cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ nêu trên là các cam kết phát sinh trong hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty theo đúng chức năng hoạt động của công ty chứng khoán. Việc giải ngân các khoản vay ký quỹ được thực hiện trên cơ sở từng giao dịch cụ thể, có tài sản bảo đảm là chứng khoán theo quy định của pháp luật và điều khoản hợp đồng đã ký với khách hàng.

Các cam kết này không cấu thành nghĩa vụ nợ tiềm ẩn tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch, do nghĩa vụ giải ngân chỉ phát sinh khi khách hàng đáp ứng đầy đủ các điều kiện vay ký quỹ và trong

hạn mức cho phép theo quy định pháp luật. Giá trị giải ngân thực tế phụ thuộc vào nhu cầu giao dịch của khách hàng và được kiểm soát thông qua hệ thống quản trị rủi ro, giới hạn cho vay ký quỹ và các chỉ tiêu an toàn tài chính của Công ty.

Trên cơ sở đánh giá hiện tại, các cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ không ảnh hưởng đến khả năng thanh toán, tình hình tài chính và việc đáp ứng các điều kiện chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty.

13.2. Cam kết thuê hoạt động

Công ty đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền thuê dự kiến phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị: Đồng

Các khoản tiền thuê văn phòng	**31/12/2024**	**31/12/2025**
Trong vòng một năm	15.575.551.068	8.230.399.680
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	55.646.642.080	22.671.766.680
Tổng cộng	**71.222.193.148**	**30.902.166.360**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán của LPBS

Các hợp đồng thuê hoạt động của Công ty là các hợp đồng thuê văn phòng phục vụ hoạt động kinh doanh, không bao gồm điều khoản mua lại tài sản thuê và không phát sinh nghĩa vụ tài chính vượt quá các khoản tiền thuê phải trả theo hợp đồng. Các khoản tiền thuê dự kiến phải trả trong tương lai đã được xác định cụ thể về giá trị và thời hạn, như trình bày tại bảng trên. Việc thanh toán tiền thuê được thực hiện định kỳ theo hợp đồng và phù hợp với dòng tiền hoạt động của Công ty.

Trên cơ sở tình hình tài chính hiện tại và kế hoạch dòng tiền, Ban Lãnh đạo Công ty đánh giá rằng việc thực hiện các cam kết thuê hoạt động không gây ảnh hưởng đáng kể đến khả năng thanh toán, các chỉ tiêu an toàn tài chính cũng như việc đáp ứng các điều kiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty.

Công ty cam kết việc thực hiện các cam kết nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến việc đáp ứng các điều kiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty.

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết và việc niêm yết cổ phiếu

Tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch, Công ty không có phát sinh nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng nào có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty và việc niêm yết cổ phiếu.

Những lưu ý khác:

Tại ngày 15/07/2025, Công ty đã nộp đầy đủ số tiền phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 143/QĐ-XPHC ("QĐ số 143") ngày 07/07/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cụ thể như sau:

STT	Nội dung khoản nộp ngân sách	Chế tài xử phạt	Số tiền (VND)
1	Tiền phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về việc công bố thông tin	- Chế tài hành chính. - Hình thức xử phạt: Phạt tiền. - Theo quy định tại: Điểm a khoản 3 Điều 42 Nghị định 156 ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (**Nghị định 156/2020/NĐ-CP**).	65.000.000

Đồng thời, Công ty đã hoàn thành việc nộp báo cáo kết quả khắc phục các vi phạm, tồn tại, thiếu sót theo yêu cầu của UBCKNN.

Tại ngày 20/11/2025, Công ty đã nộp đầy đủ số tiền phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 409/QĐ-XPHC ngày 12/11/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cụ thể như sau:

STT	Nội dung khoản nộp ngân sách	Chế tài xử phạt	Số tiền (VND)
1	Tiền phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán.	- Chế tài hành chính - Hình thức xử phạt: Phạt tiền - Theo quy định tại: Điểm đ khoản 3 Điều 26 Nghị định 156/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 21 Điều 1 Nghị định 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 156/2020/NĐ-CP (**Nghị định 128/2021/NĐ-CP**)	125.000.000

STT	Nội dung khoản nộp ngân sách	Chế tài xử phạt	Số tiền (VND)
2	Tiền phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về việc cho vay giao dịch ký quỹ.	- Chế tài hành chính - Hình thức xử phạt: Phạt tiền - Theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 26 Nghị định 156/2020/NĐ-CP	125.000.000
3	Tiền phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cung cấp dịch vụ khác phải báo cáo UBCKNN trước khi thực hiện nhưng chưa báo cáo UBCKNN hoặc chưa có ý kiến bằng văn bản của UBCKNN hoặc chưa có quy định hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	- Chế tài hành chính - Hình thức xử phạt: Phạt tiền - Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định 156/2020/NĐ-CP	250.000.000
4	Tiền phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không báo cáo đối với thông tin phải báo cáo theo quy định pháp luật.	- Chế tài hành chính - Hình thức xử phạt: Phạt tiền - Theo quy định tại: Khoản 3 Điều 43 Nghị định 156/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 34 Điều 1 Nghị định 128/2021/NĐ-CP	85.000.000
5	Tiền phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không đảm bảo cơ cấu nhân sự đáp ứng điều kiện.	- Chế tài hành chính - Hình thức xử phạt: Phạt tiền - Theo quy định tại: Điểm đ khoản 2 Điều 26 Nghị định 156/2020/NĐ-CP	77.500.000
6	Tiền phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không đảm bảo các thông tin trong hồ sơ chào bán hoặc phát hành trái phiếu riêng lẻ chính xác.	- Chế tài hành chính - Hình thức xử phạt: Phạt tiền - Theo quy định tại: Điểm b khoản 5 Điều 8 Nghị định 156/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 7 Điều 1 Nghị định 128/2021/NĐ-CP	225.000.000

Đồng thời, Công ty đã hoàn thành việc nộp báo cáo kết quả khắc phục các vi phạm, tồn tại, thiếu sót theo yêu cầu của UBCKNN.

Đối với hoạt động đầu tư của Công ty:

LPBS đã thực hiện rà soát lại toàn bộ danh mục đầu tư trái phiếu của Công ty và thực hiện điều chỉnh, giảm tỷ lệ đầu tư so với vốn chủ sở hữu vào một tổ chức xuống mức dưới 15% theo quy định. Đồng thời, LPBS cam kết tuân thủ chặt chẽ tỷ lệ đầu tư trái phiếu theo quy định tại Điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán (Thông tư 121/2020/TT-BTC).

Đối với hoạt động cho vay ký quỹ:

LPBS đã rà soát toàn bộ hoạt động giao dịch ký quỹ và cam kết tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật liên quan, bao gồm khoản 8 Điều 9 Thông tư số 120/2020/TT-BTC và điểm d khoản 5 Điều 13 Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Đối với hoạt động phong tỏa tài khoản:

LPBS đã chủ động phối hợp với các bên liên quan để hoàn tất việc khắc phục các nội dung theo yêu cầu của UBCKNN. Cụ thể:

- LPBS đã thực hiện rà soát toàn bộ các hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty, chấm dứt việc cung cấp dịch vụ phong tỏa, giải tỏa tài khoản chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng tại Công ty; chấm dứt cung cấp dịch vụ theo dõi, cập nhật tình trạng chứng khoán cho khách hàng và bên thứ ba để phục vụ cho việc theo dõi giá trị tài sản bảo đảm theo hợp đồng vay giữa khách hàng và bên thứ ba.
- LPBS đã hướng dẫn 06 khách hàng bổ sung hồ sơ phong tỏa tại VSDC. Theo đó, LPBS đã thực hiện phong tỏa bổ sung tại VSDC cho 03 khách hàng và thực hiện giải tỏa và ngưng cung cấp hồ sơ cho 03 khách hàng còn lại theo yêu cầu khách hàng.

Hoạt động này không nằm trong phạm vi xử lý vi phạm do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán. Công ty bảo đảm tuân thủ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 109 Nghị định 155.

Đối với các nội dung liên quan đến nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin:

- LPBS đã chấn chỉnh toàn diện công tác báo cáo và công bố thông tin, đảm bảo việc báo cáo, công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn theo quy định pháp luật.
- LPBS cam kết thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của đối tượng báo cáo trong công tác phòng, chống rửa tiền; đồng thời đã phân công nhân sự chuyên trách phụ trách công tác phòng, chống rửa tiền theo đúng quy định hiện hành.

Đối với cơ cấu nhân sự:

LPBS đã thực hiện miễn nhiệm bà Hoàng Ngọc Thùy Liên - Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ nhằm bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật liên quan. Trong thời gian miễn nhiệm, Công ty đã và đang tích cực triển khai công tác tìm kiếm, tuyển dụng nhân sự thay thế để hoàn thiện cơ cấu nhân sự theo đúng yêu cầu quy định.

Đối với nội dung chưa đảm bảo tính chính xác của thông tin trong hồ sơ chào bán hoặc phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ:

LPBS đã gửi công văn yêu cầu tổ chức phát hành thực hiện công bố và đính chính thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định và cam kết tuân thủ đầy đủ, chặt chẽ các quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 16/09/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế và Thông tư số 76/2024/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2024 hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế trong quá trình cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

15. Thông tin về cam kết của Tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ chức đăng ký niêm yết cam kết không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

16. Thông tin về việc tổ chức đăng ký niêm yết, người đại diện theo pháp luật của Tổ chức đăng ký niêm yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán

Tổ chức đăng ký niêm yết cam kết Tổ chức đăng ký niêm yết, người đại diện theo pháp luật của Tổ chức đăng ký niêm yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết trong 02 năm gần nhất

1.1.1. Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản

Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm	Quý 1/2026
Tổng giá trị tài sản	5.066.313	29.932.219	490,81%	30.920.065
Doanh thu thuần	192.739	1.686.726	775,13%	1.053.474
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	100.004	653.144	553,12%	85.032
Lợi nhuận/(lỗ) khác	22	10	-54,55%	5.074
Lợi nhuận trước thuế TNDN	100.026	653.154	552,98%	90.107
Lợi nhuận sau thuế TNDN	80.392	522.210	549,58%	72.056
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức (đồng/Cổ phiếu)	-	-	-	-

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2026 của LPBS

Sự tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2025 diễn ra song song với việc mở rộng quy mô tổng tài sản của Công ty, từ 5.066.313 triệu đồng năm 2024 lên 29.932.219 triệu đồng năm 2025 (tăng 490,81%). Việc gia tăng quy mô vốn và tổng tài sản đã tạo nền tảng tài chính vững chắc, giúp Công ty mở rộng hoạt động kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao năng lực khai thác thị trường. Mặc dù tổng tài sản tăng nhanh, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh vẫn chiếm tỷ trọng gần như toàn bộ lợi nhuận trước thuế, cho thấy nguồn vốn tăng thêm được phân bổ chủ yếu cho các hoạt động cốt lõi và bước đầu phát huy hiệu quả trong việc tạo ra lợi nhuận.

Việc lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận trước thuế không có sự khác biệt lớn cho thấy lợi nhuận của Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động kinh doanh chính, không phụ thuộc vào các khoản thu nhập bất thường hay yếu tố ngoài hoạt động cốt lõi. Khoản mục lợi nhuận khác rất nhỏ, có xu hướng giảm, không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh chung. Cơ cấu lợi nhuận vì vậy minh bạch, chất lượng cao.

Doanh thu thuần tăng 775%, lợi nhuận thuần tăng hơn 553% và lợi nhuận trước thuế tăng gần 553% phản ánh Công ty mở rộng quy mô hoạt động rất mạnh trong năm 2025.

Doanh thu thuần trong Quý I năm 2026 là 1.053.474 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế TNDN trong Quý I năm 2026 là 72.056 triệu đồng.

1.1.2. Các chỉ tiêu khác: Không có.

1.1.3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết

Trong hai năm 2024 và năm 2025, Công ty đã có nhiều biến chuyển lớn trong hoạt động kinh doanh. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty được đánh giá từ góc độ các nhân tố thuận lợi và khó khăn như sau:

1.2.1. Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

Tác động của tình hình kinh tế vĩ mô và mặt bằng lãi suất trong nước và quốc tế đến hoạt động kinh doanh của LPBS

Các yếu tố kinh tế vĩ mô và mặt bằng lãi suất trong nước và quốc tế có tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của LPBS, đặc biệt đối với các nghiệp vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp, cho vay ký quỹ và đầu tư chứng khoán. Trong đó, lãi suất thị trường tiếp tục là biến số có tác động mạnh, chi phối chi phí vốn, dòng tiền và khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư.

Trong giai đoạn 2024 - 2025, môi trường kinh tế toàn cầu từng bước chuyển dịch từ xu hướng thắt chặt sang nới lỏng có kiểm soát. Sau thời gian duy trì lãi suất ở mức cao, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) và một số ngân hàng trung ương lớn đã bắt đầu lộ trình cắt giảm lãi suất trong năm 2025, góp phần giảm chi phí vốn toàn cầu, giải tỏa áp lực tỷ giá và cải thiện điều kiện dòng vốn tại các thị trường mới nổi, trong đó có Việt Nam.

Trong nước, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt nhằm cân bằng mục tiêu hỗ trợ tăng trưởng và ổn định vĩ mô. Trong phần lớn năm 2025, mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp so với giai đoạn 2022 - 2023, thúc đẩy dòng tiền dịch chuyển sang thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, vào cuối năm 2025, áp lực thanh khoản cục bộ khiến lãi suất có xu hướng tăng nhẹ khoảng 0,5% - 1%, qua đó làm gia tăng sự phân hóa giữa các công ty chứng khoán có lợi thế nguồn vốn chi phí thấp và các đơn vị phụ thuộc nhiều vào vốn vay.

Trong bối cảnh đó, LPBS sở hữu lợi thế cạnh tranh nhờ khả năng chủ động nguồn vốn, cơ cấu vốn linh hoạt và mối liên kết chặt chẽ với các đối tác chiến lược, giúp Công ty kiểm soát hiệu quả chi phí vốn và duy trì biên lợi nhuận ổn định. Lợi thế này cho phép LPBS tối ưu hoạt động cho vay ký quỹ, chủ động trong kinh doanh và phân phối trái phiếu doanh nghiệp, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực từ các biến động ngắn hạn của mặt bằng lãi suất.

Về tổng thể, định hướng trong giai đoạn 2026 - 2030, Việt Nam phấn đấu đạt mức tăng trưởng kinh tế bình quân trên 10%/năm. Đi cùng với thành quả trên sẽ là sự cải thiện tích cực trong kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết. Những yếu tố này sẽ tạo nền tảng, giúp thị trường chứng khoán cải thiện thanh khoản và củng cố niềm tin nhà đầu tư. Trên cơ sở đó, trong trung và dài hạn đến năm 2030, LPBS định hướng tiếp tục củng cố nền tảng nguồn vốn bền vững, đa dạng hóa kênh huy động và triển khai chiến lược quản trị lãi suất theo chu kỳ, qua đó nâng cao khả năng chống chịu trước biến động vĩ mô và tạo dư địa tăng trưởng trong giai đoạn phát triển mới của thị trường vốn.

Những thay đổi trong chính sách về thị trường vốn tác động đến hoạt động của LPBS

Trong giai đoạn 2024 - 2025, Chính phủ và các cơ quan quản lý tập trung hoàn thiện khung pháp lý thị trường vốn theo hướng minh bạch, chuẩn mực và tiệm cận thông lệ quốc tế nhằm thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài. Việc ban hành Luật số 56/2024/QH15 và Nghị định 245/2025/NĐ-CP đã góp phần nâng cao kỷ luật thị trường, chuẩn hóa công bố thông tin và cải thiện chất lượng vận hành trên cả thị trường sơ cấp và thứ cấp. Trong bối cảnh đó, các công ty chứng khoán có quy mô lớn, nền tảng vốn vững mạnh và năng lực quản trị được kỳ vọng sẽ hưởng lợi khi thị trường được nâng hạng nhờ khả năng đáp ứng các yêu cầu khắt khe của nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời tận dụng hiệu quả các cơ hội từ hoạt động tư vấn phát hành, phân phối và các giao dịch thị trường vốn quy mô lớn trong giai đoạn tới.

Nhằm đón đầu những cơ hội trên, LPBS đã và đang đầu tư bài bản vào hệ thống kiểm soát rủi ro, ban hành và cập nhật đồng bộ các quy trình nội bộ, tăng cường kỷ luật tuân thủ và chuẩn hóa công tác công bố thông tin theo các chuẩn mực quản lý mới. Song song với việc nâng cao năng lực tuân thủ, LPBS định hướng triển khai chiến lược kinh doanh khi thị trường được nâng hạng, tập trung phát huy lợi thế quy mô, năng lực vốn và hệ thống quản trị để mở rộng các nghiệp vụ cốt lõi, nâng cao chất lượng dịch vụ để đón đầu dòng vốn đầu tư trung và dài hạn trong giai đoạn tới.

Quy mô và thanh khoản gia tăng của thị trường chứng khoán Việt Nam là yếu tố then chốt thúc đẩy hoạt động kinh doanh của LPBS

Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục cho thấy tiềm năng tăng trưởng tích cực trong trung và dài hạn, được hỗ trợ bởi các yếu tố vĩ mô nền tảng như: Cầu tiêu dùng mạnh mẽ (nhờ quy mô dân số trẻ); nhu cầu đầu tư công, phát triển hạ tầng lớn (do tốc độ đô thị hóa cao); cùng sự gia tăng nhanh về mức độ tham gia và gắn bó của nhà đầu tư cá nhân với thị trường tài chính. Bên cạnh đó, việc nâng hạng thị trường giúp thu hút dòng vốn ngoại, tạo điều kiện thuận lợi để thị trường vốn tiếp tục phát triển cả về quy mô và chất lượng.

Năm 2025 ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ của thị trường chứng khoán Việt Nam khi chỉ số VN-Index vượt đỉnh lịch sử, đạt 1.784,49 điểm tại ngày 31/12/2025, tăng 40,87% so với đầu năm. Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu tăng hơn 30%, từ mức 7,1 triệu tỷ đồng năm 2024 (tương đương gần 70% GDP) lên gần 10 triệu tỷ đồng vào cuối năm 2025 (tương đương khoảng 78% GDP), qua đó khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của thị trường chứng khoán như kênh dẫn vốn chủ lực của nền kinh tế.

Song song với tăng trưởng về quy mô, thanh khoản thị trường tiếp tục cải thiện rõ nét. Giá trị giao dịch bình quân năm 2025 tăng khoảng 33% so với năm 2024, trong khi số lượng tài khoản đầu tư mở mới đạt hơn 2,6 triệu tài khoản trong năm. Tính đến cuối năm 2025, tổng số tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân vượt 11,8 triệu, tương đương khoảng 11% dân số, vượt mục tiêu đề ra cho năm 2030 trong Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán của Chính phủ.

Đối với LPBS, sự gia tăng đồng thời về quy mô, thanh khoản và độ sâu của thị trường chứng khoán là nền tảng quan trọng để phát triển dịch vụ môi giới và cho vay ký quỹ. Nhu cầu sử

dụng đòn bẩy tài chính gia tăng cùng xu hướng giao dịch sôi động của nhà đầu tư cá nhân tiếp tục đóng góp đáng kể vào doanh thu và lợi nhuận, tạo điều kiện để LPBS mở rộng danh mục sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ và củng cố vị thế trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam đang trên đà tăng trưởng bền vững.

1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Từ đầu năm 2026, kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều biến động. Một số ngân hàng trung ương lớn trên thế giới đã tạm dừng chu kỳ cắt giảm mạnh lãi suất, chuyển sang trạng thái quan sát tín hiệu lạm phát trước khi có bước đi tiếp theo. Diễn biến này đang dần tạo áp lực lên chi phí vốn, tỷ giá và dòng vốn đầu tư gián tiếp vào các thị trường mới nổi, trong đó có Việt Nam, qua đó phần nào ảnh hưởng đến thanh khoản thị trường, hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp và hiệu quả kinh doanh của các công ty chứng khoán, bao gồm LPBS.

Mặc dù vậy, xét trong trung và dài hạn, nền tảng vĩ mô ổn định và việc nâng hạng thị trường sẽ là những yếu tố giúp tăng sức hấp dẫn của thị trường chứng khoán Việt Nam đối với nhà đầu tư trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó, quy mô và thanh khoản thị trường được dự báo tiếp tục tăng trưởng tích cực, giúp hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán như LPBS trong thời gian tới.

Ngoài ra, trong bối cảnh cạnh tranh trong ngành chứng khoán ngày càng gia tăng khi các công ty đẩy mạnh đầu tư vào vốn và hạ tầng công nghệ, trong khi yêu cầu tuân thủ pháp lý và chuẩn mực quản trị ngày càng cao thì những công ty có định hướng chiến lược kinh doanh như LPBS sẽ có nhiều cơ hội trong giai đoạn sắp tới.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

- **Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh**

Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	%Tăng/giảm	31/03/2026
Vốn chủ sở hữu	3.983.151	13.195.485	231,28%	**13.191.370**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.888.000	12.668.000	225,82%	12.668.000
Vốn điều lệ	3.888.000	12.668.000	225,82%	12.668.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	3.913	-85.962	-2.296,58%	-162.134
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	4.305	4.305	-	4.305
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	705	705	-	705
Lợi nhuận chưa phân phối	86.227	608.438	605,62%	680.493
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	84.612	478.497	465,52%	522.978

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	%Tăng/giảm	31/03/2026
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.615	129.940	7.946,10%	157.515

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán, BCTC Quý 1 năm 2026 của LPBS

- **Tình hình sử dụng vốn điều lệ**

Mục đích sử dụng vốn theo Phương án phát hành

TT	Lần tăng vốn	Số tiền thu được (tỷ đồng)	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phần	Văn bản phê duyệt
1	Lần tăng vốn hoàn thành ngày 25/07/2016	125	Bổ sung vốn hoạt động của Công ty, cụ thể: - Đảm bảo hệ số tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật. - Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để khôi phục tư cách thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. - Đáp ứng đủ điều kiện đăng ký bổ sung nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán. - Bổ sung vốn lưu động để thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh theo giấy phép hoạt động.	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2016.
2	Lần tăng vốn hoàn thành ngày 15/05/2024	3.638	Phân bổ, sử dụng cho các hoạt động của Công ty, bao gồm: - Hoạt động đầu tư tự doanh. - Mở rộng mạng lưới Chi nhánh của Công ty tại Hà Nội, Đà Nẵng. - Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và các dịch vụ kinh doanh chứng khoán khác.	Nghị quyết số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/12/2023 của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2023.
3	Lần tăng vốn hoàn thành ngày 14/11/2025	8.780	Phân bổ, sử dụng cho các hoạt động của Công ty, bao gồm: - Đầu tư các giấy tờ có giá trên thị trường như trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi. - Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ. - Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động bảo lãnh phát hành và các hoạt động khác.	Nghị quyết số 04/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Nguồn: LPBS

Tình hình sử dụng thực tế số tiền thu được từ việc chào bán

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Lần tăng vốn	Số tiền sử dụng theo kế hoạch đã được phê duyệt (1)	Số tiền lũy kế đã sử dụng đến ngày 31/12/2025 (2)	Chênh lệch (2) - (1)
1	Lần tăng vốn hoàn thành ngày 25/07/2016	125.000	125.000	-
2	Lần tăng vốn hoàn thành ngày 15/05/2024	3.638.000	3.638.000	-
3	Lần tăng vốn hoàn thành ngày 14/11/2025	8.780.000	8.780.000	-

Nguồn: Báo cáo vốn điều lệ đã góp của LPBS cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán

Tình hình sử dụng vốn kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
A	**Tài sản ngắn hạn**	4.517.895	29.863.003	30.843.792
I	**Tài sản tài chính**	4.513.758	29.850.286	30.831.048
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	896.049	571.262	864.613
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	612.448	11.384.717	10.262.258
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	270.000	6.294.000	5.595.000
4	Các khoản cho vay	2.664.287	10.548.001	11.533.068
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	36.540	662.521	650.967
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp	-	-	-
7	Các khoản phải thu	30.529	381.501	1.920.448
8	Trả trước cho người bán	911	537	108
9	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	398	5.124	1.962
10	Các khoản phải thu khác	5.875	5.903	5.902

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
11	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(3.280)	(3.280)	(3.280)
II	**Tài sản ngắn hạn khác**			
1	Tạm ứng	47	76	63
2	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	364	392	895
3	Chi phí trả trước ngắn hạn	3.707	12.231	11.768
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	18	18	18
B	**Tài sản dài hạn**	548.418	69.216	76.273
I	**Tài sản tài chính dài hạn**	500.000	-	-
1	Đầu tư dài hạn khác (*)	500.000	-	-
II	**Tài sản cố định**	35.334	40.754	38.102
1	Tài sản cố định hữu hình	19.639	22.906	21.484
2	Tài sản cố định vô hình	15.695	17.848	16.617
III	**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**	7.385	10.018	15.753
IV	**Tài sản dài hạn khác**	5.699	18.444	22.418
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	3.854	5.885	8.278
2	Chi phí trả trước dài hạn	1.337	9.550	8.631
3	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	509	3.009	5.509
4	Tài sản dài hạn khác			
	Tổng cộng	**5.066.313**	**29.932.219**	**30.920.065**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán, BCTC Quý I năm 2026 của LPBS

(*) Trong đó, khoản mục đầu tư dài hạn khác như sau:

- Tại ngày 31/12/2024, khoản mục đầu tư dài hạn khác của Công ty liên quan đến khoản đầu tư 50.000.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ và tổng mệnh giá 500.000.000.000 đồng, tương đương 4,73% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai.
- Ngày 20/6/2025, Công ty đã thực hiện bán toàn bộ 50.000.000 cổ phiếu nói trên thông qua hình thức giao dịch thỏa thuận. Sau khi hoàn tất giao dịch, Công ty không còn tồn đọng công nợ liên quan đến khoản mục này.

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	: 03 - 05 năm
Phương tiện vận tải	: 06 - 08 năm
Thiết bị văn phòng	: 03 - 05 năm
Phần mềm	: 03 - 05 năm
Tài sản cố định vô hình khác	: 02 - 05 năm

Công ty cam kết việc thực hiện thời gian khấu hao phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT/BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Chính sách trích khấu hao của Công ty được thực hiện xuyên suốt, không thay đổi theo quy định của pháp luật.

2.1.3. Mức thu nhập bình quân

Mức thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty trong hai năm gần nhất và đến thời điểm hiện tại như sau:

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Mức thu nhập bình quân/người/tháng	25.243.007	34.098.862

Nguồn: LPBS

Công ty không có thông tin về mức thu nhập của các doanh nghiệp cùng ngành khác tại Việt Nam.

2.1.4. Tình hình công nợ

Tình hình công nợ của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% Tăng/giảm	31/03/2026
Tổng các khoản phải thu và cho vay	2.694.817	10.929.502	306%	13.453.516
Tổng nợ phải trả (bao gồm dư nợ vay)	1.083.162	16.736.733	1.445%	17.728.695

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán, BCTC Quý I năm 2026 của LPBS

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng các khoản phải thu và cho vay của Công ty đạt 10.929.502 triệu đồng, tăng 306% so với mức 2.694.817 triệu đồng tại thời điểm 31/12/2024. Mức tăng này chủ yếu phản ánh việc mở rộng quy mô hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và các khoản phải thu

phát sinh từ hoạt động kinh doanh chứng khoán. Tại 31/03/2026, tổng các khoản phải thu và cho vay của Công ty đạt 13.453.516 triệu đồng.

Cùng với đó, tổng nợ phải trả (bao gồm dư nợ vay) tại thời điểm 31/12/2025 đạt 16.736.733 triệu đồng, tăng 1.445% so với năm 2024. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ việc tăng cường sử dụng các nguồn vốn vay và nguồn vốn huy động nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh và tài trợ cho các hoạt động cho vay và đầu tư của Công ty. Tại 31/03/2026, tổng nợ phải trả (bao gồm dư nợ vay) của Công ty đạt 17.728.695 triệu đồng.

Nhìn chung, sự gia tăng của các khoản phải thu, cho vay và nợ phải trả phản ánh quy mô hoạt động của Công ty đã được mở rộng trong năm 2025. Việc sử dụng nguồn vốn vay để tài trợ cho hoạt động kinh doanh là đặc điểm phổ biến đối với các công ty chứng khoán.

Công ty đã thực hiện quản lý chặt chẽ cơ cấu nguồn vốn, cân đối giữa vốn vay và vốn chủ sở hữu, đồng thời kiểm soát rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản nhằm bảo đảm tuân thủ các quy định về các chỉ tiêu an toàn tài chính đối với công ty chứng khoán.

2.1.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	72.159	1.434.345
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	30.529	309.342	486.104
Trả trước cho người bán	911	537	108
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	398	5.124	1.962
Các khoản phải thu khác (*)	5.875	5.903	5.902
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(3.280)	(3.280)	(3.280)
Tổng các khoản phải thu	**34.434**	**389.785**	**1.925.141**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán, BCTC Quý I năm 2026 của LPBS

(*) Trong đó, chi tiết khoản phải thu khác tại 31/12/2024 và 31/12/2025, 31/03/2026 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Bảo hiểm y tế nộp thừa	-	27	27
Phải thu hoạt động Margin từ năm 2012 (cổ phiếu TBX) (*)	5.874	5.874	5.874
Khoản phải thu khác	2	2	2
Tổng cộng	**5.875**	**5.903**	**5.903**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán, BCTC Quý I năm 2026 của LPBS

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng các khoản phải thu khác của Công ty đạt 5.903 triệu đồng, tăng nhẹ so với mức 5.875 triệu đồng tại thời điểm 31/12/2024. Khoản mục này chủ yếu bao gồm phải thu hoạt động margin từ năm 2012 (liên quan cổ phiếu TBX) với giá trị 5.874 triệu đồng và không thay đổi so với năm 2024. Ngoài ra, các khoản phải thu khác còn lại bao gồm bảo hiểm y tế nộp thừa và các khoản phải thu khác với giá trị không đáng kể. Nhìn chung, các khoản phải thu khác của Công ty không có biến động đáng kể giữa năm 2024 và năm 2025.

Các khoản phải thu quá hạn

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Thời gian quá hạn	31/12/2024		31/12/2025		31/03/2026	
		Nguyên giá	Giá trị đã trích lập	Nguyên giá	Giá trị đã trích lập	Nguyên giá	Giá trị đã trích lập
1	Đến 90 ngày	-	-	-	-	-	-
2	Từ 91 - 180 ngày	-	-	-	-	-	-
3	Từ 181 - 360 ngày	-	-	-	-	-	-
4	Trên 360 ngày	5.875	(3.280)	5.903	(3.280)	5.903	(3.280)

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán, BCTC Quý I năm 2026 của LPBS

Nguyên nhân: Đây là khoản phải thu liên quan đến hợp đồng hợp tác đầu tư cổ phiếu TBX giữa Công ty và các khách hàng phát sinh từ năm 2011. Năm 2012, LPBS thực hiện cho vay Margin theo Hợp tác đầu tư mua cổ phiếu TBX với các khách hàng trên. Tuy nhiên, sau đó khách hàng không thực hiện đúng cam kết theo hợp đồng. LPBS đã trích lập dự phòng theo quy định cho toàn bộ khoản nợ trên.

Khả năng thu hồi: Khoản phải thu quá hạn trên đã được Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019. Đến 18/09/2015, LPBS và khách hàng thực hiện được thỏa thuận LPBS sẽ bán cổ phiếu TBX trên tài khoản của khách hàng để thu hồi công nợ vào thời điểm thích hợp, phần nợ còn lại khách hàng sẽ trả một số tiền cố định hàng tháng cho đến khi hết công nợ.

2.1.6. Các khoản phải trả

Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Nợ phải trả			
1. Nợ phải trả ngắn hạn	**1.083.119**	**16.704.607**	**17.688.685**

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	551.939	13.334.500	16.315.649
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	2.263	14.997	50.435
Phải trả người bán ngắn hạn	502.183	3.267.293	1.263.678
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	300	300	300
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.102	52.653	19.915
Phải trả người lao động	5.121	6.434	11.646
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	6	7	7
Chi phí phải trả ngắn hạn (*)	2.262	26.219	25.274
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.887	126	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	74	371	74
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.983	1.706	1.706
2. Nợ phải trả dài hạn	**43**	**32.126**	**40.010**
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-	958
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	43	45	45
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	-	32.081	39.007
Tổng cộng	**1.083.162**	**16.736.733**	**17.728.695**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán, BCTC Quý I năm 2026 của LPBS

(*) Chi phí phải trả ngắn hạn chi tiết như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Lãi vay các tổ chức tín dụng	192	18.540	22.760
Các khoản phải trả khác	2.069	7.679	2.514
Tổng	**2.262**	**26.219**	**25.274**

Chi phí phải trả ngắn hạn tăng từ 2.262 triệu đồng tại ngày 31/12/2024 lên 26.219 triệu đồng tại ngày 31/12/2025, chủ yếu do lãi vay của các tổ chức tín dụng. Cuối năm 2025, Công ty thực

hiện tăng vốn và mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm, dẫn đến nhu cầu vay vốn cao hơn. Chi phí phải trả ngắn hạn của Công ty tại 31/03/2026 là 25.274 triệu đồng.

Tình hình thanh toán các khoản nợ

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn. Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ bao gồm lãi và gốc, bảo đảm uy tín của Công ty. Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào tính đến thời điểm lập Bản Cáo Bạch. Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2024, 31/12/2025, 31/03/2026 và thời điểm của Bản Cáo Bạch, Công ty không có bất kỳ vi phạm các điều khoản trong hợp đồng liên quan đến các khoản phải trả.

2.1.7. Các khoản phải nộp theo luật định

LPBS thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp đầy đủ các khoản thuế và các loại phí theo quy định của Nhà nước.

Tại thời điểm kết thúc 31/03/2026:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/03/2026
Thuế giá trị gia tăng	482	1.019	(1.045)	456
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.647	11.125	(23.152)	10.620
Thuế thu nhập cá nhân	29.524	564	(21.249)	8.840
Các loại thuế, phí, lệ phí và phải nộp khác	-	-	-	-
Tổng	**52.653**	**12.707**	**(45.445)**	**19.915**

Nguồn: BCTC Quý I năm 2026 của LPBS

Tại thời điểm kết thúc 31/12/2025:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2025
Thuế giá trị gia tăng	44	2.059	(1.621)	482
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.903	98.862	(86.118)	22.647
Thuế thu nhập cá nhân	3.155	91.777	(65.408)	29.524
Các loại thuế, phí, lệ phí và phải nộp khác	-	1.069	(1.069)	-
Tổng	**13.102**	**193.767**	**(154.215)**	**52.653**

Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán của LPBS

Tại thời điểm kết thúc 31/12/2024:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2024
Thuế giá trị gia tăng	-	418	(375)	44
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	19.634	(9.732)	9.903
Thuế thu nhập cá nhân	60	18.725	(15.630)	3.155
Các loại thuế, phí, lệ phí và phải nộp khác	-	36	(36)	-
Tổng	**60**	**38.814**	**(25.772)**	**13.102**

Nguồn: BCTC năm 2024 đã được kiểm toán của LPBS

2.1.8. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5%. Theo quy định của Thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính, Công ty không thực hiện trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế từ năm 2024. Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã được trích lập, Công ty sẽ thực hiện bổ sung vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu theo quy định của pháp luật liên quan, sau khi có phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

Số dư quỹ dự phòng tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5%. Theo quy định của Thông tư số 114/2021/TT-BTC, Công ty không thực hiện trích quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận sau thuế từ năm 2024. Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính đã được trích lập, Công ty sẽ thực hiện bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Số dư các quỹ của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Trích lập các quỹ	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	4.305	4.305	4.305
2	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	705	705	705
Tổng		**5.010**	**5.010**	**5.010**

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán của LPBS, BCTC quý I 2026 của LPBS

2.1.9. Các khoản chi phí quản lý Công ty

Đơn vị: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Quý I/2026

Chi phí nhân viên	22.611	53.753	32.700
Chi phí văn phòng phẩm	592	2.672	515
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.146	11.448	3.402
Chi phí thuế, phí và lệ phí	21	41	12
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.485	31.686	12.470
- Chi phí văn phòng	*146*	*282*	*141*
- Chi phí hoạt động	*725*	*9.668*	*2.097*
- Chi phí công tác (vé máy bay, tiền phòng)	*818*	*2.533*	*843*
- Chi phí tiếp khách	*277*	*335*	*166*
- Chi phí kiểm toán	*545*	*2.016*	*196*
- Chi phí luật sư, tư vấn	*954*	-	-
- Chi phí thuê văn phòng	*3.181*	*10.702*	*2.038*
- Chi phí thông tin, đường truyền	*1.840*	*6.150*	*6.989*
Chi phí khác	621	-	-
Tổng cộng	36.476	99.600	49.099

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán của LPBS, BCTC Quý I năm 2026 của LPBS

Năm 2025, chi phí quản lý của Công ty là 99.600 triệu đồng. Chi phí quản lý của Công ty năm 2024 là 36.476 triệu đồng. Như vậy, trong năm 2025, chi phí quản lý của Công ty tăng 63.124 triệu đồng, với mức tăng 173% so với năm 2024. Trong đó, chi phí tăng chủ yếu đến từ các loại chi phí dưới đây:

- Chi phí nhân viên: Năm 2025 tăng so với năm 2024 chủ yếu do Công ty mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, kéo theo nhu cầu gia tăng nhân sự. Theo đó, số lượng nhân sự tăng từ 194 người năm 2024 lên 279 người năm 2025. Đồng thời, Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bổ sung các vị trí quản lý và điều chỉnh chính sách lương, thưởng nhằm nâng cao năng lực vận hành và thu hút, giữ chân nhân sự, dẫn đến chi phí nhân viên tăng tương ứng.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định: Năm 2025 tăng so với năm 2024 chủ yếu do Công ty tăng cường đầu tư trang thiết bị, máy móc và hạ tầng phục vụ hoạt động kinh doanh. Theo đó, tổng nguyên giá tài sản cố định tăng từ khoảng 43 tỷ đồng năm 2024 lên khoảng 58 tỷ đồng năm 2025, làm chi phí khấu hao ghi nhận trong kỳ tăng tương ứng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Năm 2025 tăng so với năm 2024 chủ yếu do quy mô hoạt động của Công ty được mở rộng, bao gồm gia tăng số lượng nhân sự và mở rộng địa điểm làm việc. Theo đó, các chi phí liên quan như chi phí thuê văn phòng, chi phí bảo trì hệ thống và chi phí nâng cấp phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh tăng so với năm trước.

Nhìn chung, chi phí quản lý của Công ty tăng phù hợp với chiến lược mở rộng hoạt động và đầu tư nâng cao năng lực vận hành.

2.1.10. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2024	Năm 2025

I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**		
1.	Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	(7.626.745)	(208.225.114)
2.	Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	4.347.780	186.721.778
3.	Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	-	(2.470)
4.	Tiền cổ tức đã nhận	-	14.773
5.	Tiền lãi đã thu	123.725	346.084
6.	Tiền chi lãi vay cho hoạt động của CTCK	(5.097)	(437.883)
7.	Tiền chi trả tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	(31.657)	(36.617)
8.	Tiền chi trả cho người lao động	(43.739)	(135.385)
9.	Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	(25.526)	(86.118)
10.	Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các tài sản tài chính	(120)	(1.695)
11.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	107.558	91.150
12.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(140.540)	(105.412)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.294.361)	(21.856.909)
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**		
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	(44.226)	(30.843)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	11	-
3.	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	445	403
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(43.771)	(30.440)
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**		
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	3.638.000	8.780.000
2.	Tiền vay gốc	1.875.077	34.300.270
3.	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.323.138)	(21.517.708)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	4.189.939	21.562.561

IV.	**Tăng/giảm tiền thuần trong năm**	**851.807**	**(324.787)**
V.	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**	**44.242**	**896.049**
	- Tiền	242	896.049
	- Các khoản tương đương tiền	44.000	-
VI.	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)**	**896.049**	**571.262**
	- Tiền	896.049	571.262

Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán của LPBS

Giai đoạn năm 2024 - 2025, Công ty mở rộng quy mô hoạt động, gia tăng các khoản mục tài sản tài chính tại các danh mục FVTPL, HTM, AFS và cho vay ký quỹ.

Kế hoạch duy trì thanh khoản: Danh mục đầu tư của Công ty tập trung vào các tài sản có tính thanh khoản cao, với kỳ hạn dòng tiền phân bổ đa dạng từ ngắn hạn tới trung hạn để giảm tập trung hóa rủi ro, góp phần kiểm soát rủi ro và bảo đảm thanh khoản.

2.1.11. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2024	31/12/2025
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn *Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn*	*Lần*	4,17	1,79
Hệ số thanh toán nhanh *(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn*	*Lần*	Không áp dụng	Không áp dụng
2. Cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	21,4%	55,9%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	27,2%	126,8%
3. Năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản *Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân*	*Vòng*	0,07	0,10

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2024	31/12/2025
Vòng quay vốn lưu động *Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân*	*Vòng*	0,08	0,10
Vòng quay hàng tồn kho *Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân*	*Vòng*	Không áp dụng	Không áp dụng
4. Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) *Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần*	%	41,7%	31,0%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) *Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân*	%	3,0%	3,0%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) *Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân*	%	3,8%	6,1%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	*Đồng*	271	909

Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán của LPBS

Nhận xét về các chỉ tiêu tài chính của Công ty

- **Về khả năng thanh toán**

Chỉ số về khả năng thanh toán phản ánh năng lực hoàn thành các nghĩa vụ nợ ngắn hạn của doanh nghiệp, qua đó cho thấy mức độ an toàn tài chính và khả năng duy trì hoạt động ổn định. Tại thời điểm cuối năm 2025, hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty đạt 1,79 lần, giảm so với mức 4,17 lần ghi nhận tại cuối năm 2024.

Sự thay đổi này chủ yếu xuất phát từ việc Công ty chủ động cơ cấu lại nguồn vốn theo hướng tối ưu hiệu quả sử dụng vốn, đồng thời mở rộng hạn mức tín dụng tại các ngân hàng thương mại uy tín. Việc gia tăng sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn với chi phí hợp lý đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong bối cảnh Công ty đẩy mạnh các nghiệp vụ cốt lõi như cho vay ký quỹ, tự doanh và đầu tư.

Mặc dù hệ số thanh toán ngắn hạn có xu hướng giảm, mức 1,79 lần vẫn cao hơn đáng kể so với ngưỡng an toàn chung của ngành, phản ánh khả năng thanh khoản vững chắc và dư địa tài chính linh hoạt của một công ty chứng khoán nằm trong nhóm dẫn đầu thị trường. Với quy mô vốn lớn, khả năng tiếp cận nguồn vốn đa dạng và mối quan hệ bền chặt với các tổ chức tín dụng, Công ty hoàn toàn bảo đảm năng lực đáp ứng đầy đủ và kịp thời các nghĩa vụ tài chính trong ngắn hạn, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho chiến lược tăng trưởng bền vững trong các giai đoạn tiếp theo.

- **Về cơ cấu vốn**

Công ty duy trì một cơ cấu vốn an toàn và phù hợp với định hướng phát triển trong giai đoạn mở rộng quy mô. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng từ 21,4% lên 55,9% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 27,2% lên 126,8%. Sự thay đổi đáng kể của các chỉ tiêu này phản ánh chiến lược chủ động gia tăng sử dụng nợ vay nhằm tối ưu hóa cơ cấu nguồn vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu.

Với mức hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu vượt ngưỡng 100%, nhưng vẫn thấp hơn rất nhiều so với giới hạn tối đa theo quy định tại Thông tư 121/2020/TT-BTC (tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán không được vượt quá 05 lần), Công ty tiếp tục bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn tài chính.

Cơ cấu nợ vay của Công ty chủ yếu là các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại cổ phần uy tín, với điều kiện tín dụng linh hoạt và chi phí vốn hợp lý. Nguồn vốn này được sử dụng hiệu quả để mở rộng các hoạt động kinh doanh cốt lõi như cho vay ký quỹ, đầu tư và tự doanh, qua đó gia tăng năng lực cạnh tranh và khả năng sinh lời. Nhờ lợi thế về quy mô vốn, thương hiệu và khả năng tiếp cận nguồn vốn đa dạng, Công ty vẫn duy trì nền tảng tài chính ổn định, bảo đảm an toàn thanh khoản và tạo dư địa thuận lợi cho tăng trưởng bền vững trong các giai đoạn tiếp theo.

- **Về năng lực hoạt động**

Vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,07 vòng trong năm 2024 lên 0,10 vòng trong năm 2025, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản để tạo ra doanh thu của Công ty đã được cải thiện rõ rệt. Sự gia tăng này phản ánh việc Công ty khai thác tốt hơn quy mô tài sản hiện có, đặc biệt trong bối cảnh mở rộng hoạt động kinh doanh và gia tăng quy mô tài sản trong năm.

Bên cạnh đó, vòng quay vốn lưu động tăng từ 0,08 vòng trong năm 2024 lên 0,10 vòng trong năm 2025, cho thấy mức độ sử dụng tài sản ngắn hạn để tạo ra doanh thu tiếp tục được nâng cao. Điều này cho thấy Công ty đã có những cải thiện tích cực trong công tác quản trị vốn lưu động, tối ưu hóa phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh doanh cốt lõi như cho vay ký quỹ, đầu tư và các dịch vụ tài chính khác.

Các chỉ tiêu hiệu quả hoạt động được cải thiện đồng thời phản ánh chiến lược sử dụng tài sản hợp lý, gắn liền với việc gia tăng đòn bẩy tài chính có kiểm soát và mở rộng quy mô hoạt động. Qua đó, Công ty không chỉ nâng cao hiệu quả khai thác tài sản mà còn tạo nền tảng vững chắc để cải thiện khả năng sinh lời và củng cố vị thế cạnh tranh trên thị trường trong các giai đoạn tiếp theo.

- **Về khả năng sinh lời**

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) duy trì ổn định ở mức 3%, cho thấy hiệu quả khai thác tài sản của Công ty không bị suy giảm dù quy mô tài sản và dư nợ vay tăng mạnh trong năm 2025. Điều này phản ánh năng lực quản trị tài sản và khả năng chuyển hóa tài sản thành lợi nhuận.

Đáng chú ý, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) ghi nhận mức tăng trưởng từ 3,8% lên 6,1%, cho thấy hiệu quả sử dụng vốn của cổ đông được cải thiện. Song song đó, thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) tăng mạnh 235%, từ 271 đồng lên 909 đồng trong năm 2025, phản ánh kết quả tích cực từ việc mở rộng quy mô kinh doanh, tối ưu hóa cơ cấu vốn và kiểm soát hiệu quả chi phí.

Ngoài ra, cần lưu ý rằng Công ty đã hoàn tất đợt tăng vốn trong Quý IV/2025, dẫn đến quy mô vốn chủ sở hữu tăng mạnh trong thời gian ngắn. Do yếu tố thời điểm, chỉ tiêu ROE tính trên cơ sở bình quân cả năm 2025 chưa phản ánh đầy đủ năng lực sinh lời thực tế của Công ty trong giai đoạn hoạt động cao điểm sau tăng vốn.

Việc duy trì ROE ở mức cao ngay sau tăng vốn phản ánh năng lực hấp thụ vốn tốt, hiệu quả triển khai các nghiệp vụ kinh doanh cốt lõi và khả năng tối ưu hóa đòn bẩy tài chính một cách linh hoạt. Đây là nền tảng quan trọng để Công ty tiếp tục nâng cao hiệu quả sinh lời trên vốn chủ sở hữu, đồng thời củng cố vị thế trong các giai đoạn tiếp theo.

Đánh giá: Khả năng sinh lời của Công ty có sự phân hóa theo hướng tích cực. Việc ROE tăng mạnh cùng với EPS tăng cho thấy chiến lược gia tăng đòn bẩy tài chính có kiểm soát và mở rộng quy mô vốn trong năm 2025 đã phát huy hiệu quả, mang lại giá trị gia tăng cho cổ đông. Đây là tín hiệu tích cực, khẳng định định hướng phát triển của Công ty trong việc cân bằng giữa tăng trưởng quy mô và tối ưu hóa lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu.

2.3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập

Không có

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với báo cáo tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm năm 2024 và năm 2025 của LPBS. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán tại các BCTC kiểm toán năm 2024 và năm 2025 đều là ý kiến chấp thuận toàn phần. Cụ thể như sau:

- **BCTC năm 2024 kiểm toán**

Ý kiến của Kiểm toán viên theo Báo cáo Kiểm toán số 0463/VN1A-HN-BC ngày 21/02/2025 của Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."*

- **BCTC năm 2025 kiểm toán**

Ý kiến của Kiểm toán viên theo Báo cáo Kiểm toán số 0461/VN1A-HN-BC ngày 26/01/2026 của Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài*

chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Chỉ tiêu

Kế hoạch lợi nhuận năm 2026

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Năm 2026	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2025
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	1.687	3.800	125,29%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	653	1.700	160,28%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	522	1.360	160,54%
Vốn chủ sở hữu bình quân (tỷ đồng)	8.589	16.000(*)	86,28%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	38,7%	44,7%	15,53%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	30,9%	35,8%	15,66%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	7,6%	10,6%	39,76%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	6,1%	8,5%	39,86%
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-

Nguồn: BCTC năm 2025 được kiểm toán và Nghị quyết số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ

** VCSH bình quân kế hoạch năm 2026 được tính bằng trung bình cộng VCSH đầu năm 2026 và VCSH dự kiến cuối năm 2026. Trong đó, VCSH cuối năm 2026 dự kiến bằng VCSH cuối 2025 cộng với số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng (4.256 tỷ đồng) và Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2026 (1.360 tỷ đồng).*

Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên: HĐQT của Công ty đã thông qua doanh thu, lợi nhuận, cổ tức năm 2026 tại Nghị quyết HĐQT số 24/2026/NQ-HĐQT do HĐQT LPBS ban hành ngày 18/03/2026 về việc phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank.

4.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Năm 2026, để hoàn thành các kế hoạch nêu trên, trên cơ sở chủ động và quyết liệt trong điều hành, LPBS xác định các giải pháp triển khai cụ thể như sau:

Công ty triển khai xây dựng cơ cấu nguồn và cân đối nguồn vốn hiệu quả nhằm giảm chi phí vốn. Tận dụng nguồn vốn huy động được thông qua việc chào bán, hạn mức tín dụng từ những đối tác trên thị trường vốn, Công ty sẽ đẩy mạnh hoạt động cho vay ký quỹ, tăng khả năng tiếp cận của nhà đầu tư và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn. Song song với việc cho vay ký quỹ, Công ty cũng đa dạng hóa danh mục tài sản sang những hoạt động đầu tư giấy tờ có giá như trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và hoạt động đầu tư cổ phiếu. Nhờ sự đa dạng hóa đó, Công ty sẽ duy trì mức sinh lời ổn định, không bị phụ thuộc vào một nguồn thu cố định.

Công ty đặt mục tiêu nâng cao cải thiện trải nghiệm khách hàng từ nền tảng ứng dụng giao dịch thông minh, từ đó nâng cao sự gắn kết và mở rộng cơ sở khách hàng sử dụng dịch vụ ký quỹ. Bên cạnh việc đa dạng hóa các gói sản phẩm tín dụng, LPBS chú trọng xây dựng cơ chế quản trị rủi ro thận trọng, ứng dụng công nghệ trong giám sát tỷ lệ an toàn và quản lý danh mục cho vay ký quỹ.

Đồng thời, Công ty định hướng tiếp tục mở rộng hoạt động môi giới chứng khoán, bao gồm cổ phiếu, chứng khoán phái sinh, chứng quyền và các sản phẩm tài chính đầu tư khác để đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, mở rộng cho khách hàng nhiều sự lựa chọn.

Đầu tư công nghệ, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số: Chuyển đổi số được coi là một nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới với định hướng: (i) triển khai đồng bộ các dự án mang lại lợi ích nhanh chóng (quick - win); (ii) đầu tư nguồn lực cho những dự án mang lại lợi ích dài hạn, triển khai dự án phục vụ phát triển kinh doanh, các giải pháp số hóa tăng chất lượng dịch vụ khách hàng, tự động hóa quy trình…

Song song với các biện pháp trên, Công ty cũng thực hiện: (i) kiểm soát chi phí, giảm tỷ lệ CIR (tỷ lệ Chi phí hoạt động/Tổng thu nhập hoạt động); (ii) nâng cao chất lượng nhân sự, bảo đảm cơ cấu lao động hợp lý giúp tăng năng suất lao động.

Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2025 và định hướng phát triển trong thời gian tới, Công ty xây dựng kế hoạch năm 2026 với một số giả định về tăng trưởng quy mô tài sản, các mảng hoạt động chính như sau:

Cơ sở xây dựng kế hoạch, các giả định về quy mô danh mục đầu tư, lợi suất dự kiến:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Hoạt động	Quy mô dự kiến tại 31/12/2026	Quy mô bình quân năm 2026 dự kiến	Lợi suất bình quân năm 2026 dự kiến	Doanh thu
Cho vay ký quỹ	18.098.000	14.990.000	11 - 13%	1.652.000

Tiền gửi	10.000.000	10.000.000	6,8 - 9%	680.000
Trái phiếu	4.470.000	4.592.000	10,9%	500.000
Cổ phiếu	4.000.000	4.000.000	14,5%	580.000
Doanh thu phí giao dịch và các hoạt động khác				388.000
Tổng				**3.800.000**

Nguồn: LPBS

- **Hoạt động cho vay ký quỹ:**
  - Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ từ cuối 2025, giúp cải thiện năng lực tài chính, đáp ứng các tỷ lệ để tăng hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ. Dư nợ cho vay đặt kế hoạch đạt 18.098 tỷ đồng vào cuối năm 2026 tương ứng tỷ lệ cho vay trên vốn chủ sở hữu (dự kiến cuối 2026) khoảng 96% - thấp hơn so với quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là 200%.
  - Lãi suất cho vay ký quỹ bình quân dự kiến ở mức 11%/năm.
  - Với dư nợ cho vay và lợi suất dự kiến, kế hoạch doanh thu từ hoạt động này là 1.652 tỷ đồng.
- **Hoạt động đầu tư trái phiếu:**
  - Quy mô danh mục đầu tư trái phiếu kế hoạch là 4.470 tỷ đồng tại cuối năm 2026, tương ứng khoảng 24% vốn chủ sở hữu - thấp hơn quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là 70%.
  - Năm 2025, Công ty chủ yếu đầu tư trái phiếu của các tổ chức tín dụng và trái phiếu chính phủ. Cuối 2025, Công ty phân bổ danh mục đầu tư thêm trái phiếu doanh nghiệp để cải thiện lợi suất danh mục. Sang 2026, Công ty đặt kế hoạch tiếp tục cơ cấu, cải thiện lợi suất danh mục trái phiếu, và bảo đảm các quy trình quản trị rủi ro của Công ty. Kế hoạch lợi suất mục tiêu danh mục trái phiếu là khoảng 10,9%/năm.
- **Hoạt động tự doanh cổ phiếu:**

  Về quy mô, danh mục đầu tư cổ phiếu dự kiến chiếm tỷ trọng phù hợp trong tổng danh mục đầu tư tài chính. Công ty duy trì chiến lược đầu tư vào các cổ phiếu của các công ty đầu ngành hưởng lợi từ chu kỳ phát triển kinh tế dài hạn của đất nước, trong đó phần lớn tập trung vào các cổ phiếu vốn hóa lớn, thanh khoản tốt. Tiêu chí lựa chọn các mã trong danh mục cổ phiếu:
  - Là doanh nghiệp thuộc nhóm đầu ngành, hưởng lợi từ các chính sách vĩ mô của Việt Nam.
  - Khả năng tăng trưởng lợi nhuận của doanh nghiệp trong 2025 - 2026.
  - Định giá của cổ phiếu ở mức hấp dẫn.
  - Ưu tiên mã cổ phiếu nằm trong danh sách phát hành chứng quyền (CW) của HOSE.
  - Danh mục tự doanh cổ phiếu dự kiến đạt mức bình quân 4.000 tỷ đồng trong năm 2026.

- Dựa trên định giá và kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận cốt lõi của các doanh nghiệp, Công ty đặt mục tiêu tỷ suất lợi nhuận khoảng 14,5%/năm.
- Tuy nhiên, trong trường hợp rủi ro địa chính trị và các yếu tố vĩ mô trên thế giới leo thang và kéo dài, có thể tác động tới lạm phát, lãi suất và tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp, danh mục tự doanh có thể bị ảnh hưởng nhất định trong ngắn hạn.

- **Hoạt động đầu tư giấy tờ có giá khác:**

  Danh mục hợp đồng tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có quy mô dự kiến khoảng 10.000 tỷ đồng, và doanh thu kế hoạch là khoảng 680 tỷ đồng trong năm 2026. Lãi suất danh mục bình quân dự kiến ở mức ~6,8%/năm, dựa trên điều kiện thị trường và môi trường lãi suất trong năm 2026.

Trên cơ sở các giả định nêu trên, Công ty đánh giá kế hoạch kinh doanh năm 2026 có cơ sở để triển khai trong điều kiện thị trường thuận lợi. Tuy nhiên, kết quả thực tế có thể chịu ảnh hưởng bởi diễn biến của thị trường tài chính và các yếu tố vĩ mô.

4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn (và Tổ chức kiểm toán độc lập) về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Không áp dụng.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 120 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020:

"Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó."

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank được thành lập vào ngày 12/02/2009, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu của cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1.Thông tin chung về cổ đông lớn

2.1.1. Cổ đông lớn là cá nhân

TT	Tên Cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch	Chức vụ tại LPBS
1	Nguyễn Xuân Thái		Việt Nam	Thành viên HĐQT
2	Nguyễn Thị Minh Anh		Việt Nam	Khối Digital
3	Nguyễn Ngọc Mỹ Anh		Việt Nam	Không có
4	Ngô Quyết Tiến		Việt Nam	Không có
5	Phạm Thu Hằng		Việt Nam	Không có

Thông tin về ông Nguyễn Xuân Thái hiện được trình bày tại mục 3.1.3, Phần VI. Thông tin về cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng tại Bản Cáo Bạch này.

Bà Nguyễn Thị Minh Anh được hưởng tiền lương, thưởng, các khoản trợ cấp và các lợi ích khác theo các quy định nội bộ của Công ty (chi tiết tại tiểu mục 2.4 Mục VI của Bản Cáo Bạch).

Bà Nguyễn Ngọc Mỹ Anh, ông Ngô Quyết Tiến và bà Phạm Thu Hằng không có lợi ích liên quan đến Công ty.

2.1.2. Cổ đông lớn là tổ chức

Không có.

2.2.Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan

Chi tiết số cổ phần của các cổ đông nắm giữ từ trên 5% cổ phần của Công ty và tỷ lệ nắm giữ như sau:

Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông lớn	Tại ngày 01/04/2026		Dự kiến sau phát hành (*)	
		Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Thị Minh Anh - *Nguyễn Quốc Anh: Em trai* (1)	123.411.556	9,74%	123.411.556	8,76%
2	Nguyễn Xuân Thái - *Nguyễn Ngọc Mỹ Anh: Chị gái* - *Nguyễn Đức Thụy: Bố đẻ* (2)	190.020.000	15%	190.020.000	13,49%
3	Nguyễn Ngọc Mỹ Anh - *Nguyễn Xuân Thái: Em trai* - *Nguyễn Đức Thụy: Bố đẻ* (2)	190.020.000	15%	190.020.000	13,49%
4	Ngô Quyết Tiến - *Đặng Thị Thu Hà: Vợ* (3)	122.684.741	9,68%	122.684.741	8,71%
5	Phạm Thu Hằng - *Phạm Xuân Nam: Chồng* (4)	117.225.946	9,25%	117.225.946	8,32%

Ghi chú: Số lượng cổ phiếu của người có liên quan của cổ đông lớn LPBS tại ngày 15/04/2026 và dự kiến sau phát hành như sau:

STT	Tên người có liên quan của cổ đông lớn	Tại ngày 01/04/2026		Dự kiến sau phát hành (*)	
		Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
(1)	Nguyễn Quốc Anh	63.000.000	4,97%	63.000.000	4,47%
(2)	Nguyễn Đức Thụy	62.706.000	4,95%	62.706.000	4,45%
(3)	Đặng Thị Thu Hà	200.000	0,02%	200.000	0,01%
(4)	Phạm Xuân Nam	200.000	0,02%	200.000	0,01%

(*) Số lượng cổ phiếu dự kiến sau đợt chào bán của cổ đông lớn sẽ phụ thuộc vào số lượng Cổ phiếu chào bán thành công của đợt chào bán và số lượng cổ phiếu của cổ đông lớn tham gia mua trong đợt chào bán này. Số liệu được tính toán dựa trên giả định các cổ đông lớn không tham gia đợt chào bán và tổng số lượng cổ phiếu sau đợt chào bán là 1.408.668.000 cổ phiếu.

Căn cứ quy định của pháp luật về chứng khoán và thông tin do các cổ đông cung cấp, các mối quan hệ người có liên quan giữa các cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ của Công ty được xác định chủ yếu trên cơ sở quan hệ gia đình trực hệ và quan hệ hôn nhân, cụ thể như sau:

- Nhóm cổ đông Nguyễn Xuân Thái - Nguyễn Ngọc Mỹ Anh - Nguyễn Đức Thụy có quan hệ gia đình, trong đó: Ông Nguyễn Xuân Thái và bà Nguyễn Ngọc Mỹ Anh là anh em ruột; ông Nguyễn Đức Thụy là bố đẻ của ông Nguyễn Xuân Thái và bà Nguyễn Ngọc Mỹ Anh. Trong nhóm này, ông Nguyễn Xuân Thái và bà Nguyễn Ngọc Mỹ Anh mỗi người nắm giữ 15% vốn điều lệ Công ty tại ngày 15/04/2026 và là cổ đông lớn theo quy định; ông Nguyễn Đức Thụy nắm giữ 4,95% vốn điều lệ và là người có liên quan của các cổ đông lớn nêu trên.
- Bà Nguyễn Thị Minh Anh là cổ đông nắm giữ 9,74% vốn điều lệ Công ty; ông Nguyễn Quốc Anh là em trai của bà Nguyễn Thị Minh Anh và là người có liên quan theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- Ông Ngô Quyết Tiến là cổ đông nắm giữ 9,68% vốn điều lệ Công ty; bà Đặng Thị Thu Hà là vợ của ông Ngô Quyết Tiến và là người có liên quan.
- Bà Phạm Thu Hằng là cổ đông nắm giữ 9,25% vốn điều lệ Công ty; ông Phạm Xuân Nam là chồng của bà Phạm Thu Hằng và là người có liên quan.

Trên cơ sở thông tin hiện tại:

Các cổ đông lớn nắm giữ từ 10% vốn điều lệ Công ty đã cung cấp văn bản cam kết về việc không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên tại bất kỳ công ty chứng khoán nào khác theo quy định tại Điều 74 Luật Chứng khoán.

Các mối quan hệ người có liên quan được xác định chủ yếu là quan hệ gia đình, không hình thành cấu trúc sở hữu chéo, không tạo ra nhóm cổ đông cùng người có liên quan vi phạm giới hạn sở hữu theo Điều 74 Luật Chứng khoán. Công ty hiện không có công ty con, công ty liên kết, do đó không phát sinh quan hệ sở hữu chéo thông qua pháp nhân trung gian. Trên cơ sở các phân tích nêu trên, Công ty đánh giá rằng cơ cấu cổ đông và mối quan hệ người có liên quan hiện tại không ảnh hưởng đến việc tuân thủ các điều kiện hoạt động của công ty chứng khoán, bao gồm các quy định về giới hạn sở hữu theo Điều 74 Luật Chứng khoán.

2.3. Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông và những người có liên quan của họ

Không có.

2.4. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết

Các cổ đông lớn nhận được cổ tức hằng năm theo phương án được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

Ngoài ra, cổ đông lớn Nguyễn Thị Minh Anh còn có các lợi ích liên quan tới Tổ chức đăng ký niêm yết như sau:

- Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết: Bà Nguyễn Thị Minh Anh đã ký Hợp đồng lao động với LPBS từ ngày 03/09/2025.
- Lương, thưởng, phúc lợi trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại Tổ chức đăng ký niêm yết:

Lương, thưởng, phúc lợi		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	Năm 2025 (triệu đồng)	ESOP	Cổ tức
Không có	43,3	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

2.5.Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với LPBS hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của LPBS

Không có.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

3.1. Danh sách thành viên HĐQT

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị tại ngày 15/04/2026

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Duy Khoa	Chủ tịch HĐQT
2	Vũ Thanh Huệ	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Xuân Thái	Thành viên HĐQT
4	Hoàng Việt Anh	Thành viên HĐQT
5	Hoàng Duy Hiển	Thành viên HĐQT
6	Trần Thị Thu Hường	Thành viên HĐQT
7	Phan Thành Sơn	Thành viên độc lập HĐQT
8	Phạm Quang Hưng	Thành viên độc lập HĐQT

Thông tin chi tiết của từng thành viên HĐQT như sau:

3.1.1. Ông Nguyễn Duy Khoa - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Nguyễn Duy Khoa
Năm sinh :
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ học vấn : Đại học
Năng lực chuyên môn : Cử nhân Thị trường Tài chính - Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính do UBCKNN cấp

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006 - 2007	CTCP Chứng khoán Thăng Long (MBS)	Nhân viên môi giới
2008 - 2012	CTCP Chứng khoán Kim Eng Việt Nam	Giám đốc Chi nhánh
2013 - 2017	CTCP Chứng khoán SSI	Giám đốc Khối Môi giới
2018 - 2020	Công ty TNHH Chứng khoán ACB	Phó Tổng Giám đốc
2021 - 2023	CTCP Chứng khoán VNDirect	Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp
2023 - 2024	CTCP Quản lý Quỹ Red Capital	Giám đốc Đầu tư
02/2025 - 04/2025	CTCP Chứng khoán LPBank	Chủ tịch HĐQT - Thành viên độc lập HĐQT
05/2025 - 07/2025	CTCP Chứng khoán LPBank	Chủ tịch HĐQT
07/2025 - 01/2026	CTCP Chứng khoán LPBank	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
01/2026 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Chủ tịch HĐQT
23/01/2026 - nay	CTCP Sàn giao dịch Tài sản mã hóa Sacom	Chủ tịch HĐQT
21/04/2026 - nay	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết:

Thời gian công tác	Chức vụ
02/2025 - 04/2025	Chủ tịch HĐQT - Thành viên độc lập HĐQT
05/2025 - 07/2025	Chủ tịch HĐQT
07/2025 - 01/2026	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
01/2026 - nay	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
23/01/2026 - nay	CTCP Sàn giao dịch Tài sản mã hóa Sacom	Chủ tịch HĐQT
21/04/2026 - nay	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB	Chủ tịch HĐQT

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 500.000 cổ phần, tương ứng 0,04% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với LPBS:

- Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	**Năm 2025 (triệu đồng)**	**ESOP**	**Cổ tức**
0	213	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có): Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.1.2. Bà Vũ Thanh Huệ - Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Vũ Thanh Huệ
Năm sinh :
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ học vấn : Đại học
Năng lực chuyên môn : Cử nhân Luật - Đại học Luật Hà Nội
Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/2008 - 09/2013	CTCP Quản lý quỹ đầu tư MB	Chuyên viên Pháp chế
03/2015 - 12/2018	CTCP Tập đoàn F.I.T	Thư ký HĐQT
01/2019 - 06/2019	Công ty Luật TNHH Vietthink	Luật sư tư vấn
10/2019 - 08/2020	CTCP Thaiholdings	Trưởng phòng Pháp chế
08/2020 - 06/2022	CTCP Quốc tế Sơn Hà	Trưởng phòng Pháp chế
06/2022 - 09/2022	CTCP Thaiholdings	Giám đốc Ban Pháp chế
09/2022 - 04/2023	CTCP Thaiholdings	Phó Tổng Giám đốc kiêm Người phụ trách quản trị công ty
04/2023 - nay	CTCP Thaiholdings	Thành viên HĐQT
04/2023 - 08/2023	CTCP Chứng khoán LPBank	Thành viên HĐQT
08/2023 - 12/2023	CTCP Chứng khoán LPBank	Chủ tịch HĐQT
12/2023 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Phó Chủ tịch HĐQT
12/2023 - nay	CTCP Phát triển Bất động sản Thaihomes	Chủ tịch HĐQT
04/2024 - nay	CTCP Du lịch Kim Liên	Thành viên HĐQT
23/01/2026 - nay	CTCP Sàn giao dịch Tài sản mã hóa Sacom	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết:

Thời gian công tác	Chức vụ
04/2023 - 08/2023	Thành viên HĐQT
08/2023 - 12/2023	Chủ tịch HĐQT
12/2023 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2023 - nay	CTCP Thaiholdings	Thành viên HĐQT
12/2023 - nay	CTCP Phát triển Bất động sản Thaihomes	Chủ tịch HĐQT
04/2024 - nay	CTCP Du lịch Kim Liên	Thành viên HĐQT
23/01/2026 - nay	CTCP Sàn giao dịch Tài sản mã hóa Sacom	Thành viên HĐQT

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 200.000 cổ phần, tương ứng 0,02% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết:

Họ tên	Mối quan hệ với thành viên HĐQT	Cổ đông/người nội bộ của Công ty	Số lượng cổ phần nắm giữ
Đào Quốc Lợi	Chồng của bà Vũ Thanh Huệ	Cổ đông của Công ty	200.000

- Lợi ích liên quan đối với LPBS:

o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT: Không có.

o Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	Năm 2025 (triệu đồng)	ESOP	Cổ tức
180	180	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có): Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.1.3. Ông Nguyễn Xuân Thái - Thành viên HĐQT

Họ và tên : Nguyễn Xuân Thái
Năm sinh :
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ học vấn : Đại học
Năng lực chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Đại học Massachusetts Boston
Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2025 - nay	CTCP Đầu tư Thể thao Phù Đổng	Thành viên HĐQT
03/02/2026 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Thành viên HĐQT
23/01/2026 - nay	CTCP Sàn giao dịch Tài sản mã hóa Sacom	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết:

Thời gian công tác	Chức vụ
03/02/2026 - nay	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2025 - nay	CTCP Đầu tư Thể thao Phù Đổng	Thành viên HĐQT
23/01/2026 - nay	CTCP Sàn giao dịch Tài sản mã hóa Sacom	Thành viên HĐQT

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 190.020.000 cổ phần, tương ứng 15% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 252.726.000 cổ phần, tương ứng 19,95% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết:

Họ tên	Mối quan hệ với thành viên HĐQT	Cổ đông/người nội bộ của Công ty	Số lượng cổ phần nắm giữ
Nguyễn Ngọc Mỹ Anh	Chị gái của ông Nguyễn Xuân Thái	Cổ đông của Công ty	190.020.000
Nguyễn Đức Thụy	Bố đẻ của ông Nguyễn Xuân Thái	Cổ đông của Công ty	62.706.000

- Lợi ích liên quan đối với LPBS:

- Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	**Năm 2025 (triệu đồng)**	**ESOP**	**Cổ tức**
0	0	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có): Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.1.4. Ông Hoàng Việt Anh - Thành viên HĐQT

Họ và tên : Hoàng Việt Anh
Năm sinh :
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ học vấn : Thạc sĩ
Năng lực chuyên môn : Thạc sĩ Tài chính - Đại học Birmingham
Chứng chỉ CMT do Hiệp hội CMT cấp
Chứng chỉ CFA do Hiệp hội CFA cấp
Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2011 - 04/2020	Ngân hàng MSB	Giám đốc Giao dịch ngoại tệ, trái phiếu và phái sinh
04/2020 - 06/2022	Công ty Chứng khoán Pinetree	Giám đốc Nguồn vốn và Đầu tư
06/2022 - 09/2023	CTCP Chứng khoán VNDirect	Giám đốc Quản lý Tài khoản Khách hàng lớn (AM)
09/2023 - 04/2025	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Trưởng bộ phận Tư vấn Đầu tư
05/2025 - 21/01/2026	CTCP Chứng khoán LPBank	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Đối ngoại
22/01/2026 - 03/02/2026	CTCP Chứng khoán LPBank	Tổng Giám đốc

03/02/2026 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết:

Thời gian công tác	Chức vụ
05/2025 - 21/01/2026	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Đối ngoại
22/01/2026 - 03/02/2026	Tổng Giám đốc
03/02/2026 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với LPBS:

o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc: Không có.

o Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	**Năm 2025 (triệu đồng)**	**ESOP**	**Cổ tức**
0	1.265,2	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có): Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.1.5. Ông Hoàng Duy Hiển - Thành viên HĐQT

Họ và tên : Hoàng Duy Hiển

Năm sinh :

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ học vấn : Đại học

Năng lực chuyên môn : Kỹ sư - Đại học Bách khoa Hà Nội

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001 - 2008	Công ty TNHH Tin học Thiên Nam	Giám đốc Trung tâm Phát triển Phần mềm
2008 - 2015	CTCP Tin học Á Châu	Phó giám đốc Chi nhánh Hà Nội; Trưởng phòng Phát triển phần mềm
2015 - 2017	CTCP Giải pháp Quản lý SSG	Phụ trách VPĐD Hà Nội
2017 - 05/2023	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	Phó Giám đốc Khối CNTT
05/2023 -12/2024	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	Giám đốc Khối CNTT
12/2024 - nay	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	Phó Giám đốc Khối CNTT
12/2024 - 04/2025	CTCP Chứng khoán LPBank	Thành viên độc lập HĐQT
05/2025 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết:

Thời gian công tác	Chức vụ
12/2024 - 04/2025	Thành viên độc lập HĐQT
05/2025 - nay	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/2024 – nay	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	Phó Giám đốc Khối CNTT

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với LPBS:

o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT: Không có.

o Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	**Năm 2025 (triệu đồng)**	**ESOP**	**Cổ tức**
0	120	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có): Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.1.6. Bà Trần Thị Thu Hường - Thành viên HĐQT

Họ và tên : Trần Thị Thu Hường
Năm sinh :
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ học vấn : Thạc sĩ
Năng lực chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học Bách khoa Hà Nội
Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ
Chứng chỉ đào tạo Thẩm định viên về giá
Chứng chỉ Quản trị công ty

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2009 - 10/2010	CTCP Chứng khoán An Bình	Chuyên viên Phân tích đầu tư
11/2010 - 04/2023	CTCP Chứng khoán LPBank (tiền thân là CTCP Chứng khoán Liên Việt)	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội Trưởng Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT Chuyên viên Phòng Dịch vụ Chứng khoán Chuyên viên Phòng Đầu tư
04/2023 - 12/2024	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (tiền thân là Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt)	Trưởng Phòng Quan hệ cổ đông và Nhà đầu tư - Văn phòng HĐQT LPBank

12/2024 - 25/12/2025	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	Phó phòng Trợ lý và Thư ký - Văn phòng Quản trị LPBank
12/2025 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Thành viên HĐQT
08/12/2025 - nay	CTCP Quản lý quỹ LPB	Thành viên HĐQT
27/03/2026 – nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Người phụ trách quản trị Công ty

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết:

Thời gian công tác	Chức vụ
11/2010 - 04/2023	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội Trưởng Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT Chuyên viên Phòng Dịch vụ Chứng khoán Chuyên viên Phòng Đầu tư
12/2025 - nay	Thành viên HĐQT
27/03/2026 - nay	Người phụ trách quản trị Công ty

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/12/2025 - nay	CTCP Quản lý quỹ LPB	Thành viên HĐQT

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với LPBS:

o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT: Không có.

o Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	**Năm 2025 (triệu đồng)**	**ESOP**	**Cổ tức**
0	0	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có): Không có.

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.1.7. Phan Thành Sơn - Thành viên độc lập HĐQT

Họ và tên	: Phan Thành Sơn
Năm sinh	:
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ học vấn	: Cử nhân
Năng lực chuyên môn	: Cử nhân Xây dựng - Trường ĐH Xây dựng Quốc gia Moscow

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2016 - 2019	CTCP TEXO Tư vấn và Đầu tư	Cán bộ TVGS
2019 - 2022	CTCP Mastereal	Chuyên viên phân tích đầu tư
2023 - nay	CTCP Thaiholdings	Trưởng bộ phận Quản lý Đầu tư
03/02/2026 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Thành viên độc lập HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết:

Thời gian công tác	Chức vụ
03/02/2026 - nay	Thành viên độc lập HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2023 - nay	CTCP Thaiholdings	Trưởng bộ phận Quản lý Đầu tư

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với LPBS:

o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT: Không có.

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	**Năm 2025 (triệu đồng)**	**ESOP**	**Cổ tức**
0	0	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có): Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.1.8. Phạm Quang Hưng - Thành viên độc lập HĐQT

Họ và tên : Phạm Quang Hưng
Năm sinh :
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ học vấn : Thạc sĩ
Năng lực chuyên môn : Thạc sĩ Khoa học tính toán và Định phí - Viện Khoa học Tài chính và Tính toán Pháp

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2005 - 04/2011	Công ty Mercer và Deloitte, tư vấn toàn cầu	Chuyên viên Tư vấn
06/2011 - 10/2013	Công ty Mazars Assurance Vie, Paris, Pháp	Trưởng phòng Định phí
02/2014 - 02/2015	Công ty TNHH BHNT Sun Life Việt Nam (tiền thân là PVI Sun Life)	Trưởng phòng Định phí
03/2015 - 06/2019	Công ty TNHH BHNT Fubon Việt Nam	Chuyên gia tính toán được chỉ định kiêm Quản lý rủi ro
12/2019 - 10/2025	Công ty TNHH BHNT Cathay Việt Nam	Chuyên gia tính toán, Giám đốc tài chính, Phó Tổng Giám đốc
12/2025 - 28/02/2026	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm LPBank	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản trị
03/02/2026 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Thành viên độc lập HĐQT
28/04/2026 - nay	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	Thành viên độc lập HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết:

Thời gian công tác	Chức vụ
03/02/2026 - nay	Thành viên độc lập HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
28/04/2026 - nay	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	Thành viên độc lập HĐQT

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với LPBS:

o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT:

- Giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (ông Phạm Quang Hưng là thành viên độc lập HĐQT của LPBank): Xem tại tiểu mục 10.5, Mục IV ở trên.
- Giữa Công ty với ông Phạm Quang Hưng và người có liên quan khác của ông Phạm Quang Hưng: Không có.

o Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	**Năm 2025 (triệu đồng)**	**ESOP**	**Cổ tức**
0	0	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có): Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.2. Danh Sách BKS

Danh sách thành viên BKS tại ngày 15/04/2026

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
1	Bùi Lê Quang	Trưởng BKS	
2	Nguyễn Bảo Lâm	Thành viên BKS	
3	Bùi Thị Thanh Nhàn	Thành viên BKS	

Thông tin chi tiết của từng thành viên như sau:

3.2.1. Bùi Lê Quang - Trưởng BKS

Họ và tên : Bùi Lê Quang
Năm sinh :
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ học vấn : Thạc sĩ
Năng lực chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Trung tâm Pháp Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG Hà Nội)

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000 - 2002	Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Thắng Lợi	Trưởng phòng Đại lý
2002 - 2004	CTCP Du lịch Bưu Điện	Chuyên viên Phòng Kế hoạch
2004 - 2007	CTCP In Bưu Điện	Phó Giám đốc Trung tâm Tin học
2007 - nay	Công ty Tài chính Tín dụng Tiêu dùng TNHH MTV Aeon (tiền thân là Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện)	Trưởng phòng Đầu tư Tài chính
2011 - 2013	CTCP Đầu tư và Phát triển SACOM	Trưởng BKS
2011 - 2017	Quỹ Đầu tư tăng trưởng Việt Nam	Phó Chủ tịch
2012 - 2015	CTCP Thủy điện Quế Phong	Thành viên HĐQT
2012 - 2018	CTCP Đầu tư Thương mại Việt Nhật	Thành viên HĐQT
2018 - 2023	CTCP Dịch vụ Số liệu Toàn Cầu	Thành viên BKS
05/2024 - 06/2025	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	Thành viên HĐQT
25/04/2024 - nay	CTCP Du lịch Kim Liên	Trưởng BKS
26/04/2024 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Trưởng BKS

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết:

Thời gian công tác	Chức vụ
26/04/2024 - nay	Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007 - nay	Công ty Tài chính Tín dụng Tiêu dùng TNHH MTV Aeon (tiền thân là Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện)	Trưởng phòng Đầu tư Tài chính
25/04/2024 - nay	CTCP Du lịch Kim Liên	Trưởng Ban kiểm soát

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với LPBS:

o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS: Không có.

o Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng		**Lợi ích khác**	
Năm 2024 (triệu đồng)	**Năm 2025 (triệu đồng)**	**ESOP**	**Cổ tức**
80	120	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có): Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.2.2. Nguyễn Bảo Lâm - Thành viên BKS

Họ và tên : Nguyễn Bảo Lâm
Năm sinh :
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ học vấn : Đại học
Năng lực chuyên môn : Cử nhân Kiểm toán - Học viện Tài chính
Quá trình công tác:

Thời gian công tác	**Đơn vị công tác**	**Chức vụ**
07/2017 - 09/2019	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C	Kiểm toán viên
10/2019 - 01/2020	CTCP Tập đoàn TH	Kiểm toán nội bộ
01/2020 - nay	CTCP Thaiholdings	Kiểm toán nội bộ
04/2024 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Thành viên BKS

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết:

Thời gian công tác	**Chức vụ**
04/2024 - nay	Thành viên BKS

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thời gian công tác	**Đơn vị công tác**	**Chức vụ**
01/2020 - nay	CTCP Thaiholdings	Kiểm toán nội bộ

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với LPBS:

o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS: Không có.

o Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng		**Lợi ích khác**	
Năm 2024 (triệu đồng)	**Năm 2025 (triệu đồng)**	**ESOP**	**Cổ tức**
40	60	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có): Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.2.3. Bùi Thị Thanh Nhàn - Thành viên BKS

Họ và tên : Bùi Thị Thanh Nhàn
Năm sinh :
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ học vấn : Đại học
Năng lực chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh Tổng hợp - Đại học Kinh tế Quốc dân
Quá trình công tác:

Thời gian công tác	**Đơn vị công tác**	**Chức vụ**
05/2012 - 06/2013	Công ty TNHH Xây dựng Xuân Khiêm	Nhân viên Kế toán
09/2013 - 05/2015	CTCP Xuân Thành Group	Nhân viên Kế toán
06/2015 - 03/2017	CTCP Tập đoàn Thaigroup	Nhân viên Kế toán
04/2017 - 04/2018	CTCP Xuân Thành Group	Nhân viên Kế toán
05/2018 - 06/2019	Văn phòng đại diện CTCP - Tập đoàn Thaigroup tại Hà Nội	Chuyên viên Ban Tài chính kế toán
04/2023 - nay	CTCP Thaiholdings	Thành viên BKS

04/2023 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Thành viên BKS

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết:

Thời gian công tác	Chức vụ
04/2023 - nay	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2023 - nay	CTCP Thaiholdings	Thành viên Ban kiểm soát

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với LPBS:

o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS: Không có.

o Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu đồng)	Năm 2025 (triệu đồng)	ESOP	Cổ tức
60	60	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có): Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.3. Danh sách Ban TGĐ và Kế toán trưởng

Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng tại ngày 15/04/2026

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
1	Hoàng Việt Anh	Tổng Giám đốc	
2	Nguyễn Thị Ngàn	Kế toán trưởng	

Thông tin chi tiết của từng thành viên như sau:

3.3.1. Ông Hoàng Việt Anh - Tổng Giám đốc

Thông tin đã nêu tại mục 3.1.4.

3.3.2. Bà Nguyễn Thị Ngàn - Kế toán trưởng

Họ và tên	: Nguyễn Thị Ngàn
Năm sinh	:
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ học vấn	: Đại học
Năng lực chuyên môn	: Cử nhân Kế toán Chứng chỉ hành nghề Môi giới chứng khoán do UBCKNN cấp Chứng chỉ Kế toán quản trị do CMA Australia tại Việt Nam cấp

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006 - 03/2007	CTCP Hanamco	Kế toán tổng hợp
03/2007 - 04/2014	CTCP Chứng khoán Sacombank	Trưởng Bộ phận Kế toán - CNHN
05/2014 - 05/2016	CTCP Chứng khoán SHBS	Phó phòng Kế toán
06/2016 - 12/2021	CTCP Chứng khoán Asean	Kế toán trưởng
2022 - 06/2023	CTCP Công nghệ Sapo	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán
09/2023 - 10/2025	CTCP Quản lý Quỹ Amber	Kế toán trưởng
28/10/2025 - nay	CTCP Chứng khoán LPBank	Kế toán trưởng

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết:

Thời gian công tác	Chức vụ
28/10/2025 - nay	Kế toán trưởng

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại LPBS tại thời điểm 15/04/2026: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với LPBS:

- Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với Kế toán trưởng và những người có liên quan của Kế toán trưởng: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng		**Lợi ích khác**	
Năm 2024 (triệu đồng)	**Năm 2025 (triệu đồng)**	**ESOP**	**Cổ tức**
0	119	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có): Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

1. Loại cổ phiếu:

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu:

10.000 đồng/cổ phiếu *(mười nghìn đồng)*/cổ phiếu.

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 141.868.000 (một trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn) cổ phiếu, tương đương với 11,19892643% số lượng cổ phiếu đang lưu hành, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng: 141.868.000 *(một trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn)* cổ phiếu, tương đương với 11,19892643% số lượng cổ phiếu đang lưu hành; và
- Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu của cổ đông chào bán ra công chúng trong cùng đợt: 0 cổ phiếu, tương đương với 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 1.418.680.000.000 đồng (một nghìn bốn trăm mười tám tỷ sáu trăm tám mươi triệu đồng).

5. Giá chào bán dự kiến:

30.000 đồng/cổ phiếu *(ba mươi nghìn đồng)*/cổ phiếu.

6. Phương pháp tính giá:

Mức giá chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng là mức giá do HĐQT quyết định dựa trên nguyên tắc xác định giá đã được ĐHĐCĐ của Công ty thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026, theo đó giá chào bán mỗi cổ phiếu không thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty theo Báo cáo tài chính Quý IV năm 2025 được xác định là 10.416 đồng (số đã được làm tròn).

Giá chào bán đã được HĐQT Công ty thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 19/2026/NQ-HĐQT ngày 09/02/2026, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc xác định giá nêu trên.

6.1.Phương pháp xác định giá PEG

Khi xác định giá chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, Công ty sử dụng phương pháp định giá PEG làm cơ sở tham chiếu chính, chi tiết như sau:

- Phương pháp định giá PEG: là phương pháp định giá dựa trên chỉ số PEG, là một chỉ số tài chính được sử dụng để đánh giá giá trị đầu tư của một công ty dựa trên tỷ lệ P/E và tốc độ

tăng trưởng thu nhập của công ty. Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS * PEG_{\text{bình quân đại diện ngành}} * g_{\text{Công ty}}$$

Trong đó:

- EPS: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)
- $PEG_{\text{bình quân đại diện ngành}}$: Chỉ số PEG bình quân của một số công ty hoạt động trong cùng ngành được tham chiếu.
- $g_{\text{Công ty}}$: Tốc độ tăng trưởng bình quân EPS của Công ty.

Theo đó, chỉ số PEG của ngành chứng khoán trong giai đoạn 2023 - 2025 được xác định như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
1	P/E của ngành chứng khoán	Lần	23,4
2	Tốc độ tăng trưởng bình quân EPS của đại diện ngành	%	44,62
3	$PEG_{\text{bình quân đại diện ngành}}$ (3) = (1)/(2)	Lần	0,52

Nguồn: LPBS tổng hợp.

Giá trị cổ phiếu LPBS theo phương pháp định giá PEG được xác định như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
EPS (VND/cổ phiếu)	271	909	999
$g_{\text{Công ty}}$ (%)	67		
$PEG_{\text{bình quân đại diện ngành}}$ (lần)			0,52
Giá cổ phiếu LPBS (VND/cổ phiếu)			34.805
Giá cổ phiếu LPBS làm tròn (VND/cổ phiếu)	**34.800**		

Dựa trên kết quả tính toán từ phương pháp định giá PEG, giá trị hợp lý của 01 (một) cổ phiếu LPBS là khoảng 34.800 VND/cổ phiếu.

Hội đồng quản trị Công ty cũng xem xét bổ sung các yếu tố thị trường và triển vọng hoạt động kinh doanh trong quá trình quyết định mức giá chào bán cụ thể.

6.2.Phương pháp định giá PB

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$P = BVPS * P/B \text{ bình quân đại diện ngành}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B);
- BVPS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu;

- P/B bình quân đại diện ngành: Giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh đang niêm yết trên HOSE.

Chỉ số P/B của một số doanh nghiệp có quy mô tương đồng với LPBS trong ngành chứng khoán tại thời điểm đóng cửa phiên 02/02/2026:

Tên doanh nghiệp	Mã cổ phiếu	Sở giao dịch	BVPS của năm tài chính 2025 (VND)	Giá đóng cửa tại ngày 02/02/2026	P/B
CTCP Chứng khoán SSI	SSI	HOSE	15.446,84	30.800	1,99
CTCP Chứng khoán Kỹ Thương	TCX	HOSE	19.079,92	55.700	2,92
CTCP Chứng khoán VietinBank	CTS	HOSE	13.425,13	31.000	2,31
CTCP Chứng khoán FPT	FTS	HOSE	12.756,11	32.600	2,56
P/B bình quân đại diện ngành					**2,45**

Nguồn: Báo cáo tài chính QIV/2025 của các công ty so sánh, LPBS tổng hợp

Giá trị cổ phiếu LPBS theo phương pháp P/B được xác định như sau:

Diễn giải	Đơn vị	Giá trị
Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2025 (1)	Tỷ Đồng	13.195
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 31/12/2025 (2)	Cổ phiếu	1.266.800.000
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (3) = (1)/(2)	Đồng	10.416
P/B bình quân đại diện ngành (4)	Lần	2,45
Giá cổ phiếu LPBS (5) = (3) x (4)	**Đồng/cổ phiếu**	**25.519**
Giá cổ phiếu LPBS làm tròn	**Đồng/cổ phiếu**	**25.500**

Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán của LPBS

➢ Tổng hợp kết quả từ 2 phương pháp định giá trên, vùng giá hợp lý của cổ phiếu LPBS là khoảng 25.500 - 34.800 VND/cổ phiếu.

6.3.Các giả định chính trong quá trình xác định giá

Việc xác định giá chào bán được thực hiện trên cơ sở các giả định chính sau:

- Công ty tiếp tục hoạt động liên tục và ổn định theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;
- Không phát sinh biến động trọng yếu bất lợi đối với tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh và môi trường pháp lý của Công ty tại thời điểm thực hiện chào bán;

- Kế hoạch kinh doanh và phương án sử dụng vốn sau chào bán được triển khai theo định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- Các chỉ tiêu an toàn tài chính của Công ty tiếp tục được duy trì ở mức đáp ứng yêu cầu của pháp luật về chứng khoán.

Các giả định nêu trên được Hội đồng quản trị Công ty xem xét một cách thận trọng trong bối cảnh diễn biến của thị trường chứng khoán và điều kiện kinh tế vĩ mô tại thời điểm chào bán.

6.4.Nhận định chung về mức giá chào bán

Trên cơ sở các phương pháp, giả định và tham chiếu nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty đánh giá mức giá chào bán được xác định là phù hợp với tình hình tài chính, năng lực hoạt động và triển vọng phát triển của Công ty, đồng thời bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

7. Phương thức phân phối

Đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành.

Phương thức phân phối:

Cổ phiếu chào bán cho nhà đầu tư sẽ được phân phối thông qua:

(i) Tổ chức phát hành; và

(ii) Các đại lý phân phối được chỉ định bởi Hội đồng quản trị bao gồm:

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (theo Mục 15, Điều 1, Nghị quyết HĐQT số 19/2026/NQ-HĐQT do HĐQT LPBS ban hành ngày 09/02/2026 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng chi tiết và triển khai phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và việc niêm yết chứng khoán);
- Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank (theo Nghị quyết HĐQT số 23/2026/NQ-HĐQT do HĐQT LPBS ban hành ngày 12/02/2026 về việc phê duyệt bổ sung Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank làm Đại lý Phân phối cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của LPBS).

Trách nhiệm chung của các đại lý phân phối:

- Cung cấp và tiếp nhận bộ hồ sơ đăng ký mua Cổ phiếu của nhà đầu tư;
- Hướng dẫn nhà đầu tư đăng ký mua Cổ phiếu của Tổ chức phát hành;
- Gửi báo cáo và danh sách nộp tiền mua Cổ phiếu của nhà đầu tư cho Tổ chức phát hành ngay sau khi kết thúc đợt chào bán; và
- Các công việc khác có liên quan để quá trình chào bán diễn ra thành công.

Nguyên tắc phân phối Cổ phiếu: LPBS sẽ thực hiện phân phối Cổ phiếu một cách công khai, công bằng và minh bạch theo đúng quy định của pháp luật. Các đại lý sẽ không phải cam kết

số lượng bán tối thiểu hay tối đa và các đại lý phân phối sẽ được chào bán cho nhà đầu tư theo số lượng mà LPBS được phép phát hành.

Phương án xử lý số lượng Cổ phiếu đăng ký mua vượt số lượng Cổ phiếu được phép chào bán: Trong trường hợp số lượng cổ phiếu đặt mua vượt quá tổng số lượng cổ phiếu chào bán, Công ty sẽ phân phối hết số lượng cổ phiếu chào bán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư và bảo đảm tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài nêu tại tiểu mục 14, Mục VII của Bản Cáo Bạch. Số cổ phiếu nhà đầu tư được phân phối sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Tổ chức phát hành sẽ hoàn trả lại tiền cho nhà đầu tư theo quy định tại Hướng dẫn thực hiện đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (**"Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu"**). LPBS không phân chia số lượng Cổ phiếu chào bán cho từng đại lý mà sẽ bảo đảm nguyên tắc phân phối theo đúng quy định tại Điều 26 - Phân phối chứng khoán tại Luật Chứng khoán và bảo đảm tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài nêu tại tiểu mục 14, Mục VII của Bản Cáo Bạch. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký mua Cổ phiếu, LPBS sẽ tổng hợp danh sách nhà đầu tư đăng ký mua qua tất cả các kênh phân phối bao gồm LPBS và các đại lý phân phối, và do đó nhà đầu tư sẽ được phân bổ theo đúng một tỷ lệ phân bổ công bằng giữa tất cả các kênh phân phối.

Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối hết: Nếu còn cổ phiếu chưa phân phối hết thông qua Công ty và các đại lý phân phối đã được chỉ định (bao gồm cả số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, đã đăng ký mua nhưng không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ) (**"Cổ Phiếu Cần Phân Phối"**) thì theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, số Cổ Phiếu Cần Phân Phối đó sẽ được HĐQT chào bán tiếp cho các nhà đầu tư khác theo quy định pháp luật, tuân thủ Phương án bảo đảm đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty (theo tiểu mục 14, Mục VII của Bản Cáo Bạch).

Trong trường hợp HĐQT phân phối tiếp cổ phiếu chưa phân phối hết, HĐQT quyết định:

(i) Tiêu chí nhà đầu tư được mua cổ phiếu chưa phân phối hết như sau:
- Các tổ chức, các cá nhân trong và ngoài nước mong muốn và có năng lực tài chính để đầu tư cổ phiếu Công ty; và/hoặc
- Các nhà đầu tư có khả năng đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

(ii) Giá chào bán không thấp hơn giá đã chào bán cho các nhà đầu tư thông qua Công ty và các đại lý phân phối được chỉ định.

Số cổ phiếu chưa phân phối hết khi chào bán tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (ngày kết thúc việc thu tiền mua chứng khoán được chào bán từ các nhà đầu tư) và bảo đảm tuân thủ theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155 và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp hết thời gian phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật, bao gồm cả thời gian gia hạn (nếu có), nếu số lượng cổ phiếu vẫn không được phân phối hết cho các nhà đầu tư khác, HĐQT sẽ hủy số lượng cổ phiếu không phân phối hết này và điều chỉnh giảm tổng số

lượng cổ phiếu phát hành theo đúng số lượng cổ phiếu thực tế đã được phân phối trong đợt chào bán.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1.Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu

Thời hạn đăng ký và thực hiện quyền mua tối thiểu là hai mươi (20) ngày theo quy định. Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu chính thức được Công ty công bố tại Bản thông báo chào bán sau khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

8.2.Số lượng cổ phiếu đăng ký mua

Số lượng đăng ký mua: Tối thiểu 100 cổ phiếu, tối đa không quá 70.433.300 cổ phiếu (tương đương dưới 5% vốn điều lệ dự kiến của Công ty sau đợt chào bán) và phải đăng ký theo bội số của 100 cổ phiếu.

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu: Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong bản thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng (**"Bản Thông Báo Chào Bán"**) và bảo đảm thời gian đăng ký và nộp tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Tổ chức phát hành theo thông tin tại tiểu mục 11, Mục VII của Bản Cáo Bạch.

Phương thức đăng ký mua cổ phiếu: Theo thông báo tại Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu.

8.3.Lưu ý cho nhà đầu tư khi mua Cổ phiếu

Để bảo đảm việc các nhà đầu tư khi tham gia mua Cổ phiếu Công ty tuân thủ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Chứng khoán, nhà đầu tư cần lưu ý:

- Bất kỳ nhà đầu tư nào đặt mua số lượng cổ phiếu có thể dẫn tới việc nhà đầu tư đó sở hữu trên 5% vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán của LPBS phải ký cam kết rằng nhà đầu tư đó không sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của 01 công ty chứng khoán khác.
- Bất kỳ nhà đầu tư nào đặt mua số lượng cổ phiếu có thể dẫn tới việc nhà đầu tư đó sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán của LPBS phải ký cam kết rằng nhà đầu tư đó và người có liên quan không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của bất kỳ công ty chứng khoán nào khác.

8.4.Lệnh đăng ký mua Cổ phiếu hợp lệ

Lệnh đăng ký mua Cổ phiếu được coi là hợp lệ (**"Lệnh Đăng Ký Hợp Lệ"**) khi LPBS đã tiếp nhận thông tin đăng ký của nhà đầu tư đúng, đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu và khi LPBS đã nhận đủ tiền đặt cọc của nhà đầu tư trong tài khoản phong tỏa theo quy định tại Mục 11 Phần VII của Bản Cáo Bạch này trong thời hạn quy định tại Bản Thông Báo Chào Bán.

Để làm rõ:

- Tiền đặt cọc được xác định bằng 10% (mười phần trăm) của tổng giá trị Cổ phiếu đăng ký mua.
- Tổng giá trị Cổ phiếu đăng ký mua tính bằng giá đăng ký mua Cổ phiếu của Lệnh Đăng Ký Hợp Lệ đó (x) nhân với số lượng Cổ phiếu đăng ký mua.
- Giá đăng ký mua Cổ phiếu là 30.000 đồng/cổ phiếu.
- Tiền đặt cọc không được hưởng lãi trong mọi trường hợp. Việc đặt cọc chỉ nhằm mục đích bảo đảm nhà đầu tư được tham gia đăng ký mua Cổ phiếu, thể hiện cam kết của nhà đầu tư trong việc thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua Cổ phiếu còn phải nộp nếu được phân bổ Cổ phiếu theo tỷ lệ phân phối.
  Tiền đặt cọc sẽ được tính vào số tiền mua Cổ phiếu sau khi khách hàng được phân bổ số Cổ phiếu được mua dựa trên Lệnh Đăng Ký Hợp Lệ.

Sau khi kết thúc thời gian đăng ký mua Cổ phiếu, LPBS sẽ tổng hợp Lệnh Đăng Ký Hợp Lệ để phân bổ Cổ phiếu. Trong trường hợp tổng số lượng đăng ký mua vượt quá số lượng cổ phiếu chào bán, LPBS sẽ áp dụng phân bổ theo tỷ lệ, được tính bằng Tổng số lượng cổ phiếu chào bán chia cho Tổng số lượng cổ phiếu tất cả các nhà đầu tư đăng ký mua hợp lệ trong khoảng thời gian đăng ký. Số lượng cổ phiếu nhà đầu tư được phân bổ sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Trong trường hợp khối lượng cổ phiếu được phân bổ của nhà đầu tư thấp hơn khối lượng đăng ký đặt mua tối thiểu theo quy định tại tiểu mục 8.2, Mục VII của Bản Cáo Bạch thì nhà đầu tư vẫn sẽ được coi là đã đăng ký mua thành công với khối lượng cổ phiếu đã được phân bổ.

Nhà đầu tư sẽ nhận được thông báo kết quả phân bổ Cổ phiếu theo từng kênh phân phối là đại lý phân phối hoặc LPBS nếu có Lệnh Đăng Ký Hợp Lệ tại các kênh phân phối.

Nhà đầu tư được phân bổ Cổ phiếu phải thanh toán số tiền mua Cổ phiếu (sau khi trừ đi số Tiền Đặt Cọc và các khoản tiền nộp thừa (nếu có) tại Giai Đoạn Đăng Ký Mua) theo Thông Báo Kết Quả Phân Bổ Cổ phiếu tại từng kênh phân phối trong thời hạn thanh toán tiền mua Cổ phiếu quy định tại Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu.

Những trường hợp sau đây nhà đầu tư không được hoàn trả lại tiền đặt cọc:

(i) Nhà đầu tư không thanh toán tiền mua Cổ phiếu được phân bổ;

(ii) Nhà đầu tư thanh toán không đầy đủ và/hoặc không đúng hạn số tiền mua Cổ phiếu được phân bổ. Trong trường hợp này, Nhà đầu tư chỉ được hoàn lại số tiền được xác định bằng số tiền đã nộp trừ đi tiền đặt cọc.

LPBS sẽ thực hiện hoàn trả cho Nhà đầu tư tiền đặt cọc của lệnh đăng ký mua không hợp lệ và số tiền quy định tại mục (ii) trên trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày LPBS nhận được Thông báo của UBCKNN về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả đợt chào bán Cổ phiếu bằng văn bản và Ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa thực hiện chấm dứt phong tỏa tài khoản.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối dự kiến: Trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối Cổ phiếu ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép UBCKNN xem xét gia hạn việc phân phối Cổ phiếu nhưng tối đa không quá 30 (ba mươi) ngày.

Sau khi Tổ chức phát hành nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng, HĐQT sẽ làm việc với các đại lý phân phối để thực hiện việc chào bán. Lịch trình chào bán Cổ phiếu ra công chúng sau khi Tổ chức phát hành được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng dự kiến như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện dự kiến
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng	T
2	TCPH công bố thông tin về đợt chào bán theo quy định	T
3	TCPH triển khai chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng	
	• Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua cổ phiếu	T
	• Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua cổ phiếu	T+20
	• TCPH thông báo kết quả đăng ký đặt mua cho nhà đầu tư	T+21 đến T+23
	• Nhà đầu tư hoàn thành việc nộp tiền đăng ký đặt mua cổ phiếu theo thông báo kết quả đăng ký đặt mua của TCPH	T+24 đến T+29
4	TCPH ban hành quyết định về việc xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết sau thời hạn đặt mua (bao gồm số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, số cổ phiếu nhà đầu tư đã đăng ký mua nhưng không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ)	T+30
5	TCPH thực hiện báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả đợt chào bán	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán
6	TCPH hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán và nhà đầu tư thanh toán dư tiền	Trong vòng 5 ngày kể từ ngày TCPH nhận được xác nhận của UBCKNN về kết quả đợt chào bán
7	TCPH chuyển giao Cổ phiếu cho nhà đầu tư	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

Ghi chú: Sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng, Tổ chức phát hành sẽ thông báo về thời gian phân phối cụ thể của đợt chào bán tại Bản Thông Báo Chào Bán.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Toàn bộ Cổ phiếu chào bán thông qua hình thức chào bán ra công chúng (không bao gồm số cổ phiếu chưa phân phối hết sau thời hạn đặt mua) không bị hạn chế chuyển nhượng. Số cổ phiếu chưa phân phối hết sau thời hạn đặt mua (bao gồm số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, số cổ phiếu nhà đầu tư đã đăng ký mua nhưng không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ) trong đợt chào bán được HĐQT phân phối tiếp cho các nhà đầu tư khác theo ủy quyền của ĐHĐCĐ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán Cổ phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa của Tổ chức phát hành với thông tin như sau:

Số tài khoản: 8660074358

Tên chủ tài khoản: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK

Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa nơi LPBS mở tài khoản phong tỏa không phải là người có liên quan của LPBS.

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Không có.

13. Hủy bỏ đợt chào bán

Đợt chào bán sẽ bị hủy bỏ trong trường hợp việc phân phối Cổ phiếu không đáp ứng điều kiện tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổ chức phát hành được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn, hoặc các trường hợp khác được quy định tại Điều 28 Luật Chứng khoán.

Phương án hoàn trả tiền cho nhà đầu tư đăng ký mua Cổ phiếu trong trường hợp đợt chào bán bị hủy bỏ: Trong trường hợp UBCKNN quyết định hủy bỏ đợt chào bán Cổ phiếu theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng khoán, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN có quyết định hủy bỏ đợt chào bán Cổ phiếu, Tổ chức phát hành sẽ công bố thông tin về việc hủy bỏ đợt chào bán Cổ phiếu trên 01 (một) tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 (ba) số liên tiếp, thu hồi số cổ phiếu đã phát hành, hoàn trả toàn bộ tiền mua cổ phiếu cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ, đồng thời thực hiện các thủ tục hồ sơ liên quan theo quy định.

Phương thức thu hồi cổ phiếu đã phát hành:

Đối với cổ phiếu đã được nhà đầu tư lưu ký: Công ty sẽ phối hợp cùng VSDC và các thành viên lưu ký (công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản chứng khoán và lưu ký cổ phiếu Công ty) để thực hiện thủ tục thu hồi cổ phiếu theo quy định của VSDC.

Đối với cổ phiếu chưa được nhà đầu tư lưu ký: Nhà đầu tư thực hiện thủ tục thu hồi cổ phiếu tại trụ sở chính của Công ty cổ phần Chứng khoán LPBank (vào các ngày làm việc trong tuần) theo thông báo của Công ty về việc hủy bỏ đợt chào bán Cổ phiếu nêu trên.

Phương thức hoàn trả tiền mua cổ phiếu:

Trường hợp nhà đầu tư ("NĐT") đăng ký mua trực tuyến qua hệ thống LPBS: LPBS sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền mua cổ phiếu của nhà đầu tư vào tài khoản chứng khoán của NĐT mở tại LPBS.

Trường hợp NĐT đăng ký mua qua kênh trực tiếp tại địa điểm kinh doanh của LPBS: LPBS thực hiện chuyển khoản toàn bộ số tiền mua cổ phiếu của nhà đầu tư về tài khoản ngân hàng của NĐT cung cấp trong giấy đăng ký mua.

Trường hợp NĐT đăng ký mua qua kênh đại lý phân phối: LPBS thực hiện chuyển khoản toàn bộ số tiền mua cổ phiếu của nhà đầu tư về tài khoản ngân hàng của NĐT do đại lý phân phối cung cấp trong danh sách NĐT (Đại lý phân phối căn cứ thông tin NĐT cung cấp trong giấy đăng ký mua).

Các điều khoản cam kết bồi thường cho nhà đầu tư nếu không tuân thủ trong thời hạn nêu trên:

Trong trường hợp quá thời hạn hoàn trả toàn bộ tiền mua cổ phiếu cho các nhà đầu tư, LPBS sẽ phải chịu lãi chậm trả tính trên số tiền trả chậm tính từ ngày đến hạn thanh toán cho đến khi toàn bộ số tiền chậm trả và lãi chậm trả đã được thanh toán toàn bộ cho nhà đầu tư. Lãi chậm trả là 100% lãi suất tiền gửi bình quân 12 tháng trả lãi sau của bốn ngân hàng TMCP tại Việt Nam là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) tính trên số ngày chậm trả tương ứng. Lãi suất này được xác định tại ngày đến hạn thanh toán.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Theo thông tin tại tiểu mục 9, Mục IV của Bản Cáo Bạch, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Tổ chức phát hành là 100% (một trăm phần trăm).

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 15/04/2026, Tổ chức phát hành có tỷ lệ sở hữu nước ngoài là 0%. Để bảo đảm đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty, việc nhà đầu tư nước ngoài tham gia đợt chào bán phải đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật và theo nguyên tắc sau:

- Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Chứng khoán và người có liên quan được sở hữu đến 100% vốn điều lệ của Công ty. Trường hợp không đáp ứng quy định của khoản 2 Điều 77 Luật Chứng khoán, nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và người có liên quan chỉ được sở hữu đến 49% vốn điều lệ của Công ty.
- Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân và người có liên quan được sở hữu đến 49% vốn điều lệ của Công ty.
- Nhà đầu tư nước ngoài là cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty và người có liên quan của họ (nếu có), không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Chứng khoán.
- Nhà đầu tư nước ngoài là cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của 01 công ty chứng khoán khác và người có liên quan của họ (nếu có), không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của 01 Công ty theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Chứng khoán.

15. Các loại thuế có liên quan

Các cổ đông sẽ chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, nhận cổ tức... theo các quy định hiện hành của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

15.1. Đối với nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Theo khoản 1 Điều 1 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 (được sửa đổi bởi Điều 2 Thông tư 119/2024/TT-BTC ngày 25/08/2014) và khoản 2 Điều 11 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 (được sửa đổi bởi Điều 16 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 hướng dẫn thực hiện thuế thu nhập cá nhân ("**TNCN**"), thuế TNCN áp dụng đối với cá nhân cư trú (bao gồm nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài được xác định là đối tượng cư trú tại Việt Nam)) (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm):

Thuế TNCN phải nộp = Giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần X Thuế suất 0,1%

Theo khoản 2 Điều 1 và Điều 20 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập cá nhân áp dụng đối với cá nhân không cư trú (bao gồm nhà đầu tư nước ngoài không đáp ứng điều kiện là đối tượng cư trú tại Việt Nam): thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

Thu nhập từ cổ tức

Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, thuế TNCN từ đầu tư vốn được tính như sau:

- Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

- Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phần, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.
- Cá nhân là cán bộ nhân viên được thưởng bằng cổ phiếu theo kế hoạch phát hành cổ phần thưởng cho người lao động (ESOP) chưa phải nộp thuế TNCN từ tiền lương, tiền công. Khi cá nhân chuyển nhượng cổ phiếu thưởng thì nộp thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu và thu nhập từ tiền lương, tiền công.

15.2. Đối với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

- Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ban hành ngày 14/06/2025 và có hiệu lực thi hành ngày 01/10/2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ban hành ngày 15/12/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ("Luật Thuế TNDN 2025") thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán được coi là thu nhập chịu thuế khác của doanh nghiệp và được cộng gộp với thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp chung cho doanh nghiệp theo mức thuế suất cụ thể được áp dụng cho doanh nghiệp đó.
- Đối với doanh nghiệp nước ngoài: Tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/08/2014 sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.
- Thu nhập từ cổ tức: Được miễn thuế theo quy định tại khoản 7, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2025.

16. Thông tin về các cam kết

16.1. Cam kết của cổ đông lớn

Cổ đông Nguyễn Xuân Thái, Nguyễn Ngọc Mỹ Anh, Nguyễn Thị Minh Anh, Ngô Quyết Tiến và Phạm Thu Hằng với tư cách là cổ đông lớn của Tổ chức phát hành cùng nhau cam kết nắm giữ tối thiểu 20% vốn điều lệ của Tổ chức phát hành tối thiểu 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán Cổ phiếu lần đầu ra công chúng của LPBS. Cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Số lượng chứng khoán sở hữu (cổ phiếu)	Số lượng chứng khoán cam kết nắm giữ (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu hiện tại	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau khi kết thúc đợt chào bán	Tỷ lệ cổ phiếu cam kết nắm giữ /Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành sau khi kết thúc đợt chào bán
1	Nguyễn Xuân Thái	190.020.000	190.020.000	15,00%	13,49%	13,489%

2	Nguyễn Ngọc Mỹ Anh	190.020.000	190.020.000	15,00%	13,49%	13,489%
3	Nguyễn Thị Minh Anh	123.411.556	50.000	9,74%	8,76%	0,004%
4	Ngô Quyết Tiến	122.684.741	50.000	9,68%	8,71%	0,004%
5	Phạm Thu Hằng	117.225.946	50.000	9,25%	8,32%	0,004%
Tổng cộng		**743.362.243**	**380.190.000**	**58,68%**	**52,77%**	**26,989%**

Tại thời điểm hiện nay, 05 cổ đông trên vẫn đang sở hữu số lượng cổ phiếu như bảng trên.

16.2. Các cam kết của Tổ chức phát hành

Cam kết về việc thực hiện niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán

Tổ chức phát hành cam kết triển khai thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán và niêm yết toàn bộ số cổ phiếu đang lưu hành tại HOSE trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán Cổ phiếu theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp Tổ chức phát hành không đáp ứng đủ điều kiện về việc niêm yết cổ phiếu, Tổ chức phát hành cam kết triển khai thực hiện việc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch UPCoM theo quy định pháp luật.

16.3. Các cam kết khác liên quan đến đợt chào bán

Tại thời điểm ban hành tại Bản Cáo Bạch, Tổ chức phát hành cam kết:

- Tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của LPBS được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn theo quy định tại điểm (d) khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán. Trường hợp không đáp ứng điều kiện này, Công ty sẽ hủy bỏ đợt chào bán theo quy định của Luật Chứng khoán;
- Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích như được quy định tại điểm (e) khoản 3 Điều 15 Luật Chứng khoán;
- Việc phát hành Cổ phiếu hoặc xử lý Cổ Phiếu Cần Phân Phối (nếu có) bảo đảm đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại LPBS như được quy định tại Điều 77 Luật Chứng khoán, Điều 139 Nghị định 155 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/02/2026;
- Tuân thủ theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155 về việc xử lý cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua;
- Tuân thủ quy định về giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này theo quy định tại Điều 293 Nghị định 155;
- Việc phân phối Cổ phiếu đáp ứng quy định về việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần của công ty mẹ, công ty con như được quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp;
- Đáp ứng đầy đủ cơ cấu thành viên HĐQT áp dụng đối với công ty niêm yết. Đồng thời, các thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của

Tổ chức phát hành đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- Tuân thủ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Luật Chứng khoán về việc cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của 01 công ty chứng khoán và người có liên quan của cổ đông, thành viên góp vốn đó (nếu có) không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của 01 công ty chứng khoán khác, bảo đảm duy trì điều kiện cấp phép sau chào bán.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

1. Mục đích chào bán

Tổ Chức Phát Hành chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để (i) huy động thêm vốn nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động Đầu tư các giấy tờ có giá, nhu cầu vay ký quỹ của khách hàng, đáp ứng nhu cầu hoạt động tự doanh và các hoạt động khác và (ii) trở thành công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán.

2. Phương án khả thi: Không áp dụng.

3. Thông tin về tình hình triển khai dự án: Không áp dụng.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

Tổng Tổng số tiền Tổ chức phát hành thu được từ Đợt chào bán dự kiến là 4.256.040.000.000 VND (*) sau khi trừ các khoản chi phí, lệ phí liên quan đến Đợt chào bán (phí tư vấn (nếu có), phí kiểm toán sử dụng vốn, lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán (**)...) dự kiến sẽ được sử dụng cho các mục đích được trình bày cụ thể dưới đây:

Bảng phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

TT	Mục đích	Kế hoạch sử dụng vốn dự kiến (VND)	Tỷ lệ so với tổng số tiền dự kiến thu được từ Đợt chào bán	Thời gian sử dụng vốn dự kiến
1	**Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư sản phẩm tài chính khác:**	**1.819.541.800.000**	**42,75%**	Từ quý II năm 2026 đến hết quý IV năm 2026
1.1	Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	1.819.541.800.000	42,75%	
2	**Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động tự doanh:**	**500.000.000.000**	**11,75%**	Từ quý II năm 2026

TT	Mục đích	Kế hoạch sử dụng vốn dự kiến (VND)	Tỷ lệ so với tổng số tiền dự kiến thu được từ Đợt chào bán	Thời gian sử dụng vốn dự kiến
2.1	Trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu Chính phủ	300.000.000.000	7,05%	đến hết quý IV năm 2026
2.2	Cổ phiếu và hoạt động tự doanh khác	200.000.000.000	4,70%	
3	**Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.**	**1.915.218.000.000**	**45,00%**	Từ quý II năm 2026 đến hết quý IV năm 2026
4	**Bổ sung nguồn vốn cho đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống an toàn thông tin (***), bao gồm:**	**21.280.200.000**	**0,50%**	Từ quý II năm 2026 đến hết quý IV năm 2026
4.1	Đầu tư bảo đảm và tăng cường an toàn thông tin.	10.000.000.000	0,23%	
4.2	Đầu tư mới và nâng cấp hệ thống Core.	9.000.000.000	0,21%	
4.3	Dịch vụ Cloud.	2.280.200.000	0,05%	
	Tổng cộng	**4.256.040.000.000**	**100,00%**	

• Giả định số lượng cổ phiếu chào bán thành công là 141.868.000 cổ phiếu với giá chào bán là 30.000 VND/cổ phiếu.

•• Các loại chi phí, lệ phí liên quan đến đợt chào bán có thể thay đổi tùy thuộc vào hợp đồng thực tế với các bên cung cấp dịch vụ thứ ba và biểu phí, lệ phí do cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành tại thời điểm thực hiện chào bán.

••• Chi tiết về mục đích sử dụng vốn cho Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống an toàn thông tin, chi tiết theo bảng dưới đây:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Hạng mục lớn	Hạng mục chi tiết		Nhà cung cấp dự kiến	Số tiền dự kiến
1. Đầu tư bảo đảm và tăng	Đánh giá thâm nhập và xâm phạm	Tăng cường an toàn thông tin	VNPT Cyber Immunity (****)	10,00

Hạng mục lớn	Hạng mục chi tiết		Nhà cung cấp dự kiến	Số tiền dự kiến
cường an toàn thông tin	Triển khai XDR	Giúp tăng cường bảo mật hệ thống, sớm phát hiện các cuộc tấn công trong nội bộ, đặc biệt liên quan tới Ransomware	Amigo Technologies (****)	
	Đầu tư PIM/PAM	Thêm tính năng bảo mật cho phần mềm quản lý truy cập người dùng vào hệ thống.	Amigo Technologies (****)	
	Dịch vụ SECaaS Anti-DDOS	Chống tấn công DoS và DDoS lớp ngoài. Ngoài ra dịch vụ SECaaS Giúp tăng cường bảo mật hệ thống	Amigo Technologies (****)	
	Đầu tư hệ thống SIEM	Tăng cường hệ thống lưu sự kiện An toàn thông tin tập trung.	Công ty Cổ phần Công nghệ An ninh không gian mạng Việt Nam	
	Dịch vụ giám sát an toàn thông tin	Tăng cường bảo vệ hệ thống	Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam	
2. Đầu tư mới và nâng cấp hệ thống Core	Hệ thống Giao dịch Chứng khoán Phái sinh	Đầu tư mới, phục vụ hoạt động kinh doanh Công ty	Công ty cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính (FSS)	9,00
	Bộ API phục vụ App Web mới	Phục vụ App, Web mới theo chiến lược của LPBS	Công ty CP Giải pháp Phần mềm Tài chính (FSS)	
	Bảo hành định kì các Core: Flex, Bond, FDS, Bravo		FSS, Bravo	
3. Dịch vụ Cloud	Dịch vụ Cloud	Đáp ứng các sản phẩm In house: Tăng trưởng khách hàng và phát triển sản phẩm mới	AWC và CMC (****)	2,28
Tổng cộng				**21,28**

***** Công ty dự kiến ký hợp đồng với VNPT Cyber Immunity, Amigo Technologies, AWC và CMC trong thời gian tới; trường hợp không ký kết với các đơn vị này, Công ty sẽ hợp tác với các đối tác khác nhằm bảo đảm hiệu quả và lợi ích tối ưu. Đối với các nhà cung cấp còn lại, Công ty đã hoàn tất ký kết hợp đồng.*

Tổng số tiền thực tế thu được từ Đợt chào bán sau khi trừ các khoản chi phí, lệ phí liên quan đến Đợt chào bán ("Số tiền ròng thu được từ Đợt chào bán") sẽ được phân bổ cho các hoạt

động của Công ty theo các mục đích nêu trên để bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn của Công ty trong từng thời kỳ.

Trong thời gian chưa sử dụng nguồn tiền cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán, nguồn tiền sẽ sử dụng để đầu tư chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu Chính phủ, cổ phiếu và hoạt động tự doanh khác.

Trường hợp Công ty không huy động đủ số tiền dự kiến theo kế hoạch thì Số tiền ròng thu được từ Đợt chào bán sẽ được phân bổ theo tỷ lệ phần trăm số tiền thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank.

Trên cơ sở nguyên tắc phân bổ nêu trên, phụ thuộc vào số tiền thực tế Tổ chức phát hành thu được từ Đợt chào bán, HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty để xây dựng Phương án sử dụng vốn chi tiết, quyết định việc phân bổ Số tiền ròng thu được từ Đợt chào bán, thứ tự ưu tiên sử dụng vốn và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, bảo đảm lợi ích tối đa cho các cổ đông và tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ Đợt chào bán, HĐQT bảo đảm thực hiện tuân thủ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định 155 và báo cáo lên cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Cụ thể, trong giai đoạn từ Quý II/2026 đến hết Quý IV/2026, Công ty dự kiến triển khai sử dụng vốn theo các mục đích đã nêu, trên cơ sở:

- Diễn biến thị trường chứng khoán và thị trường vốn;
- Nhu cầu thực tế của khách hàng đối với hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ;
- Kế hoạch đầu tư, tự doanh và các hoạt động kinh doanh khác theo phê duyệt Ban Lãnh đạo từng thời kỳ.

X. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng (*mười nghìn đồng*)/*cổ phiếu*
3. **Mã cổ phiếu:** LPS
4. **Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết:**

Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết là 1.266.800.000 (*một tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm nghìn*) cổ phiếu.

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết

STT	Họ và tên	Mối quan hệ với Công ty	Tổng số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (*)	Số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ 100% trong vòng 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên trên Sở Giao dịch Chứng khoán (**)	Số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ 50% trong vòng 06 tháng tiếp theo (**)	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng theo thỏa thuận khác của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết
1	Nguyễn Xuân Thái	Thành viên HĐQT và cổ đông lớn	190.020.000	15%	190.020.000	190.020.000	95.010.000	-
2	Nguyễn Ngọc Mỹ Anh	Cổ đông lớn và là người có liên quan của ông Nguyễn Xuân Thái	190.020.000	15%	190.020.000	190.020.000	95.010.000	-
3	Nguyễn Duy Khoa	Chủ tịch HĐQT	500.000	0,04%	-	500.000	250.000	-
4	Vũ Thanh Huệ	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-	-	-	-	-
5	Trần Thị Thu Hường	Thành viên HĐQT	-	-	-	-	-	-
6	Hoàng Duy Hiền	Thành viên HĐQT	-	-	-	-	-	-
7	Hoàng Việt Anh	Tổng Giám đốc và thành viên HĐQT	-	-	-	-	-	-
8	Phan Thành Sơn	Thành viên độc lập HĐQT	-	-	-	-	-	-
9	Phạm Quang Hưng	Thành viên độc lập HĐQT	-	-	-	-	-	-
10	Bùi Lê Quang	Trưởng Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-
11	Bùi Thị Thanh Nhàn	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-

STT	Họ và tên	Mối quan hệ với Công ty	Tổng số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (*)	Số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ 100% trong vòng 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên trên Sở Giao dịch Chứng khoán (**)	Số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ 50% trong vòng 06 tháng tiếp theo (**)	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng theo thỏa thuận khác của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết
12	Nguyễn Bảo Lâm	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-
13	Nguyễn Thị Ngân	Kế toán trưởng	-	-	-	-	-	-
14	Hoàng Công Nguyên Vũ	Giám đốc Khối Nghiệp vụ vận hành	-	-	-	-	-	-
15	Đỗ Thị Trang	Cổ đông	41.751.241	3,30%	-	-	-	2.599.674 (hạn chế chuyển nhượng đến 16/10/2026)
16	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thư ký HĐQT	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 01/04/2026 của LPBS

(*) Hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại điểm (d) khoản 1 Điều 15 Luật Chứng Khoán: *"Cổ đông lớn trước thời điểm chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của tổ chức phát hành phải cam kết cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% vốn điều lệ của tổ chức phát hành tối thiểu là 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán"*.

Theo đó, Cổ đông Nguyễn Xuân Thái, Nguyễn Ngọc Mỹ Anh, Nguyễn Thị Minh Anh, Ngô Quyết Tiến và Phạm Thu Hằng với tư cách là cổ đông lớn của Tổ chức phát hành cùng nhau cam kết nắm giữ tối thiểu 20% vốn điều lệ của Tổ chức phát hành tối thiểu 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán Cổ phiếu lần đầu ra công chúng của LPBS.

(**) Hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại điểm (đ) khoản 1 Điều 109 Nghị định 155: *"Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ."*

Theo đó, ông Nguyễn Duy Khoa, ông Nguyễn Xuân Thái, bà Nguyễn Ngọc Mỹ Anh cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên HSX và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo.

6. Phương pháp tính giá

Mức giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được tham khảo dựa trên phương pháp xác định giá PEG và phương pháp định giá PB.

6.1.Phương pháp xác định giá PEG

Khi xác định giá chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, Công ty sử dụng phương pháp định giá PEG làm cơ sở tham chiếu chính, chi tiết như sau:

- Phương pháp định giá PEG: là phương pháp định giá dựa trên chỉ số PEG, là một chỉ số tài chính được sử dụng để đánh giá giá trị đầu tư của một công ty dựa trên tỷ lệ P/E và tốc độ tăng trưởng thu nhập của công ty. Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS * PEG_{\text{bình quân đại diện ngành}} * g_{\text{Công ty}}$$

Trong đó:

- EPS: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)
- $PEG_{\text{bình quân đại diện ngành}}$: Chỉ số PEG bình quân của một số công ty hoạt động trong cùng ngành được tham chiếu.
- $g_{\text{Công ty}}$: Tốc độ tăng trưởng bình quân EPS của Công ty.

Theo đó, chỉ số PEG của ngành chứng khoán trong giai đoạn 2023 - 2025 được xác định như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
1	P/E của ngành chứng khoán	Lần	23,4

2	Tốc độ tăng trưởng bình quân EPS của đại diện ngành	%	44,62
3	PEG bình quân đại diện ngành (3) = (1)/(2)	Lần	0,52

Nguồn: LPBS tổng hợp.

Giá trị cổ phiếu LPBS theo phương pháp định giá PEG được xác định như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
EPS (VND/cổ phiếu)	271	909	999
g Công ty (%)	67		
PEG bình quân đại diện ngành (lần)			0,52
Giá cổ phiếu LPBS (VND/cổ phiếu)			34.805
Giá cổ phiếu LPBS làm tròn (VND/cổ phiếu)	**34.800**		

Dựa trên kết quả tính toán từ phương pháp định giá PEG, giá trị hợp lý của 01 (một) cổ phiếu LPBS là khoảng 34.800 VND/cổ phiếu.

Hội đồng quản trị Công ty cũng xem xét bổ sung các yếu tố thị trường và triển vọng hoạt động kinh doanh trong quá trình quyết định mức giá chào bán cụ thể.

6.2.Phương pháp định giá PB

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

P = BVPS * P/B bình quân đại diện ngành

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B);
- BVPS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu;
- P/B bình quân đại diện ngành: Giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh đang niêm yết trên HOSE.

Chỉ số P/B của một số doanh nghiệp có quy mô tương đồng với LPBS trong ngành chứng khoán tại thời điểm đóng cửa phiên 02/02/2026:

Tên doanh nghiệp	Mã cổ phiếu	Sở giao dịch	BVPS của năm tài chính 2025 (VND)	Giá đóng cửa tại ngày 02/02/2026	P/B
CTCP Chứng khoán SSI	SSI	HOSE	15.446,84	30.800	1,99
CTCP Chứng khoán Kỹ Thương	TCX	HOSE	19.079,92	55.700	2,92
CTCP Chứng khoán VietinBank	CTS	HOSE	13.425,13	31.000	2,31

CTCP Chứng khoán FPT	FTS	HOSE	12.756,11	32.600	2,56
P/B bình quân đại diện ngành					**2,45**

Nguồn: Báo cáo tài chính QIV/2025 của các công ty so sánh, LPBS tổng hợp

Giá trị cổ phiếu LPBS theo phương pháp P/B được xác định như sau:

Diễn giải	Đơn vị	Giá trị
Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2025 (1)	Tỷ Đồng	13.195
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 31/12/2025 (2)	Cổ phiếu	1.266.800.000
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (3) = (1)/(2)	Đồng	10.416
P/B bình quân đại diện ngành (4)	Lần	2,45
Giá cổ phiếu LPBS (5) = (3) x (4)	**Đồng/cổ phiếu**	**25.519**
Giá cổ phiếu LPBS làm tròn	**Đồng/cổ phiếu**	**25.500**

Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán của LPBS

- Tổng hợp kết quả từ 2 phương pháp định giá trên, vùng giá hợp lý của cổ phiếu LPBS là khoảng 25.500 - 34.800 VND/cổ phiếu.

6.3.Các giả định chính trong quá trình xác định giá

Việc xác định giá chào bán được thực hiện trên cơ sở các giả định chính sau:

- Công ty tiếp tục hoạt động liên tục và ổn định theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;
- Không phát sinh biến động trọng yếu bất lợi đối với tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh và môi trường pháp lý của Công ty tại thời điểm thực hiện chào bán;
- Kế hoạch kinh doanh và phương án sử dụng vốn sau chào bán được triển khai theo định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- Các chỉ tiêu an toàn tài chính của Công ty tiếp tục được duy trì ở mức đáp ứng yêu cầu của pháp luật về chứng khoán.

Các giả định nêu trên được Hội đồng quản trị Công ty xem xét một cách thận trọng trong bối cảnh diễn biến của thị trường chứng khoán và điều kiện kinh tế vĩ mô tại thời điểm chào bán.

6.4.Nhận định chung về mức giá chào bán

Trên cơ sở các phương pháp, giả định và tham chiếu nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty đánh giá mức giá chào bán được xác định là phù hợp với tình hình tài chính, năng lực hoạt động và triển vọng phát triển của Công ty, đồng thời bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

7. Các loại thuế có liên quan

Các cổ đông sẽ chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, nhận cổ tức... theo các quy định hiện hành của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

7.1.Đối với nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Theo khoản 1 Điều 1 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 (được sửa đổi bởi Điều 2 Thông tư 119/2024/TT-BTC ngày 25/08/2014) và khoản 2 Điều 11 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 (được sửa đổi bởi Điều 16 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 hướng dẫn thực hiện thuế thu nhập cá nhân ("**TNCN**"), thuế TNCN áp dụng đối với cá nhân cư trú (bao gồm nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài được xác định là đối tượng cư trú tại Việt Nam)) (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm):

Thuế TNCN phải nộp = Giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần X Thuế suất 0,1%

Theo khoản 2 Điều 1 và Điều 20 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập cá nhân áp dụng đối với cá nhân không cư trú (bao gồm nhà đầu tư nước ngoài không đáp ứng điều kiện là đối tượng cư trú tại Việt Nam): thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

Thu nhập từ cổ tức

Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, thuế TNCN từ đầu tư vốn được tính như sau:

- Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.
- Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phần, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.
- Cá nhân là cán bộ nhân viên được thưởng bằng cổ phiếu theo kế hoạch phát hành cổ phần thưởng cho người lao động (ESOP) chưa phải nộp thuế TNCN từ tiền lương, tiền công. Khi cá nhân chuyển nhượng cổ phiếu thưởng thì nộp thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu và thu nhập từ tiền lương, tiền công.

7.2.Đối với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

- Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ban hành ngày 14/06/2025 và có hiệu lực thi hành ngày 01/10/2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ban hành ngày 15/12/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ("Luật Thuế TNDN 2025") thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán được coi là thu nhập chịu thuế khác của doanh nghiệp và được cộng gộp với thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp chung cho doanh nghiệp theo mức thuế suất cụ thể được áp dụng cho doanh nghiệp đó.

- Đối với doanh nghiệp nước ngoài: Tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/08/2014 sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.
- Thu nhập từ cổ tức: Được miễn thuế theo quy định tại khoản 7, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2025.

XI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN:

Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính: Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 24) 71 050 000 Fax: (84 24) 62 885 678

Website: www.deloitte.com/vn

Tổ chức kiểm toán Báo cáo vốn điều lệ đã góp: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa B2, Roman Plaza, Đường Tố Hữu, Phường Đại Mỗ, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 24) 5678 3999 Fax: (84 24) 5678 3999

Website: https://uhyvietnam.com.vn/

TỔ CHỨC TƯ VẤN: Không có

Ý KIẾN CỦA CÁC CHUYÊN GIA VỀ VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT: Không có

XII. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG TỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

XIII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2026

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK

NGUYỄN DUY KHOA

TỔNG GIÁM ĐỐC	KẾ TOÁN TRƯỞNG
HOÀNG VIỆT ANH	NGUYỄN THỊ NGÀN

XIV. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
Giấy phép thành lập và hoạt động.

2. Phụ lục II: Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/02/2026 của ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank kèm theo Tờ trình số 09/2026/TTr-LPBS ngày 19/01/2026;
Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2026 kèm theo Báo cáo số 132/2026/BC-LPBS ngày 26/03/2026 của HĐQT về việc thay đổi mục đích sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu ra công chúng và Tờ trình số 68/2026/TTr-LPBS ngày 10/04/2026;

Nghị quyết số 19/2026/NQ-HĐQT ngày 09/02/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng chi tiết và triển khai phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và việc niêm yết chứng khoán;

Nghị quyết số 37/2026/NQ-HĐQT ngày 18/03/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank về việc điều chỉnh một số nội dung tại phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng chi tiết và triển khai phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và việc niêm yết chứng khoán;

3. Phụ lục III: Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank;

4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính năm 2024, 2025 được kiểm toán;
Báo cáo tài chính Quý I năm 2026;
Báo cáo kiểm toán vốn điều lệ đã góp của Tổ chức đăng ký niêm yết cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2025;
Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 3.888 tỷ đồng lên 12.668 tỷ đồng.

5. Phụ lục V: Phụ lục khác bao gồm:

- Ủy quyền ký báo cáo kiểm toán vốn điều lệ;
- Ủy quyền ký báo cáo tài chính kiểm toán.